NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
ĐỖ THU HÀ – NGUYỄN PHƯỚC HOÀNG – PHẠM THỊ THU HƯƠNG
NGUYỄN PHƯỚC BẢO KHÔI – NGUYỄN VĂN LỘC – VŨ THANH

BẢN MẪU

Ngữ văn

8

TẬP HAI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

VĂN BẢN

CÂU HỎI

MẪU

Các em giữ gìn sách cẩn thận, không viết vào sách để sử dụng được lâu dài.

Bài 6

TRUYỆN

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, nhân vật,...) và nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp; tình cảm, thái độ của người kể chuyện;...) của truyện.
- Nhận biết và hiểu tác dụng của các từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội trong đời sống và trong tác phẩm văn học.
- Viết được bài phân tích một tác phẩm truyện: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nêu rõ các luận điểm; sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- Trân trọng, cảm thông, chia sẻ với người khác.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Cách xác định đề tài và chủ đề trong tác phẩm văn học

Khái niệm đề tài và chủ đề các em đã học ở sách *Ngữ văn 6*, tập hai. Bài học này hướng dẫn các em cách xác định đề tài và chủ đề. Để xác định đề tài, người ta thường đặt câu hỏi: Tác phẩm viết về cái gì (hiện tượng, phạm vi cuộc sống)? Còn để xác định chủ đề, thường phải trả lời câu hỏi: Vấn đề cơ bản của tác phẩm là gì? Ví dụ, đề tài của truyện *Lão Hạc* là viết về người nông dân, còn chủ đề của truyện *Lão Hạc* là vấn đề cuộc sống cùng khổ và nhân phẩm của người nông dân. Đề tài của truyện *Người thầy đầu tiên* là tình thầy trò; chủ đề của tác phẩm này là đề cao vai trò của tri thức và trí thức trong việc giúp con người thoát khỏi cuộc sống bần cùng, lạc hậu và cái ác. Đề tài của truyện *Hoàng tử bé* viết về cuộc gặp gỡ tình cờ giữa viên phi công và chú bé ngoài Trái Đất, nhưng chủ đề cơ bản của tác phẩm là trẻ thơ có cách nghĩ và cách nhìn riêng, cần nhìn trẻ con bằng con mắt của trẻ thơ. Tuy nhiên, cần chú ý là mỗi tác phẩm lớn có thể đặt ra nhiều vấn đề cơ bản (nhiều chủ đề).

2. Từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội

– Từ ngữ toàn dân của một ngôn ngữ là từ ngữ được sử dụng rộng rãi trong mọi vùng miền của đất nước, ví dụ: *cha*, *mẹ*, *sắn*, *ngô*, *gì*, *nào*, *sao*, *thế*,... Là khối từ ngữ cơ bản và có số lượng lớn nhất của ngôn ngữ, từ ngữ toàn dân không chỉ có vai trò rất quan trọng trong giao tiếp ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội mà còn là cơ sở cho sự thống nhất ngôn ngữ. Hiểu được nghĩa và sử dụng đúng từ ngữ toàn dân là điều kiện để giao tiếp có hiệu quả.

– Từ ngữ địa phương là những từ ngữ được sử dụng ở một vùng miền nhất định, ví dụ: *thầy*, *u*, *mì*, *bắp*, *chi*, *răng*, *rứa*,... Mặc dù từ ngữ địa phương có số lượng không lớn và có phạm vi dùng hạn chế nhưng lại phản ánh được nét riêng của con người, sự vật ở mỗi vùng miền nên cũng có vai trò quan trọng, nhất là đối với hoạt động giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày và đối với sáng tác văn chương. Hiểu được nghĩa và biết sử dụng đúng chỗ, đúng mức từ ngữ địa phương sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giao tiếp.

– Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ được dùng với nghĩa riêng trong một nhóm xã hội nhất định. Ví dụ, một số từ ngữ được tạo ra bằng cách nói, viết chệch âm chuẩn như *bít* (biết), *rùi* (rồi), *pó tai* (bó tay) hoặc nói tắt như *ga tô* (ghen ăn tức ở), chuyển nghĩa như *hồng lâu mộng* (mơ mộng), thậm chí "nói bồi" tiếng nước ngoài như *nâu pho gâu* (*no four go* – vô tư đi),... là những biệt ngữ đang phổ biến trong giới trẻ. Trong tác phẩm văn chương, lời ăn tiếng nói của nhân vật cũng có thể phản ánh biệt ngữ của nhóm xã hội mà nhân vật thuộc vào. Tuy nhiên, việc sử dụng biệt ngữ xã hội trong đời sống cũng như trong tác phẩm văn chương đều cần có chừng mực để bảo đảm hiệu quả giao tiếp và giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ dân tộc.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1

Lão Hạc

NAM CAO

1 Chuẩn bị

– Xem lại nội dung nêu ở phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.(*)

– Khi đọc tác phẩm truyện, các em cần chú ý:(**)

+ Tóm tắt được nội dung văn bản (cốt truyện).

+ Nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật trong truyện.

(*), (**) Khi đọc hiểu các văn bản khác trong Bài 6, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

+ Đề tài của truyện, ý nghĩa nhan đề của tác phẩm hoặc đoạn trích,...

+ Liên hệ với bối cảnh xã hội và kinh nghiệm đọc của bản thân để hiểu sâu hơn tác phẩm truyện.

– Đọc trước truyện ngắn *Lão Hạc*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nam Cao và một số bài viết xung quanh tác phẩm *Lão Hạc*.

Nam Cao (1917 - 1951), tên khai sinh là Trần Hữu Tri, quê ở Hà Nam

2 Đọc hiểu

① (*) Lão Hạc thổi cái mồi rơm, châm đóm. Tôi đã thông điếu và bỏ thuốc(1) rồi. Tôi mời lão hút trước. Nhưng lão không nghe...

– Ông giáo hút trước đi.

Lão đưa đóm cho tôi...

– Tôi xin cụ...

Và tôi cầm lấy đóm, vo viên một điếu. Tôi rít một hơi xong, thông điếu rồi mới đặt vào lòng lão. Lão bỏ thuốc, nhưng chưa hút vội. Lão cầm lấy đóm, gạt tàn, và bảo:

– Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ!

Lão đặt xe điếu(2), hút. Tôi vừa thở khói vừa gà gà(3) đôi mắt của người say, nhìn lão, nhìn để làm ra vẻ chú ý đến câu nói của lão đó thôi. Thật ra thì trong lòng tôi rất dửng dưng. Tôi nghe câu ấy đã nhàm rồi. Tôi lại biết rằng: lão nói là nói để có đấy thôi, chẳng bao giờ lão bán đâu. Vả lại, có bán thật nữa thì đã sao? Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế!...

Lão hút xong, đặt xe điếu xuống, quay ra ngoài, thở khói. Sau một điếu thuốc lào, óc người ta tê dại đi trong một nỗi đê mê nhẹ nhõm. Lão Hạc ngồi lặng lẽ, hưởng chút khoái lạc con con ấy. Tôi cũng ngồi lặng lẽ. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Hồi bị ốm nặng ở Sài Gòn tôi bán gần hết cả áo quần, nhưng vẫn không chịu bán cho ai một quyển. Ốm dậy, tôi về quê, hành lí chỉ vẻn vẹn có một cái va li đựng toàn những sách. Ôi những quyển sách rất nâng niu! Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại cái kỉ niệm một thời chăm chỉ,

Đoạn văn "Tôi cũng ngồi lặng lẽ [...] tôi quý năm quyển sách của tôi..." thuật lại những sự kiện liên quan đến nhân vật nào?(**)

(*) Ở các văn bản, để học sinh tiện theo dõi, người biên soạn sách thường đánh số thứ tự dòng thơ hoặc chia phần các văn bản.

(**) Các câu gợi ý bên phải văn bản chỉ để học sinh theo dõi thêm về nội dung, nghệ thuật,... trong khi đọc, không cần trả lời.

(1) *Thông điếu và bỏ thuốc*: lấy que nhỏ thông nõ điếu rồi bỏ thuốc lào đã vê thành viên vào đó để chuẩn bị cho việc hút.

(2) *Xe điếu*: ống nhỏ và dài, cắm vào điếu bát (loại điếu làm bằng cái bát to) để hút thuốc lào.

(3) *Gà gà*: trạng thái lơ mơ của con người khi buồn ngủ hoặc khi hơi say thuốc, say rượu.

hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng[1]; mỗi lần mở một quyển ra, chưa kịp đọc dòng nào, tôi đã thấy bừng lên trong lòng tôi như một rạng đông, cái hình ảnh tuổi hai mươi trong trẻo, biết yêu và biết ghét... Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần. Mỗi lần cùng đường đất sinh nhai[2], và bán hết mọi thức rồi, tôi lại phải bán đi một ít sách của tôi. Sau cùng chỉ còn có năm quyển, tôi nhất định dù có phải chết cũng không chịu bán. Ấy thế mà tôi cũng bán! Mới cách đây có hơn một tháng thôi, đứa con nhỏ của tôi bị chứng lị gần kiệt sức... Không! Lão Hạc ơi! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu? Lão quý con chó vàng của lão đã thấm vào đâu với tôi quý năm quyển sách của tôi...

Tôi nghĩ thầm trong bụng thế. Còn lão Hạc, lão nghĩ gì? Đột nhiên lão bảo tôi:

– Này! Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má[3] gì đấy, ông giáo ạ!

À! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão. Nó đi cao su[4] năm sáu năm rồi. Hồi tôi mới về, nó đã hết một hạn công-ta[5]. Lão Hạc đem thư của nó sang, mượn tôi xem. Nhưng nó xin đăng[6] thêm một hạn nữa... Lão vội cắt nghĩa cho tôi hiểu tại sao lão đang nói chuyện con chó lại nhảy vọt sang chuyện thằng con như vậy:

– Con chó là của cháu nó mua đấy chứ!... Nó mua về nuôi, định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt...

Ấy! Sự đời lại cứ thường như vậy đấy. Người ta định rồi chẳng bao giờ người ta làm được. Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách[7] nặng quá: nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu,... cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc. Lão Hạc không lo được. Ý thằng con lão thì nó muốn bán vườn, cố lo cho bằng được. Nhưng lão không cho bán. Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ? Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ, về ở đâu? Với lại, nói cho cùng nữa, nếu đằng nhà gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dẫu có bán vườn đi cũng không đủ cưới. Lão Hạc biết vậy đấy, nhưng cũng không dám xẵng[8]. Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó hãy dằn lòng[9], bỏ đám này để dùi giắng[10] lại ít lâu, xem có đám nào khác mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ?... Lạy trời lạy đất! Nó cũng là thằng khá, nó thấy bố nói thế thì thôi ngay, nó không đả động đến việc cưới xin nữa. Nhưng nó có vẻ buồn. Và lão biết nó vẫn theo đuổi con kia mãi. Lão thương con lắm. Nhưng biết

Đoạn văn này giúp em hiểu thêm được gì về hoàn cảnh của nhân vật lão Hạc?

---

(1) *Cao vọng*: ước vọng cao xa.
(2) *Sinh nhai*: kiếm sống; làm ăn để sinh sống.
(3) *Giấy má*: giấy tờ nói chung, ở đây là thư từ.
(4) *Đi cao su*: đi làm ở đồn điền cao su.
(5) *Công-ta* (tiếng Pháp: *contrat*, đọc là công-tơ-ra): hợp đồng, giao kèo.
(6) *Đăng* (từ cũ): đăng kí, ghi tên để nhận một trách nhiệm nào đó (*đăng lính*, *đăng phu*).
(7) *Thách*: nhà gái nêu yêu cầu với nhà trai về đồ sính lễ cưới con gái.
(8) *Xẵng*: giọng nói gay gắt, khó chịu.
(9) *Dằn lòng*: nén lòng.
(10) *Dùi giắng* (khẩu ngữ, địa phương): nán đợi.

làm sao được?... Tháng Mười năm ấy, con kia đi lấy chồng; nó lấy con trai một ông phó lí[1], nhà có của. Thằng con lão sinh phẫn chí[2]. Ngay mấy hôm sau, nó ra tỉnh đến sở mộ phu[3], đưa thẻ[4], kí giấy xin đi làm đồn điền cao su...

Lão rân rấn nước mắt, bảo tôi:

– Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc, ông giáo ạ! Chả biết nó gửi thẻ xong, vay trước được mấy đồng, mà đưa về cho tôi ba đồng. Nó đưa cho tôi ba đồng mà bảo: "Con biếu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà; xưa nay con ở nhà mãi cũng chẳng nuôi được thầy bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo; thầy bòn vườn[5] đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về; không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm!...". Tôi chỉ còn biết khóc, chứ còn biết làm sao được nữa? Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu có còn là con tôi?...

*

② Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão. Lão chỉ còn một mình nó để làm khuây. Vợ lão chết rồi. Con lão đi bằn bặt. Già rồi mà ngày cũng như đêm, chỉ thui thủi một mình thì ai mà chả phải buồn? Những lúc buồn, có con chó làm bạn thì cũng đỡ buồn một chút. Lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự[6]. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm. Lão cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu. Lão ăn gì lão cũng chia cho nó cùng ăn. Những buổi tối, khi lão uống rượu, thì nó ngồi ở dưới chân. Lão cứ nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như nói với một đứa cháu bé về bố nó. Lão bảo nó thế này:

– Cậu có nhớ bố cậu không, hả cậu Vàng? Bố cậu lâu lắm không có thư về. Bố cậu đi có lẽ được đến ba năm rồi đấy... Hơn ba năm... Có đến ngót bốn năm... Không biết cuối năm nay bố cậu có về không? Nó mà về, nó cưới vợ, thì nó giết cậu. Liệu hồn cậu đấy!

Những lời nói của lão Hạc với "cậu Vàng" thể hiện điều gì?

Con chó vẫn hếch mõm lên nhìn, chẳng lộ một vẻ gì; lão lừ mắt nhìn trừng trừng vào mắt nó, to tiếng doạ:

– Nó giết mày đấy! Mày có biết không? Ông cho thì bỏ bố!

Con chó tưởng chủ mắng, vẫy đuôi mừng, để lấy lòng chủ. Lão Hạc nạt to hơn nữa:

---

(1) *Phó lí*: chức phó cho lí trưởng (người đứng đầu bộ máy hành chính trong làng).
(2) *Phẫn chí:* uất hận vì không đạt được ước muốn, trở nên bi quan, có thể làm liều.
(3) *Sở mộ phu*: nơi tuyển mộ, thu nhận người đi làm phu trong các đồn điền, hầm mỏ thời trước năm 1945.
(4) *Thẻ*: giấy chứng nhận một tư cách nào đó, thường nhỏ, gọn (thẻ đoàn viên, thẻ đọc sách,...). Ở đây là thẻ căn cước trước năm 1945 cấp cho người dân từ 18 đến 60 tuổi để sử dụng xuất trình trong việc kiểm tra khi đi lại và lúc nộp sưu thuế.
(5) *Bòn vườn* (khẩu ngữ, địa phương): tìm kiếm, góp nhặt từng ít một từ mảnh vườn.
(6) *Cầu tự*: cầu trời lễ Phật ở các đền chùa để được sinh con, thường là con trai (theo quan niệm cũ).

– Mừng à? Vẫy đuôi à? Vẫy đuôi thì cũng giết! Cho cậu chết!

Thấy lão sừng sộ quá, con chó vừa vẫy đuôi vừa chực lảng. Nhưng lão vội nắm lấy nó, ôm đầu nó, đập nhè nhẹ vào lưng nó và dấu dí[1]:

– À không! À không! Không giết cậu Vàng đâu nhỉ!... Cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...

Lão buông nó ra để nhấc chén, ghé lên môi uống. Lão ngẩn mặt ra một chút, rồi bỗng nhiên thở dài. Rồi lão lẩm bẩm tính. Đấy là lão tính tiền bòn vườn của con...

Một cảnh trong phim *Làng Vũ Đại ngày ấy*
(Ảnh: vnexpress.net)

Sau khi thằng con đi, lão tự hỏi rằng: "Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma[2] mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng[3], dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu[4]. Hồi ấy, mọi thức còn rẻ cả... Của mẹ nó tậu thì nó hưởng. Lớp[5] trước nó đòi bán, ta không cho bán là ta có ý giữ cho nó, chứ có phải giữ để ta ăn đâu? Nó không có tiền cưới vợ, phẫn chí bước ra đi, thì đến lúc có tiền để lấy vợ, mới chịu về. Ta bòn vườn của nó, cũng nên để ra cho nó; đến lúc nó về, nếu nó không đủ tiền cưới vợ thì ta thêm vào với nó, nếu nó có đủ tiền cưới vợ, thì ta cho vợ chồng nó để có chút vốn mà làm ăn...". Lão tự bảo lão như thế, và lão làm đúng như thế. Lão làm thuê để kiếm ăn. Hoa lợi[6] của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc mẩm[7] thế nào đến lúc con lão về, lão cũng có được một trăm đồng bạc...

Lão lắc đầu chán nản, bảo tôi:

– Ấy thế mà bây giờ hết nhẵn, ông giáo ạ! Tôi chỉ ốm có một trận đấy thôi. Một trận đúng hai tháng mười tám ngày, ông giáo ạ! Hai tháng mười tám ngày đã không làm ra được một xu, lại còn thuốc, lại còn ăn... Ông thử tính ra xem bao nhiêu tiền vào đấy?...

Sau trận ốm, lão yếu người đi ghê lắm. Những công việc nặng không làm được nữa. Làng mất vé sợi[8], nghề vải đành phải bỏ. Đàn bà rỗi rãi nhiều. Còn tí việc nhẹ nào, họ tranh nhau làm mất cả. Lão Hạc không có việc. Rồi lại bão. Hoa màu bị phá sạch sành sanh. Từ ngày bão đến nay, vườn lão chưa có một tí gì bán. Gạo thì cứ kém[9] mãi đi. Một lão với một con chó, mỗi ngày ba hào gạo, mà ra sự[10] vẫn còn đói deo đói dắt[11]...

(1) *Dấu dí*: gần nghĩa với *nựng, nựng nịu* (trẻ nhỏ) bằng lời nói.
(2) *Mồ ma*: thời còn sống của người nào đó đã chết khá lâu.
(3) *Thắt lưng buộc bụng*: hạn chế hết sức những nhu cầu tiêu dùng để tiết kiệm trong hoàn cảnh khó khăn.
(4) *Tậu*: mua thứ có giá trị quan trọng đối với đời sống gia đình.
(5) *Lớp*: khoảng thời gian (không xác định) nào đó; *lớp trước*: dạo trước.
(6) *Hoa lợi*: những thứ thu hoạch được do trồng trọt.
(7) *Chắc mẩm*: tin chắc như vậy.
(8) *Vé sợi*: vé được cấp để mua sợi dệt vải.
(9) *Kém*: (thóc gạo) đắt đỏ, giá cao so với bình thường do khan hiếm.
(10) *Ra sự*: có vẻ như là, dường như là.
(11) *Đói deo đói dắt*: đói dai dẳng không dứt.

– Thì ra cậu Vàng cậu ấy ăn khoẻ hơn cả tôi, ông giáo ạ. Mỗi ngày cậu ấy ăn thế, bỏ rẻ[1] cũng mất hào rưỡi, hai hào đấy. Cứ mãi thế này thì tôi lấy tiền đâu mà nuôi được? Mà cho cậu ấy ăn ít thì cậu ấy gầy đi, bán hụt tiền, có phải hoài không? Bây giờ cậu ấy béo trùng trục, mua đắt, người ta cũng thích...

Lão ngắt lại một chút, rồi tặc lưỡi:

– Thôi thì bán phắt đi! Đỡ được đồng nào, hay đồng ấy. Bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó. Tôi bây giờ có làm gì được đâu!

*

③ Hôm sau, lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!

– Cụ bán rồi?

– Bán rồi? Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà oà lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

Chú ý cách Nam Cao miêu tả nhân vật lão Hạc qua ngoại hình, ngôn ngữ, tâm lí.

– Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

– Khốn nạn... Ông giáo ơi! Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết!... Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: "A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?". Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!

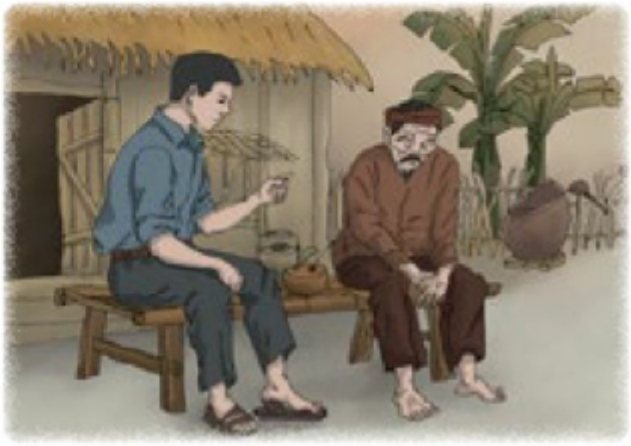

Tôi an ủi lão:

– Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu đâu! Vả lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt? Ta giết nó chính là hoá kiếp[2] cho nó đấy, hoá kiếp để cho nó làm kiếp khác.

(1) *Bỏ rẻ*: (giá tiền) ít nhất, ít ra.

(2) *Hoá kiếp*: chuyển hoá sang kiếp khác (tín ngưỡng dân gian cho rằng một sinh vật chết đi chính là sẽ chuyển hoá sang một kiếp sống khác).

Lão chua chát bảo:

– Ông giáo nói phải! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!...

Câu nói của lão Hạc "chua chát" ở chỗ nào?

Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo:

– Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

– Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng?

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo:

– Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: Bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.

Chú ý thái độ của ông giáo qua lời nói và hành động.

– Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà[1]. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại. Tôi vui vẻ bảo:

– Thế là được, chứ gì? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

– Nói đùa thế, chứ ông giáo cho để khi khác...

– Việc gì còn phải chờ khi khác?... Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây! Tôi làm nhanh lắm...

– Đã biết, nhưng tôi còn muốn nhờ ông một việc...

Mặt lão nghiêm trang lại...

– Việc gì thế, cụ?

– Ông giáo để tôi nói... Nó hơi dài dòng một tí.

– Vâng, cụ nói.

– Nó thế này, ông giáo ạ!...

Và lão kể. Lão kể nhỏ nhẻ và dài dòng thật. Nhưng đại khái[2] có thể rút vào hai việc. Việc thứ nhất: Lão thì già, con đi vắng, vả lại nó cũng còn dại lắm, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này; tôi là người nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể, vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão; lão viết văn tự[3] nhượng

Qua những việc nhờ ông giáo, nhân vật lão Hạc đã thể hiện được đặc điểm nào?

(1) *Đưa đà*: (cười, nói) cốt để phụ hoạ, đưa đẩy câu chuyện (nghĩa trong bài).
(2) *Đại khái*: nhìn chung trên nét lớn.
(3) *Văn tự*: giấy tờ do hai bên mua bán cùng thoả thuận kí kết.

cho tôi để không ai còn tơ tưởng[1] dòm ngó đến; khi nào con lão về thì nó sẽ nhận vườn làm, nhưng văn tự cứ để tên tôi cũng được, để thế để tôi trông coi cho nó... Việc thứ hai: Lão già yếu lắm rồi, không biết sống chết lúc nào, con không có nhà, lỡ chết không biết ai đứng ra lo cho được; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt; lão còn được hăm nhăm đồng bạc với năm đồng bạc vừa bán chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi, để lỡ có chết thì tôi đem ra, nói với hàng xóm giúp, gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả...

Tôi bật cười bảo lão:

– Sao cụ lo xa quá thế? Cụ còn khoẻ lắm, chưa chết đâu mà sợ! Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay! Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?

– Không, ông giáo ạ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?

(*)

– Đã đành rằng là thế, nhưng tôi bòn vườn của nó bao nhiêu, tiêu hết cả. Nó vợ con chưa có. Ngộ nó không lấy gì lo được, lại bán vườn thì sao?... Tôi cắn rơm cắn cỏ[2] tôi lạy ông giáo! Ông giáo có nghĩ cái tình tôi già nua tuổi tác mà thương thì ông giáo cứ cho tôi gửi.

Những từ ngữ nào thể hiện sự nhún nhường hết mức của lão Hạc?

Thấy lão nằn nì mãi, tôi đành nhận vậy. Lúc lão ra về, tôi còn hỏi:

– Có đồng nào, cụ nhặt nhạnh đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn?

Lão cười nhạt bảo:

– Được ạ! Tôi đã liệu đâu vào đấy... Thế nào rồi cũng xong.

Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy[3] hay bữa trai, bữa ốc. Tôi nói chuyện lão với vợ tôi. Thị gạt phắt đi:

Chú ý cách dùng đại từ "thị".

– Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói...

Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi,... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác,

Lời tâm sự của nhân vật ông giáo ở đây là nói với ai?

(*) Văn bản gốc in sót lời của nhân vật "tôi" (Người biên soạn).

(1) *Tơ tưởng*: nghĩ ngợi, mơ tưởng, để ý đến.

(2) *Cắn rơm cắn cỏ* (tổ hợp từ cũ): (lời) tỏ ý hạ mình hết mức để van xin một cách khẩn thiết.

(3) *Ráy*: loại cây thân cỏ, lá to, củ có bột ăn được nhưng ngứa.

nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận. Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngấm ngầm lão Hạc. Nhưng hình như lão cũng biết vợ tôi không ưng giúp lão. Lão từ chối tất cả những cái gì tôi cho lão. Lão từ chối một cách gần như là hách dịch(1). Và lão cứ xa tôi dần dần...

Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phàn nàn về việc ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo:

– Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngầm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu: lão vừa xin tôi một ít bả(2) chó...

Tôi trố to đôi mắt, ngạc nhiên. Hắn thì thầm:

– Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên luỵ đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...

Điều gì khiến ông giáo thấy "Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn..."?

*

④ Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu.

Chú ý những chi tiết miêu tả cái chết của lão Hạc.

Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ

(1) *Hách dịch*: cậy oai, hống hách với người khác.

(2) *Bả*: thức ăn trộn thuốc độc dùng làm mồi để lừa bắt giết thú nhỏ; *bả chó*: bả dùng để giết chó.

trao lại cho hắn và bảo hắn: "Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...".

1943

(*Nam Cao – Tác phẩm*, tập 1, NXB(*) Văn học, Hà Nội, 1975)

1. Tóm tắt truyện *Lão Hạc* trong khoảng 10 - 15 dòng.

2. Truyện có những nhân vật nào đáng chú ý? Phần ① và ② (in chữ nhỏ) mở đầu văn bản có vai trò như thế nào đối với phần sau của truyện?

3. Phân tích nhân vật lão Hạc:

a) Hoàn cảnh lão Hạc trong truyện có gì đáng chú ý? Người đọc biết được hoàn cảnh ấy qua lời kể của những ai?

b) Phân tích diễn biến hành động, tâm trạng của lão Hạc sau khi bán chó. Theo em, nguyên nhân nào khiến lão Hạc có hành động và tâm trạng như vậy?

c) Từ một số chi tiết về lão Hạc ở nửa sau tác phẩm (những điều lão Hạc nhờ cậy ông giáo, việc lão Hạc tìm đến cái chết), em có nhận xét gì về nhân vật này?

4. Nếu phải giới thiệu về nhân vật "tôi" – ông giáo trong truyện *Lão Hạc*, em sẽ nêu lên những nội dung nào? Chỉ ra vai trò của nhân vật này trong truyện *Lão Hạc*.

5. Theo em, với truyện ngắn này, Nam Cao đã gửi gắm những điều gì khi viết về người nông dân nghèo trước Cách mạng tháng Tám 1945?

6. Em có ấn tượng nhất với yếu tố nghệ thuật đặc sắc nào của truyện ngắn *Lão Hạc*? Vì sao?

7. Em rút ra được điều gì sâu sắc sau khi đọc truyện ngắn này?

2 Trong mắt trẻ(**)

Ê-XU-PE-RI

1 Chuẩn bị

– Xem lại nội dung nêu ở phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Đọc trước đoạn trích; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri (Antoine de Saint-Exupéry) và tác phẩm *Hoàng tử bé*.

– Đọc phần tóm tắt truyện *Hoàng tử bé* sau đây để biết được vị trí và bối cảnh đoạn trích:

Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri (1900 - 1944), Pháp

(*) *NXB*: viết tắt của từ Nhà xuất bản.

(**) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

Hoàng tử bé là tác phẩm của đại văn hào người Pháp Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri. Tác phẩm là một câu chuyện đầy hấp dẫn về cuộc gặp gỡ tình cờ của một phi công gặp nạn trên sa mạc với một cậu bé tình cờ đến thăm Trái Đất từ một hành tinh khác, nơi cậu sống một mình cùng với một bông hồng. Bông hồng đã khiến cậu buồn khổ đến nỗi cậu đã đi theo một đàn chim đến những hành tinh khác. Một chú cáo sa mạc xuất hiện và khuyên cậu nên yêu thương chính bông hoa mà cậu có trên hành tinh của mình, cậu sẽ nhận ra ý nghĩa thực sự của cuộc đời mình đang sống. Nhận ra điều đó, hoàng tử bé quay trở về hành tinh của mình khi đã có một chuyến phiêu lưu qua rất nhiều hành tinh và những câu chuyện mới mẻ.

Phần trích sau đây gồm chương I: nhân vật "tôi" nhớ lại kỉ niệm vẽ tranh hồi nhỏ của mình; chương II: cuộc gặp gỡ bất ngờ với cậu bé và chương cuối: suy nghĩ của anh phi công sau nhiều năm khi cậu bé đã trở lại hành tinh của mình.

2 Đọc hiểu

I

Hồi lên sáu tuổi, có lần tôi thấy một bức tranh rất ấn tượng trong một cuốn sách viết về rừng hoang, tựa là *Những chuyện từng trải*. Nó vẽ một con trăn đang nuốt chửng một con mãnh thú. Bức tranh đó tôi vẽ lại ở đây.

Sách viết rằng: "Những con trăn này nuốt chửng lấy con mồi mà chẳng cần nhai. Sau đó, chúng nằm ườn ra ngủ suốt sáu tháng trời để tiêu hoá cho hết mồi.".

Từ đó, tôi hay tưởng tượng về những chuyến thám hiểm trong rừng sâu, và cuối cùng, với cây chì màu, tôi đã vẽ được một bức tranh cho chính mình. Bức tranh số 1. Nó như thế này:

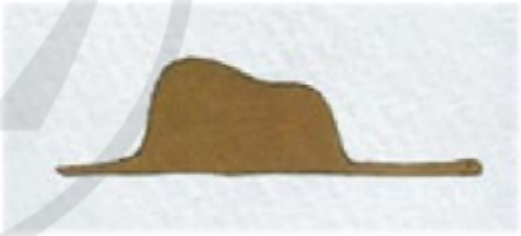

Chú ý cách nhìn của người lớn về bức tranh số 1.

Tôi đem khoe tuyệt tác của mình cho người lớn xem và hỏi họ có sợ không. Vậy mà họ bảo: "Một cái mũ thì có gì đáng sợ?".

Tôi nào có vẽ cái mũ. Đó là một con trăn đang ăn thịt một con voi đấy chứ. Đành phải vẽ cả bên trong bụng con trăn cho người lớn hiểu. Họ lúc nào cũng cần phải được giải thích. Và rồi bức tranh số 2 ra đời:

Người lớn lại khuyên tôi quên những con trăn bụng đóng hay bụng mở đi, mà nên tập trung vào học Địa lí, Lịch sử, làm tính và ngữ pháp. Xem như tôi từ bỏ sự nghiệp hoạ sĩ rực rỡ từ dạo ấy, khi chỉ vừa sáu tuổi. Bức tranh số 1 rồi bức tranh số 2 lần lượt thất bại đã làm tôi nản lòng. Người lớn có bao giờ tự mình hiểu được chuyện gì đâu, và thật là mệt cho trẻ con lúc nào cũng cứ phải giải thích cho họ...

Lớn lên tôi phải chọn một nghề khác và đã học làm phi công. Tôi đã bay gần như cùng trời cuối đất. Và quả thật là môn Địa lí lúc bấy giờ đã phát huy tác dụng. Chỉ cần nhìn loáng một cái[1], tôi đã nhận ra ngay nước Trung Hoa hay là vùng A-ri-dô-na (Arizona). Điều đó thật có ích, nếu người ta lỡ lạc hướng bay vào ban đêm.

Nguyên nhân nào đã khiến nhân vật "tôi" trở thành phi công?

Cứ như thế tôi đã lớn lên, đã gặp vô khối[2] những người lớn nghiêm túc. Tôi đã nhiều lần sống cùng với họ. Tôi từng nhìn họ rất gần. Điều đó vẫn không làm tôi nghĩ khác đi gì mấy.

Mỗi lần gặp ai có vẻ sáng láng[3] một chút, tôi lại thử đưa họ xem bức tranh số 1 mà tôi luôn mang theo bên người. Tôi muốn biết phải chăng họ thật sự thông hiểu. Nhưng lại cũng phán: "Đấy là cái mũ.". Thôi thì tôi khỏi bàn đến những con trăn khổng lồ, khỏi cánh rừng hoang sơ, và khỏi cả sao trời. Tôi hạ mình xuống ngang tầm của họ. Tôi cùng họ kháo chuyện chơi bài, chuyện đánh gôn, chuyện chính trị, chuyện cra-vát. Và người lớn ấy thật hài lòng vì đã gặp một con người lễ độ đến vậy...

II

Tôi đã sống cô độc như thế, không có ai thật sự đáng nói chuyện, cho đến khi xảy ra một tai nạn trên sa mạc Sa-ha-ra (Sahara), cách đây sáu năm. Có gì đó bị vỡ trong động cơ. Và vì bên cạnh chẳng có ai, thợ máy không, hành khách cũng không, tôi đành tự mình xoay xở với công việc sửa chữa nhọc nhằn này. Với tôi, đó là chuyện sống còn. Tôi chỉ còn đủ nước uống cho tám ngày.

Đêm đầu tiên, tôi đã thiếp đi trên cát, giữa sa mạc hoang vu[4] không một bóng người. Tôi còn cô độc hơn cả một kẻ đắm tàu lênh đênh giữa đại dương mênh mông. Thế nên các bạn nghĩ xem tôi ngạc nhiên đến nhường nào, khi trời vừa hửng sáng, có một giọng nói lạ kì đã đánh thức tôi dậy. Có ai đó gọi tôi:

Chú ý tình huống gặp gỡ giữa "tôi" và hoàng tử bé.

– Chú ơi! Làm ơn vẽ giùm cháu một con cừu!

– Hả?

– Nhờ chú vẽ giùm cháu một con cừu...

Tôi giật bắn người dậy như bị sét đánh. Tôi dụi mắt rồi nhìn lại. Trước mặt là một cậu bé dáng vẻ rất lạ thường đang nhìn tôi chăm chú. Dưới đây là bức chân dung đẹp nhất mà sau này tôi vẽ lại

(1) *Nhìn loáng một cái*: nhìn thật nhanh.
(2) *Vô khối*: rất nhiều, nhưng không biết chính xác là bao nhiêu.
(3) *Sáng láng*: hiểu biết mau, thông minh.
(4) *Hoang vu*: ở trạng thái bỏ không, để cho cây cỏ mọc tự nhiên, chưa hề có tác động của con người.

được về cậu. Nói thế nhưng bức vẽ của tôi so với cậu ngoài đời thì hãy còn thua xa lắm. Tuyệt nhiên đó không phải do lỗi của tôi. Người lớn đã làm tôi nản chí trong sự nghiệp hội hoạ tận từ độ sáu tuổi, và tôi nào có học vẽ gì khác ngoài những con trăn bụng đóng và trăn bụng mở đâu.

Tôi tròn mắt sững sờ[1] nhìn cậu bé mới xuất hiện. Đừng quên rằng tôi đang ở giữa chốn sa mạc hoang vu không một bóng người. Thế mà anh bạn nhỏ của tôi chẳng có vẻ gì là lạc đường hay mệt mỏi, không lả người vì đói khát, cũng chẳng hề tỏ ra sợ sệt. Trông cậu không giống một em bé đi lạc giữa hoang mạc mênh mông, vắng lặng. Mãi tôi mới cất được tiếng, và nói với cậu bé:

– Nhưng cháu làm gì ở đây?

Cậu bé lặp lại một cách chậm rãi nhưng hết sức nghiêm túc:

– Chú làm ơn... Vẽ giùm cháu một con cừu...

Khi quá đỗi kinh ngạc, ta không còn biết từ chối làm sao. Chuyện càng khó tin hơn nữa khi giữa chốn hoang vu chết người như thế tôi lại lôi được từ trong túi ra một tờ giấy và một cây bút vẽ. Đến đây tôi mới sực nhớ ra rằng mình chỉ học Địa lí, Lịch sử, làm tính và ngữ pháp, nên bảo anh bạn nhỏ (với thái độ hơi cáu bẳn) rằng tôi không biết vẽ. Cậu bé từ tốn nói:

– Không sao cả. Xin vẽ giùm cháu một con cừu.

Vì chưa bao giờ vẽ cừu nên tôi vẽ lại cho cậu một trong hai bức vẽ của tôi. Bức con trăn bụng đóng. Và tôi sửng sốt khi nghe cậu trả lời:

– Không phải! Cháu không muốn một con voi bị trăn nuốt trong bụng. Con trăn rất nguy hiểm, còn con voi thì quá kềnh càng. Ở chỗ cháu rất nhỏ. Cháu muốn có một con cừu. Xin vẽ giùm cháu một con cừu.

Vì sao có thể cho rằng nhận xét của hoàng tử bé về những bức vẽ của "tôi" là rất bất ngờ, đầy thú vị?

Tôi đành vẽ theo ý cậu.

Cậu bé chăm chú quan sát, rồi:

– Không được! Con này bị bệnh rồi. Chú vẽ con khác đi.

Tôi lại vẽ.

Anh bạn nhỏ mỉm cười, vẻ rất độ lượng:

– Chú xem này... Đây là con cừu đực mất rồi. Nó có sừng...

Tôi lại vẽ tiếp.

Cậu bé vẫn một mực không chịu:

– Con này già quá. Cháu muốn một con cừu sống được thật lâu.

(1) *Sững sờ*: ngẩn ngơ, yên lặng vì ngạc nhiên quá.

Đến đây thì tôi không còn đủ kiên nhẫn nữa, vì còn phải sửa gấp cái máy, tôi quẹt nguệch ngoạc vài đường rồi đưa cho cậu bé:

– Đây là cái thùng. Con cừu của cháu ở trong đó.

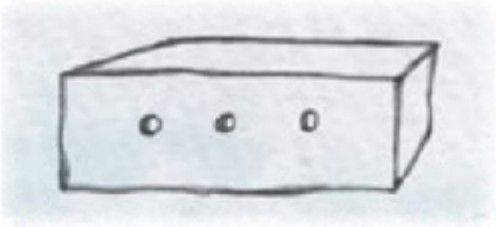

Nhưng tôi thật không còn tin vào mắt mình nữa khi nhìn thấy vẻ mặt ông quan toà nhỏ rạng rỡ hẳn lên:

– Đúng, đúng là cái cháu muốn. Chú nghĩ có tốn nhiều cỏ cho con cừu này lắm không?

– Chi vậy?

– Vì ở chỗ cháu rất nhỏ...

– Chắc chắn sẽ đủ mà. Chú chỉ cho cháu con cừu nhỏ xíu.

Cậu bé nghiêng đầu ngắm nghía bức tranh:

– Đâu có nhỏ tới vậy... Ồ! Nó ngủ rồi kìa...

Và như thế, tôi đã làm quen với hoàng tử bé. [...]

XXVII

Nội dung chính của chương XXVII là gì?

Và bây giờ, dĩ nhiên, đã sáu năm trời trôi qua... Tôi chưa kể cho ai nghe câu chuyện này. Bạn bè khi gặp lại đã rất vui mừng thấy tôi trở về nguyên vẹn. Tôi buồn lắm nhưng bảo với họ: "Mệt quá...".

Bây giờ, tôi đã phần nào nguôi ngoai. Có nghĩa là... không hoàn toàn thế. Nhưng tôi biết chắc rằng cậu đã trở về hành tinh của mình, bởi vì, bình minh hôm sau tôi đã không còn thấy thân thể của cậu. Một thân thể chẳng nặng nề gì mấy... Và ban đêm tôi thích lắng nghe sao. Giống như là năm trăm triệu cái lục lạc...

Nhưng còn có một điều bất thường xảy ra. Cái rọ mõm[1] tôi vẽ cho hoàng tử bé, tôi đã quên cho nó một cái vòng da. Cậu sẽ không thể nào buộc nó vào mõm con cừu được. Nên tôi tự hỏi: "Chuyện gì đã xảy ra trên hành tinh của cậu? Có thể là con cừu đã ăn mất bông hoa..."[2].

Lúc này thì tôi tự nhủ: "Chắc chắn không! Hoàng tử bé đêm nào cũng đặt bông hoa trong lồng kính, và cậu trông chừng con cừu rất kĩ...". Thế là tôi cảm thấy hạnh phúc. Và các ngôi sao đều cười hiền lành.

Lúc khác thì tôi nghĩ bụng: "Người ta cũng có lúc này lúc khác lơ đãng, và chỉ một lần là xong! Hôm nào đó, cậu quên mất cái lồng kính, hay con cừu thoát ra ngoài không một tiếng động giữa đêm khuya...". Vậy là những chiếc lục lạc lại biến hết cả thành nước mắt...

---

(1) *Rọ mõm*: vật giống cái rọ nhỏ, dùng để buộc úp vào mõm một số súc vật để ngăn không cho chúng cắn hoặc ăn các cây.

(2) Trên hành tinh của hoàng tử bé có một bông hoa hồng được giữ cẩn thận trong lồng kính, nhưng hoàng tử bé vẫn lo sợ nếu không có rọ mõm thì con cừu được vẽ ra sẽ ăn mất bông hoa ấy.

Đó chính là một nỗi bí hiểm khôn cùng. Với các bạn, những người cũng yêu mến hoàng tử bé, lẫn với tôi, sự thể trong khắp vũ trụ này chẳng hề giống nhau, giữa việc ở một chốn nào đó không ai hay, một con cừu nào đó ta không biết, đã có ăn mất một bông hoa hồng hay không...

Hãy ngước nhìn bầu trời! Hãy tự hỏi: "Con cừu đã có ăn mất bông hoa hay không? Rồi bạn sẽ thấy tất cả đều thay đổi...".

Vậy mà chẳng một người lớn nào có thể hiểu được điều đó quan trọng như thế nào!

Đối với tôi, đây là quang cảnh đẹp nhất và buồn nhất thế gian. Đó chính là quang cảnh đã thấy trong trang trước, nhưng tôi vẽ nó lại một lần để các bạn nhớ rõ. Chính nơi đây, hoàng tử bé xuất hiện trên Trái Đất, rồi sau đó đã biến mất.

Hãy nhìn kĩ quang cảnh này để chắc chắn có thể nhận ra, nếu một ngày nào đó bạn đi du lịch châu Phi, trên sa mạc. Và nếu như bạn có thể ghé ngang qua đó, tôi xin bạn đừng vội vã, hãy cố đợi một chút ngay phía dưới ngôi sao! Nếu khi ấy có một cậu bé đi về phía bạn, nếu cậu cười, nếu cậu có mái tóc vàng óng, nếu cậu không trả lời khi người ta hỏi cậu, bạn sẽ đoán ra ngay đó là ai. Khi ấy xin hãy giúp tôi! Đừng để tôi buồn đến vậy: hãy nhanh tay viết thư cho tôi biết là cậu đã trở lại...

(Trích *Hoàng tử bé*, NGUYỄN TẤN ĐẠI dịch, NXB Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội, 2021)

?

1. Đoạn trích trên kể về sự kiện gì? Nội dung các chương I, II và XXVII liên quan với nhau như thế nào?

2. Xác định và nêu ý nghĩa của hoàn cảnh diễn ra cuộc gặp gỡ giữa nhân vật "tôi" và hoàng tử bé.

3. Theo em, điều gì đã dẫn đến sự khác nhau trong cách nhìn của hoàng tử bé và những người lớn đối với bức tranh con trăn mà nhân vật "tôi" đã vẽ? Điều này có tác động đến cách nhìn của hoàng tử bé với những bức tranh con cừu hay không? Vì sao?

4. Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật "tôi" sau khi đã chia tay hoàng tử bé và trở về nhà. Theo em, nguyên nhân nào khiến nhân vật "tôi" mong gặp lại hoàng tử bé?

5. Nhận xét về hình thức trình bày của văn bản *Trong mắt trẻ*. Em ấn tượng với yếu tố nào nhất? Vì sao?

6. Em rút ra được thông điệp gì sau khi đọc đoạn trích trên?

7. Có ý kiến cho rằng tác giả đã kín đáo lưu ý về cách tiếp nhận đối với một văn bản văn học qua việc tái hiện sự khác nhau trong cách nhìn những bức tranh. Em có đồng ý với quan điểm này không? Vì sao? (Trình bày thành một đoạn văn khoảng 8 - 10 dòng).

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm từ địa phương trong những câu dưới đây. Cho biết các từ đó được dùng ở vùng miền nào và có tác dụng gì đối với việc phản ánh con người, sự vật ở địa phương.

a) *Sáng ra bờ suối, tối vào hang,*
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.

(Hồ Chí Minh)

b) *Muôn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc!* (Thép Mới)

c) *Chị cho tôi một gói độ mười viên thuốc cảm và một đòn bánh tét...* (Đoàn Giỏi)

d) *Thuyền em đã nhẹ, chèo lẹ khó theo.* (Ca dao, dân ca)

2. Giải thích nghĩa của các từ địa phương được in đậm dưới đây bằng các từ toàn dân cùng nghĩa:

a) *Lão khuyên nó hãy dằn lòng, bỏ đám này để* ***dùi giắng*** *lại ít lâu, xem có đám nào khác mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu.* (Nam Cao)

b) *Lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng* ***dòm ngó*** *đến.* (Nam Cao)

c) *Đón* ***ba***, ***nội*** *gầy gò, cười phô cả lợi:*

*– **Má** tưởng con không về được, mưa gió tối trời vầy khéo cảm.* (Nguyễn Ngọc Tư)

d) *Một hôm, chú Biểu đến nhà, chú mang theo xâu ếch dài* ***thiệt*** *dài, bỗ bã:*

– Cái này má ***gởi*** *cho mày, má* ***biểu*** *phải đem đến tận nhà.* (Nguyễn Ngọc Tư)

3. Việc sử dụng các biệt ngữ xã hội (có dấu ngoặc kép) trong những câu dưới đây (ở tác phẩm *Bỉ vỏ* của Nguyên Hồng) có tác dụng thể hiện đặc điểm của các nhân vật như thế nào?

a) *Nó hết sức theo dõi nhưng không làm sao đến gần được vì "bỉ"*(1) *này "hắc"*(2) *lắm.*

b) *Cái "cá"*(3) *ngon làm vậy thằng "vỏ lõi"*(4) *nó còn "mõi"*(5) *được huống hồ chị...*

4. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 6 - 8 dòng) nêu ý kiến của em về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội trên mạng xã hội hiện nay.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Người thầy đầu tiên

(Trích)

AI-MA-TỐP

1 Chuẩn bị

– Đọc trước đoạn trích *Người thầy đầu tiên* và tìm hiểu thêm thông tin về nhà văn Trin-ghi-dơ Ai-ma-tốp (Chyngyz Aitmatov).

– Đọc nội dung tóm tắt truyện ngắn *Người thầy đầu tiên* sau đây để biết bối cảnh đoạn trích:

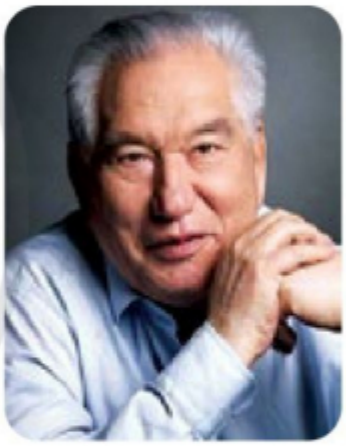

Trin-ghi-dơ Ai-ma-tốp (1928 - 2008), Cư-rơ-gư-xtan

Câu chuyện xảy ra ở một vùng quê hẻo lánh thuộc nước Cộng hoà Cư-rơ-gư-xtan (Kyrgyzstan) giữa những năm 20 của thế kỉ XX. Sau khi nội chiến tại nước Nga kết thúc, anh thương binh Đuy-sen (Duyshen) trở về làng mở lớp học cho trẻ em nghèo với bao khó khăn, thử thách, có cả máu và nước mắt. Ở vùng quê này, tư tưởng phong kiến và gia trưởng còn nặng nề, do đó, phụ nữ và trẻ mồ côi bị coi thường, rẻ rúng.

Cô bé An-tư-nai (Altynai) lớn lên, đi học trường làng và gặp người thầy đầu tiên của mình. Trải qua bao sóng gió, An-tư-nai đã trưởng thành. Họ gặp lại nhau trong một hoàn cảnh trớ trêu: Thầy Đuy-sen năm xưa trở thành bác đưa thư, cô bé An-tư-nai đã là viện sĩ.

Đoạn trích *Người thầy đầu tiên* sau đây kể về một sự kiện đau buồn của An-tư-nai khi cô còn học ở trường làng. Gắn với sự kiện ấy là hình ảnh thầy Đuy-sen, người thầy đầu tiên của cô.

---

(1) *Bỉ*: đàn bà, con gái.
(2) *Hắc*: cẩn thận, khôn ngoan.
(3) *Cá*: ví tiền.
(4) *Vỏ lõi*: kẻ cắp nhỏ tuổi.
(5) *Mõi*: lấy cắp.

2 Đọc hiểu

① Ngày hôm sau đến trường, tôi nhận thấy ngay thầy Đuy-sen vẻ mặt sa sầm, như đang có điều gì lo nghĩ, mặc dầu thầy cố giấu đi. Tôi còn nhận thấy có điều nữa là không hiểu tại sao thầy không hề nhìn về phía tôi. Sau buổi học, khi chúng tôi ào ào chạy ra khỏi trường như ong vỡ tổ, thầy Đuy-sen gọi giật tôi lại:

– An-tư-nai, đứng lại thầy bảo. – Thầy bước lại gần tôi, nhìn chằm chằm vào mắt rồi đặt tay lên vai tôi – Em đừng về nhà nữa. An-tư-nai, em có hiểu thầy không?

Tôi lặng người đi vì kinh hãi. Bây giờ, tôi mới hiểu thím tôi định làm gì tôi.

Tại sao nhân vật "tôi" "lặng người đi vì kinh hãi"?

Thầy Đuy-sen nói:

– Thầy sẽ chịu trách nhiệm về em. Em ở tạm nhà bác Ka-tan-bai (Kartanbai) với thầy. Và lúc nào cũng phải đi theo thầy.

Chắc hẳn lúc ấy tôi không còn chút máu mặt nào nữa. Thầy Đuy-sen lấy tay nâng cằm tôi lên, nhìn thẳng vào mắt tôi và mỉm cười như mọi khi:

– An-tư-nai, em đừng sợ! – Thầy vừa cười vừa nói – Thầy còn ở bên em, thì em không phải sợ ai cả. Em cứ học đi, cứ đến trường như cũ và đừng nghĩ ngợi gì... Vì thầy vẫn biết là em nhát lắm.

[...] Dù tôi có cố gắng can đảm lên bao nhiêu cho thầy Đuy-sen khỏi bận tâm, những ý nghĩ lo sợ cũng vẫn không buông tha tôi. Vì bất thần lúc nào thím tôi cũng có thể đến cưỡng bức lôi tôi đi. Rồi ở nhà họ muốn làm gì thì làm, không ai ở trong làng cấm được họ cả. Suốt đêm, tôi trằn trọc không ngủ được vì mải lo nghĩ tới tai hoạ sắp đến.

Tất nhiên thầy Đuy-sen hiểu rõ tâm trạng tôi. Cũng có thể vì muốn xua đuổi những ý nghĩ đen tối đó của tôi nên ngày hôm sau thầy mang về trường hai cây phong[1] nhỏ. Sau buổi học, thầy cầm tay tôi dẫn sang một bên. Thầy mỉm một nụ cười bí ẩn và bảo tôi:

– An-tư-nai, bây giờ thầy với em cùng làm chung một việc. Hai cây phong này thầy mang về cho em đấy. Chúng ta sẽ cùng trồng. Và trong khi chúng lớn lên, ngày một thêm sức sống, em cũng sẽ trưởng thành, em sẽ là một người tốt. Em có một tâm hồn đẹp và một đầu óc ham học. Thầy bao giờ cũng nghĩ rằng em sẽ trở thành người thông thái. Thầy tin như vậy, em ạ, số phận em nhất định sẽ như thế. Em bây giờ trẻ măng như một thân cây non, như đôi cây phong nhỏ này. An-tư-nai ạ, ta sẽ tự tay trồng lấy hai cây phong này. Và mong sao em sẽ tìm thấy hạnh phúc trong học tập, ngôi sao nhỏ trong sáng của thầy ạ...

Ý nghĩa của việc trồng hai cây phong là gì?

---

(1) *Cây phong*: một loại cây to, thân cao và thẳng, mọc ở vùng ôn đới, bắc bán cầu.

Hai cây phong ấy còn non, vừa cao bằng người tôi, thân biêng biếc. Và khi hai chúng tôi đã trồng xuống khoảnh đất cạnh trường, từ chân núi đưa lên một làn gió nhẹ, lần đầu tiên chạm vào những khóm lá bé lăn tăn như thổi một luồng sinh khí vào chúng. Mấy khóm lá run rẩy, hai cây phong bắt đầu lay động, đung đưa...

– Em trông, đẹp chưa kìa! – Thầy Đuy-sen cười, lùi lại ngắm – Bây giờ ta hãy đào một đường dẫn nước ở ngọn suối đằng kia về. Rồi em sẽ thấy hai cây phong của chúng ta đẹp đến nhường nào! Chúng nó sẽ đứng trên ngọn đồi này, sát cánh nhau như hai anh em. Và mọi người sẽ luôn luôn nhìn thấy chúng và những người lành sẽ thấy lòng vui lên khi nhìn thấy chúng. Đến khi ấy cả cuộc sống cũng sẽ khác, An-tư-nai ạ. Tất cả những gì đẹp nhất đều hãy còn ở phía trước...

Chú ý tâm trạng và tình cảm của An-tư-nai đối với người thầy.

Ngay cả bây giờ tôi cũng không sao tìm được những lời lẽ có thể nói lên ít nhiều lòng cảm kích của tôi trước tâm hồn cao thượng của thầy Đuy-sen. Còn khi ấy, tôi chỉ đứng yên nhìn thầy. Tôi nhìn như thể lần đầu tiên tôi được thấy hết vẻ đẹp sáng ngời trên gương mặt thầy, tấm lòng trìu mến và trung hậu ánh lên trong đôi mắt thầy, dường như trước kia tôi chưa từng biết đôi bàn tay của thầy mạnh mẽ và khéo léo như thế nào trong lao động, nụ cười trong sáng của thầy có sức sưởi ấm lòng người đến nhường nào. Và trong lòng tôi, như một đợt sóng nồng nàn, bỗng cuộn lên một tình cảm mới mẻ mà tôi chưa hề biết, từ một thế giới xa lạ nào lan tới. [...]

Lúc ấy, chúng tôi chỉ đứng yên dưới vòm trời trong sáng giữa vùng đồi xuân xanh mơn mởn, mỗi người theo đuổi một ước mơ riêng. Và giờ phút ấy, tôi quên bẵng mối nguy cơ đang lơ lửng trên đời tôi. Thậm chí tôi cũng không hề nghĩ xem ngày mai đây cái gì đang chờ đợi tôi và cũng không nghĩ xem tại sao đã hai ngày nay thím tôi không đi tìm tôi. Có lẽ họ đã quên tôi chăng, hay họ đã đành chịu để mặc tôi? Nhưng thật ra thầy Đuy-sen lại đang nghĩ đến điều đó.

– Em đừng buồn, An-tư-nai ạ, ta sẽ tìm ra lối thoát. – Thầy Đuy-sen nói khi chúng tôi trở về thôn – Ngày kia, thầy sẽ lên huyện. Thầy sẽ bàn việc của em với các đồng chí trên ấy. Có lẽ họ sẽ nghe thầy mà cho em lên tỉnh học. Em có muốn không?

– Thầy đã nói sao, em cũng xin vâng lời. – Tôi đáp.

Nội dung chính của phần ② là gì?

② [...] Và hôm sau, trong khi ngồi học, tôi cũng chỉ nghĩ đến việc ấy: Tôi sẽ sống ở tỉnh ra sao và biết ở nhà ai? Nếu có ai cho tôi ở nhờ, tôi sẽ bổ củi, xách nước, giặt giũ, họ

sai gì tôi cũng làm. Tôi đang suy nghĩ liên miên như thế trong khi ngồi học thì bỗng giật mình thảng thốt khi chợt nghe tiếng vó ngựa dồn dập sau mấy bức vách ọp ẹp của ngôi trường chúng tôi. Những tiếng động ấy đột ngột quá và mấy con ngựa phi nhanh quá, đến nỗi tưởng như chúng sắp xéo bừa lên ngôi trường. Chúng tôi ai nấy đều nín thở, chờ đợi.

– Các em đừng để ý, cứ lo việc của các em đi. – Thầy Đuy-sen nói nhanh.

Nhưng lúc ấy cánh cửa bỗng mở toang nghe đánh sầm một tiếng và trên ngưỡng cửa, thím tôi hiện ra, trên môi nở nụ cười hả hê nanh ác, đầy vẻ thách thức. Thầy Đuy-sen bước ra cửa.

– Bà đến có việc gì?

– Đến có việc chẳng dính dáng gì đến mày. Tao đem con tao đi gả chồng. Ê! Cái con cầu bơ cầu bất[1] kia! – Thím chồm về phía tôi, nhưng thầy Đuy-sen đã chặn lối.

Chú ý ngôn ngữ và hành động của các nhân vật.

– Ở đây toàn là nữ sinh cả, chưa có em nào gả chồng được! – Thầy nói, giọng rắn rỏi và điềm tĩnh.

– Để rồi xem. Ê! Bọn đàn ông! Bắt lấy con chó chết ấy, lôi nó ra!

Thím tôi giơ tay vẫy một tên trong bọn cưỡi ngựa. Đó chính là cái lão mặt đỏ đội mũ da cáo. Thêm hai tên nữa cầm những chiếc gậy nặng vót nhọn xuống ngựa theo sau lão ta. Tên mặt đỏ xông vào thầy Đuy-sen như một con gấu.

[...] Nhưng thầy Đuy-sen đã nhanh tay hơn hắn. Thầy giơ chân đạp mạnh vào bụng hắn. Hắn kêu lên một tiếng và ngã xuống. Ngay lúc ấy, hai tên cầm gậy nhọn xông vào. Lũ trẻ con kêu rú lên và chạy bổ về phía tôi. Cánh cửa bị xô mạnh vỡ ra từng mảnh. Tôi lao vào đám đánh nhau, lôi theo cả lũ trẻ đang bíu vào người tôi.

– Buông thầy giáo ra! Không được đánh! Tôi đây, bắt tôi đi chứ không được đánh thầy giáo!

Thầy Đuy-sen quay lại nhìn. Mình mẩy thầy máu me bê bết, vẻ căm giận trông rất khủng khiếp. Thầy cúi xuống đất lấy một tấm ván khoa[2] lên, quát:

– Chạy đi các em, chạy về làng! An-tư-nai, chạy đi! – Tiếng kêu của thầy nghẹn ngào thành tiếng nấc.

Chúng nó đã đánh gãy tay thầy Đuy-sen; thầy ép cánh tay vào ngực, bước lùi lại, còn bọn kia thấy thầy không còn sức chống cự, liền xông vào đánh thầy, rống lên như một đàn bò dại. [...]

Bọn chúng vật tôi xuống và trói tay tôi lại. Trong lúc đó, thầy Đuy-sen lăn lộn trên mặt đất.

– Thầy ơi!

Nhưng bọn chúng đã bịt mồm tôi lại và xốc tôi nằm vắt ngang trên yên ngựa.

---

(1) *Cầu bơ cầu bất*: bơ vơ, không nơi nương tựa.

(2) *Khoa*: dùng tay hoặc vật gì đó giơ lên, đưa đi đưa lại thành vòng trước mặt.

[...] Tôi không nhớ chúng đem tôi đến đâu và như thế nào. Tôi tỉnh dậy trong một căn lều vải. Những ngôi sao đầu hôm, trầm tĩnh, không chút ưu tư, dòm qua chóp lều để hở. Gần đâu đây một con sông chảy róc rách và nghe văng vẳng có tiếng nói chuyện của những người chăn cừu đêm. Bên bếp lửa đã tàn lụi có một bà già lầm lì, người khô đét như que củi đang ngồi yên.

Tình cảnh của An-tư-nai sau khi bị bắt như thế nào?

[...] Đến đêm thứ ba, tôi nhất quyết trốn đi, dù có sao cũng mặc. Dù có lạc đường hay bị bọn hung đồ đuổi kịp, tôi cũng sẽ chống cự cho đến hơi thở cuối cùng như thầy Đuy-sen. Trong đêm tối, tôi lặng lẽ lần ra phía cửa lều. Tôi sờ lên cửa thì thấy nó đã bị buộc chặt bằng một sợi dây thừng tết bằng lông đuôi ngựa. Nút dây xiết cứng rắc rối, tối mịt thế này không thể mở ra được. Tôi bèn cố vén thành lều lên để tìm cách bò ra ngoài. Nhưng dù tôi cố sức bao nhiêu cũng không sao vén được: ở phía ngoài cũng có những sợi chão[1] căng sát vách lều xuống đất.

[...] Tôi hăm hở, mê mải đào đất dưới vách lều. Mặt đất ở chỗ ấy lởm chởm những đá không sao đào được. Tôi cào bằng móng tay, mấy ngón tay tôi toạc rách rớm máu. Và đến khi lỗ đào đã vừa rộng để thò tay ra ngoài lều thì trời đã hửng sáng. Chó sủa ran, người ở các lều bên đã bắt đầu thức dậy. Có tiếng vó rầm rập của một đàn ngựa phi qua lều xuống sông uống nước. Những đàn cừu ngái ngủ kéo qua, thở phì phò. Rồi có ai đến cạnh lều, tháo cởi những sợi chão căng ở ngoài và bắt đầu đỡ các tấm nỉ lợp lều. Đó là người đàn bà mặt đen trầm lặng.

[...] Những tấm dạ đều đã cuộn lại, lều chỉ còn lại một cái sườn và tôi như ngồi trong một cái lồng nhìn ra ngoài: cách đấy không xa, bên kia sông có mấy người đang thắng yên ngựa và xếp đồ đạc lên lưng bò. Rồi tôi thấy ba người cưỡi ngựa từ đâu bỗng phi về phía lều tôi đang ngồi. Thoạt tiên tôi tưởng họ đi tập hợp mọi người lên đường, nhưng khi nhìn kĩ lại, tôi choáng người đi. Đó là thầy Đuy-sen, còn hai người kia thì đội mũ lưỡi trai công an, mặc áo khoác đính dải khuy đỏ.

Điều gì bất ngờ xảy ra ở đoạn này?

Tôi ngồi thừ ra như người chết rồi, thậm chí cũng không kêu lên được nữa. Tôi mừng quýnh lên: Thầy tôi vẫn sống!

Đầu thầy Đuy-sen quấn băng, tay cũng đeo băng. Thầy nhảy xuống ngựa, giơ chân đập sập cửa, chạy vào lều và kéo phắt tấm chăn đắp trên người lão mặt đỏ.

– Dậy! – Thầy Đuy-sen giận dữ quát.

Lão kia nhấc đầu lên, dụi mắt rồi toan chồm lên người thầy, nhưng lập tức phải chịu im khi thấy hai khẩu súng lục của hai người công an chĩa vào mặt. Thầy Đuy-sen túm lấy cổ áo hắn lay mạnh rồi kéo đầu hắn vào sát mặt mình.

Chú ý ngôn ngữ và hành động của thầy Đuy-sen.

(1) *Chão*: dây thừng to và bền.

– Đồ hèn mạt! – Thầy nói thì thào qua đôi môi trắng bệch – Bây giờ phải đi theo ta! Đi!

Lão kia ngoan ngoãn cất bước. Họ để cho tên mặt đỏ đi ủng, trói tay hắn lại và xốc lên ngựa. Một trong hai người công an cầm cương dắt đi, còn người kia cưỡi ngựa theo sau.

Tôi ngồi lên yên ngựa của thầy Đuy-sen, còn thầy đi bộ bên cạnh.

[...] Như một cơn ác mộng, đầu tôi cứ váng lên. Mình mẩy ê ẩm, tôi đờ dẫn ngồi trên lưng ngựa. Thầy Đuy-sen cầm cương đi trước một quãng. Thầy lặng thinh, mái đầu quấn băng cúi gầm. Đi mãi hồi lâu chúng tôi mới ra khỏi cái thung lũng ghê rợn kia. Hai anh công an vượt lên trước, cách chúng tôi khá xa. Thầy Đuy-sen cho ngựa dừng lại và lần đầu tiên nhìn tôi, đôi mắt buồn rười rượi.

– An-tư-nai ơi, thầy không bảo vệ được em, em tha thứ cho thầy nhé. – Thầy Đuy-sen nói, đoạn cầm lấy tay tôi áp lên má – Nhưng dù em có tha thứ đi nữa thì thầy cũng không đời nào có thể tự tha thứ cho mình việc này được.

Tôi khóc nấc lên và gục xuống bờm ngựa, thầy Đuy-sen đứng cạnh, lặng lẽ vuốt tóc tôi và đợi tôi nín khóc. Cuối cùng, thầy nói:

– Em bình tâm lại, An-tư-nai ạ, ta đi đi. Em nghe thầy nhé. Hôm kia, thầy vừa lên huyện. Em sẽ lên tỉnh học. Em nghe thầy không?

Khi chúng tôi dừng lại bên một ngọn suối trong veo tuôn chảy róc rách, thầy nói:

– An-tư-nai, em xuống ngựa mà tắm một chút. – Thầy rút trong túi ra một miếng xà phòng nhỏ – Cầm lấy, An-tư-nai, cứ tha hồ dùng cho hết. Thầy sẽ ra kia cho ngựa ăn cỏ một lát, em xuống tắm đi. Và em hãy quên những chuyện đã xảy ra, đừng bao giờ nhớ đến nữa. Tắm đi, An-tư-nai, em sẽ thấy dễ chịu hơn. Được chứ?

Tôi gật đầu. Và khi thầy Đuy-sen đã dắt ngựa đi khuất, tôi thận trọng bước xuống suối. Những viên sỏi trắng, tím, xanh, đỏ từ dưới lòng suối nhìn tôi. Làn nước xanh lơ chảy xiết réo lên quanh mắt cá tôi. Tôi lấy tay vốc nước vỗ lên ngực. Những dòng nước mát rượi chảy trên thân thể tôi. Và tôi bất giác cất tiếng cười, lần đầu tiên trong suốt mấy ngày hôm ấy. Được cười, thích biết bao nhiêu! Tôi luôn tay vốc nước phả lên người rồi gieo mình xuống làn nước sâu. Dòng suối băng băng cuốn tôi đến một cồn cát. Tôi đứng lên rồi ngụp xuống dòng nước chảy cuồn cuộn, tung bọt trắng xoá.

– Nước ơi, hãy cuốn đi tất cả những bùn nhơ, những nỗi ô nhục của mấy ngày hôm nay! Hãy làm cho tôi trong sạch như nước suối này! – Tôi thì thầm rồi cất tiếng cười vô cớ.

Những lời nhân vật "tôi" thì thầm có ý nghĩa gì?

③ Tại sao vết chân con người không còn lại mãi mãi ở những nơi thân thiết, đáng ghi nhớ đối với lòng họ? Giá giờ đây tôi có thể tìm lại con đường mòn mà thầy Đuy-sen đã đưa tôi xuống núi, tôi sẽ phục xuống đất và hôn lên những vết chân của thầy tôi. Đối với tôi, con đường mòn ấy là con đường dẫn tới mọi con đường. Thiêng liêng và diễm phúc[1] thay ngày hôm ấy, con đường mòn ấy, con đường đã dẫn tôi trở về với cuộc sống, với niềm tin mới vào bản thân mình, với những niềm hi vọng mới, với ánh sáng,... Cảm ơn ánh sáng Mặt Trời, cảm ơn mảnh đất ngày hôm ấy,...

Phần ③ là những lời tâm sự của An-tư-nai vào thời điểm nào?

(*Người thầy đầu tiên*, NGUYỄN NGỌC BẰNG – CAO XUÂN HẠO – BỒ XUÂN TIẾN dịch, in trong *Gia-mi-li-a* (Giamilia), NXB Văn học, Hà Nội, 1999)

1. Đoạn trích *Người thầy đầu tiên* kể về câu chuyện gì? Ai là người kể chuyện? Ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào?

2. Tóm tắt nội dung chính của từng phần được đánh số trong văn bản. Nội dung phần ③ cho biết có sự khác biệt gì về thời gian kể chuyện so với hai phần trước? Câu văn nào nói lên điều đó?

3. Thông qua cuộc đời nhân vật An-tư-nai, có thể nêu lên nhận xét gì về số phận của những người phụ nữ Cư-rơ-gư-xtan?

4. Phân tích nhân vật thầy Đuy-sen trong đoạn trích *Người thầy đầu tiên*.

5. Nội dung đoạn trích *Người thầy đầu tiên* vừa đậm chất trữ tình vừa giàu tính hiện thực. Em hãy làm sáng tỏ đặc điểm ấy.

6. Chi tiết hoặc hình ảnh nào trong văn bản đã để lại trong em những ấn tượng sâu đậm? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 - 10 dòng) ghi lại ấn tượng ấy.

VIẾT

Phân tích một tác phẩm truyện

1 Định hướng

1.1. Phân tích một tác phẩm truyện là kiểu bài nghị luận văn học mà trong đó, người viết dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ một số đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Bài viết phải nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng

(1) *Diễm phúc*: điều tốt đẹp do may mắn mà có.

của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. Từ đó, người viết nêu lên những nhận xét, đánh giá của bản thân về những nét đặc sắc đó.

1.2. Để viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện, các em cần chú ý:

– Những yếu tố được nêu ra, những nhận xét, đánh giá về truyện phải bám sát chủ đề, cốt truyện, nhân vật, những nét đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm được người viết phát hiện và khái quát.

– Trước khi viết, cần tìm ý và lập dàn ý. Căn cứ vào đề bài để xác định cách tìm ý cho phù hợp (đặt câu hỏi, suy luận hoặc so sánh, đối chiếu).

– Các nhận xét, đánh giá trong bài văn về tác phẩm truyện, đặc biệt là các nét đặc sắc nghệ thuật, phải rõ ràng, đúng đắn, có lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. Nên kết hợp nêu các yếu tố cần phân tích với việc phát biểu những nhận xét, cảm nghĩ của bản thân về yếu tố ấy.

– Bài văn phân tích tác phẩm truyện cần có bố cục mạch lạc, lời văn chuẩn xác, gợi cảm.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Đề bài: *Phân tích truyện ngắn "Lão Hạc" của Nam Cao.*

a) Chuẩn bị

– Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản *Lão Hạc* của Nam Cao.

– Nắm vững các thông tin liên quan (thể loại, các nhân vật cần chú ý, chủ đề và các nét đặc sắc nghệ thuật của truyện).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết theo cách đặt và trả lời các câu hỏi:

+ Nhan đề văn bản và cốt truyện tác phẩm *Lão Hạc* của Nam Cao có gì đặc sắc?

+ Chủ đề của truyện là gì? Ấn tượng chung của em sau khi đọc văn bản như thế nào?

+ Nét đặc sắc và tác dụng của một số yếu tố hình thức trong truyện là gì?

+ Có thể rút ra những bài học nào từ văn bản truyện?

+ Với em, điều gì sâu sắc và đáng nhớ nhất sau khi đọc truyện?

– Lập dàn ý bằng cách sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục ba phần:

Mở bài	Giới thiệu nhan đề, tác giả, thể loại và nhận xét chung về tác phẩm.
Thân bài	Nêu chủ đề và phân tích các biểu hiện làm rõ chủ đề của tác phẩm: + Phân tích nhan đề và đặc sắc của cốt truyện trong việc làm sáng tỏ chủ đề. + Phân tích các nhân vật nhằm làm rõ chủ đề của truyện:

	• Nhân vật lão Hạc (các chi tiết về hoàn cảnh, hành động, việc làm, cử chỉ, lời nói,...) trong mối quan hệ với các nhân vật khác: con trai, ông giáo, "cậu Vàng",... • Nhân vật ông giáo (Ông giáo là người thế nào, những chi tiết nào thể hiện điều đó?...). + Phân tích tác dụng của các nét đặc sắc nghệ thuật trong truyện: nghệ thuật khắc hoạ đặc điểm tính cách nhân vật, bút pháp miêu tả (ngoại hình và nội tâm), lựa chọn chi tiết giàu ý nghĩa, lời văn giản dị, tự nhiên,...
Kết bài	Nhận xét khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện. Nêu tác động của truyện với cá nhân người viết bài.

c) Viết

– Dựa vào dàn ý đã làm để luyện tập kĩ năng viết bài.

– Lần lượt phân tích các yếu tố đặc sắc của truyện theo trình tự hợp lí. Với mỗi yếu tố, cần chú ý điểm nổi bật, bằng chứng kèm theo và tác dụng của chúng.

– Trong khi phân tích, chú ý tạo điểm nhấn cho yếu tố hình thức được phân tích bằng những đánh giá, nhận xét xác đáng, tinh tế.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bài văn đã viết. Đối chiếu với những yêu cầu đã nêu ở các bước (chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý) để kiểm tra và chỉnh sửa theo hướng dẫn sau:

Phương diện kiểm tra	Câu hỏi kiểm tra
Nội dung	Mở bài: Đã giới thiệu khái quát nội dung bài viết chưa? (Ở bài viết này là phân tích truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao.) Thân bài: – Có nêu được các nội dung cụ thể làm rõ cho nội dung khái quát đã nêu ở mở bài không? (Ở bài viết này là phân tích nội dung, nghệ thuật của truyện ngắn *Lão Hạc*.) – Nội dung cụ thể có sinh động, đặc sắc, giàu sức thuyết phục không? – Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt khác trong khi viết hay chưa? – Có nêu được những suy nghĩ và cảm xúc sâu sắc không? Kết bài: Đã nêu được ý nghĩa của đề tài, nội dung bài viết hay chưa? (Ở bài viết này là giá trị nội dung, nghệ thuật và thông điệp của truyện *Lão Hạc*.)
Hình thức	– Bài viết đã có đủ ba phần chưa? Nội dung (độ dài) các phần có cân đối không? – Bài viết đã đủ ý chưa? Các ý có phù hợp với vấn đề nghị luận và luận điểm không? Có những ý nào trùng lặp nhau không? – Bài viết có mắc lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả,... không?
Đánh giá chung	– Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào? – Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết?

2.2. Rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của yếu tố hình thức truyện

a) Cách thức

Hiểu một tác phẩm truyện, không phải chỉ hiểu nội dung như chủ đề, tình cảm, thái độ của nhà văn,... mà cần nhận biết và hiểu được các yếu tố hình thức và tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung. Các yếu tố hình thức của truyện thường được chú ý phân tích như nghệ thuật xây dựng nhân vật, cốt truyện, tình tiết, lời văn, ngôi kể,...

Ví dụ đoạn phân tích tác dụng của yếu tố hình thức truyện sau đây:

Đoạn văn	Chức năng của câu văn
(1) Để đạt được chiều sâu về tư tưởng nói trên, không thể phủ nhận vai trò quyết định của ngòi bút truyện ngắn Nam Cao. (2) Ngòi bút này khẳng định giá trị trước hết ở việc xây dựng nhân vật. (3) Biệt tài của Nam Cao thể hiện rõ nhất trong sự biến chuyển của giọng điệu nhân vật ở truyện ngắn này. (4) Khi thì là một nỗi nhớ con luôn thường trực, khi thì là nỗi đau đớn của một người lương thiện bị dằn vặt bởi mặc cảm tội lỗi ("thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó"), khi thì là nỗi chua chát cho số kiếp tận cùng của nỗi khổ ("Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!...") và cũng có khi sau những lời nói ẩn chứa cả một toan tính ("Tôi đã liệu đâu vào đấy... Thế nào rồi cũng xong"). (5) Trong truyện ngắn, nhà văn để cho nhân vật chính nói không nhiều; thế nhưng, mỗi câu nói của nhân vật đều có sức mạnh thể hiện tâm trạng. (6) Tương tự với những đoạn văn hiếm hoi miêu tả nhân vật trong thiên truyện (nếu có thì rất ngắn, chỉ vài câu), những lời thoại này đã đạt đến độ cô đọng và tạo được hiệu quả nghệ thuật cao. (Theo Phạm Xuân Thạch, *Giảng văn Văn học Việt Nam trung học cơ sở*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)	(1) Thực hiện chức năng chuyển đoạn và liên kết. (2) Nêu yếu tố hình thức cần phân tích: nghệ thuật xây dựng nhân vật. (3) Xác định yếu tố hình thức cần phân tích: ngôn ngữ của nhân vật. (4) Nêu những bằng chứng tiêu biểu, xác thực để làm rõ cho yếu tố. (5) Nhận xét về tác dụng của yếu tố hình thức vừa tìm hiểu. (6) Diễn giải thêm tác dụng của yếu tố và thực hiện chức năng liên kết.

b) Bài tập

Viết đoạn văn phân tích tác dụng của cách kết thúc truyện *Lão Hạc* (Nam Cao).

NÓI VÀ NGHE

Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

1 Định hướng

1.1. Ở Bài 1 trong sách *Ngữ văn 8*, tập một, các em đã được rèn luyện cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, Bài 6 tiếp tục rèn luyện kĩ năng này. Có rất nhiều vấn đề xã hội cần trao đổi, tuy nhiên, ở đây chỉ nêu lên một số vấn đề phù hợp với học sinh lớp 8 và gắn với nội dung các văn bản ở phần đọc hiểu. Ví dụ:

– Một số vấn đề xã hội trong cuộc sống:

+ Ngưỡng mộ và mê muội thần tượng.

+ Học sinh cấp Trung học cơ sở sử dụng xe gắn máy phân khối lớn đến trường.

+ Cần biết lựa chọn sách để đọc.

– Một số vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học:

+ Giá trị của tình cha con được gợi ra sau khi học truyện *Lão Hạc* (Nam Cao).

+ Thái độ cần có của người lớn đối với ước mơ của trẻ em được rút ra sau khi đọc văn bản *Trong mắt trẻ* (Ê-xu-pe-ri).

+ Sau khi đọc đoạn trích *Người thầy đầu tiên* (Ai-ma-tốp), em có suy nghĩ gì về quê hương, người thầy và mái trường tuổi thơ?

1.2. Để trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, các em cần dự kiến một số nội dung theo bảng đã nêu ở Bài 1 trong sách *Ngữ văn 8*, tập một, trang 34.

2 Thực hành

Bài tập: *Chọn một trong hai đề bài sau:*

(1) *Suy nghĩ của em về ý kiến: "Cần biết lựa chọn sách để đọc.".*

(2) *Suy nghĩ của em về thái độ cần có của người lớn đối với ước mơ của trẻ em sau khi đọc văn bản "Trong mắt trẻ" (trích "Hoàng tử bé" – Ê-xu-pe-ri).*

a) Chuẩn bị (với đề bài 2)

– Xem lại đoạn trích *Trong mắt trẻ* của Ê-xu-pe-ri.

– Xác định đối tượng nghe, bối cảnh trình bày để chuẩn bị nội dung phù hợp.

– Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài trình bày theo cách đặt và trả lời các câu hỏi như:

+ Đoạn trích *Trong mắt trẻ* kể lại chuyện gì?

+ Nội dung đoạn trích đặt ra vấn đề thái độ cần có của người lớn đối với ước mơ của trẻ em như thế nào?

+ Ước mơ của trẻ em có đặc điểm gì?

+ Thái độ của người lớn đối với ước mơ của trẻ em có thể khác nhau thế nào? Biểu hiện cụ thể ra sao?

+ Theo em, cần ủng hộ và phê phán những thái độ nào? Vì sao?

+ Em sẽ làm gì để thuyết phục người lớn có thái độ tích cực với ước mơ của bản thân?

– Lập dàn ý bằng cách tổ chức hệ thống các ý theo bố cục ba phần:

Mở đầu	Nêu vấn đề cần trình bày: Người lớn cần hiểu và tôn trọng ước mơ của trẻ em. Đó là vấn đề được đặt ra trong đoạn trích *Trong mắt trẻ* của Ê-xu-pe-ri.
Nội dung chính	Lần lượt trình bày các nội dung đã chuẩn bị trong mục tìm ý: + Nội dung văn bản *Trong mắt trẻ* và vấn đề ước mơ của trẻ em. + Đặc điểm ước mơ của trẻ em. + Biểu hiện cụ thể về sự khác nhau giữa thái độ của người lớn với ước mơ của trẻ em. + Nguyên nhân cần phê phán hoặc ủng hộ đối với từng thái độ nêu trên.
Kết thúc	+ Khái quát ý nghĩa vấn đề. + Hành xử phù hợp của trẻ em khi đối diện với thái độ của người lớn với ước mơ của bản thân.

c) Nói và nghe

Hoạt động nói và nghe cần đảm bảo các yêu cầu sau:

Người nói	Người nghe
– Nội dung trình bày: + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể. + Nội dung phong phú, có trọng tâm, được trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề. + Nội dung giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thoả đáng. – Hình thức trình bày: + Bài trình bày có bố cục rõ ràng. + Các nội dung minh hoạ có chất lượng. + Sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp. + Có sự sáng tạo, tạo được điểm nhấn cho nội dung trình bày. – Tác phong, thái độ trình bày: + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp. + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen quá nhiều. + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng. + Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày.	– Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại. – Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. – Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Người nói	Người nghe
– Lắng nghe nhận xét của các bạn và thầy, cô về bài trình bày. – Rút kinh nghiệm về nội dung, cách thức và thái độ trình bày,... – Tự đánh giá: + Điều em hài lòng về bài trình bày của mình là gì? + Điều gì em muốn thay đổi trong bài trình bày đó?	– Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin xem đã chính xác chưa. – Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày. – Đánh giá: + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao? + Điều em học được từ bài trình bày của bạn là gì?

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

CỐ HƯƠNG

(Tóm tắt phần lược đi: *Sau hơn hai mươi năm xa cách, Tấn, nhân vật xưng "tôi", trở về thăm quê lần cuối, bán nhà để chuyển đi nơi khác. Thời tiết đang giữa mùa đông, trời âm u và gió lạnh, nhìn ngôi làng cũ giờ tiêu điều xơ xác khiến nhân vật Tấn cảm thấy không vui. Không chỉ khung cảnh, cả con người ở quê nhà cũng đã thay đổi, như chị Hai Dương, "nàng Tây Thi đậu phụ" năm xưa, đã trở nên thực dụng, đanh đá đến mức khó có thể chịu được. Đặc biệt, tác động sâu sắc đến nhân vật Tấn là cuộc gặp gỡ với người bạn ấu thơ Nhuận Thổ. Trong kí ức của Tấn, Nhuận Thổ là một cậu bé ngây thơ, nhanh nhẹn, mang đến cho anh bao nhiêu hiểu biết bất ngờ, khám phá thú vị. Thế mà giờ đây, đứa bé ấy đã trở thành một người đàn ông rất khác.*)

(1) Một hôm, trời rét lắm. Quá trưa, tôi vừa ăn cơm xong, đang ngồi uống trà, bỗng nghe như có tiếng ai ở ngoài đi vào. Ngoảnh ra xem, tôi ngạc nhiên vô cùng, vội vàng đứng dậy ra đón.

Người đi vào là Nhuận Thổ. Tuy tôi nhận ra ngay là Nhuận Thổ, nhưng lại không phải là Nhuận Thổ trong kí ức tôi. Anh cao gấp hai trước, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật trước kia nay đổi thành vàng sạm, lại có thêm những nếp răn sâu hoắm. Cặp mắt giống hệt cặp mắt bố anh ngày trước, mi mắt viền đỏ húp mọng lên. Tôi không lấy làm lạ, ở miền biển, gió thổi suốt ngày, đại để ai cũng thế cả. Anh đội một cái mũ lông chiên rách tươm, mặc một chiếc áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm, tay cầm một bọc giấy và một tẩu thuốc lá dài. Bàn tay này cũng không phải là bàn tay tôi còn nhớ, hồng hào, lanh lẹ, mập mạp, cứng rắn, mà vừa thô kệch vừa nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông.

Lúc bấy giờ, tôi mừng rỡ vô cùng, nhưng chưa biết nói thế nào cho phải, đành chỉ hỏi:

– À anh Nhuận Thổ, anh đã đến đấy à!

Tôi còn có rất nhiều chuyện để nói tiếp, tưởng chừng có thể tuôn ra như nước chảy "nào là chim chào mào, nào là cá nhảy, vỏ sò, tra,..."[1] nhưng không biết hình như có cái gì chẹn lại, chỉ loanh quanh trong đầu óc, không thốt ra thành lời được.

Nhuận Thổ đứng dừng lại, nét mặt vừa hớn hở vừa thê lương, môi mấp máy, nhưng cũng nói không ra tiếng. Rồi bỗng anh lấy một dáng điệu cung kính, chào rất rành mạch:

– Bẩm ông!

Tôi như điếng người đi. Thôi đúng rồi! Giữa chúng tôi đã có một bức tường khá dày ngăn cách. Thật là bi đát. Tôi cũng nói không nên lời.

Anh ta ngoảnh đầu lại gọi:

– Thuỷ Sinh. Con không lạy ông đi kìa!

Anh liền kéo đứa bé nấp sau lưng anh ra. Trông nó giống hệt anh hai mươi năm về trước, chỉ có điều vàng vọt, gầy còm hơn một tí, và cổ không đeo vòng bạc mà thôi.

– Thưa, đây là cháu thứ năm đấy ạ! Chưa đi đâu bao giờ, cứ thấy ai là lẩn tránh...

Mẹ tôi và cháu Hoàng chừng đã nghe thấy tiếng, từ trên gác đi xuống.

Anh Nhuận Thổ nói:

– Lạy cụ ạ! Thư cụ con đã nhận được, biết ông có về chơi, thật mừng quá!

Mẹ tôi vui vẻ nói:

– Ấy, sao lại khách tình[2] thế! Chẳng phải là trước kia, vẫn gọi nhau bằng anh em cơ mà? Cứ gọi là anh Tấn như trước thôi!

– Ái chà! Cụ thật là... Như thế thì còn ra thể thống nào nữa. Hồi đó, còn nhỏ dại, chưa hiểu...

Anh Nhuận Thổ vừa nói vừa gọi Thuỷ Sinh lại chào, nhưng thằng bé bẽn lẽn, bám sát vào lưng bố.

Mẹ tôi nói:

– Cháu Thuỷ Sinh đấy à? Cháu thứ năm phải không nhỉ? Toàn là người lạ, chả trách rụt rè là phải. Hoàng đâu, dẫn em ra chơi đi!

Hoàng nghe nói liền gọi Thuỷ Sinh. Thuỷ Sinh nhẹ nhàng khoan khoái cùng Hoàng đi ra. Mẹ tôi bảo Nhuận Thổ ngồi. Anh ngập ngừng một lát rồi cũng ngồi xuống, để cái tẩu thuốc dựa vào mé bàn, đưa cái giấy ra nói:

– Ngày đông tháng giá, chẳng có gì. Đây chỉ là ít đậu xanh của nhà phơi khô, xin ông...

---

(1) Đây là những câu chuyện, những hiểu biết thú vị mà thời ấu thơ Nhuận Thổ đã kể cho "tôi".

(2) *Khách tình* (như *khách khí*): giữ khoảng cách, tỏ ra dè dặt, không tự nhiên, thoải mái trong việc làm, cách cư xử.

Tôi hỏi thăm gia đình anh. Anh chỉ lắc đầu:

– Bẩm, vất vả lắm! Cháu thứ sáu cũng đã giúp được việc, nhưng nhà vẫn không đủ ăn, lại có được sống yên ổn đâu!... Chỗ nào cũng hỏi tiền, chẳng có luật lệ gì cả. Mùa lại mất. Trồng được gì là gánh đi bán tất. Chỉ đóng góp vài lần là cụt vốn rồi. Không đem bán thì lại thối mục hết.

Anh cứ lắc đầu. Những nếp răn khắc sâu trên mặt anh tuyệt nhiên không động đậy. Trông anh phẳng phất như một pho tượng đá. Có lẽ anh chỉ cảm thấy khổ nhưng không nói ra được hết, ngồi trầm ngâm một lúc, rồi cầm lấy dọc tẩu, lặng lẽ hút thuốc.

Mẹ tôi hỏi chuyện anh, biết nhà anh bận lắm việc, ngày mai phải về, lại chưa ăn cơm trưa, liền bảo anh xuống bếp rang cơm ăn.

Anh đi ra. Mẹ tôi và tôi đều than thở, buồn cho cảnh nhà anh: con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào[1] đày đoạ thân anh khiến anh trở thành dần độn, mụ mẫm đi! Mẹ tôi bàn với tôi:

– Cái gì không cần chở đi thì cho anh ta hết. Cứ để cho tuỳ ý chọn, lấy cái nào thì lấy.

Đến chiều anh chọn xong mấy thứ: một đôi bàn dài, bốn chiếc ghế dựa, một bộ tam sự và một cái cân. Anh lại xin tất cả các đống tro (ở quê tôi, người ta nấu bằng rơm, rạ, tro có thể dùng bón ruộng), chờ khi nào chúng tôi lên đường là đem thuyền đến chở.

Đêm đến, chúng tôi cũng có nói vài ba câu chuyện phiếm, toàn là những chuyện chẳng quan trọng gì. Sáng hôm sau, Thuỷ Sinh về. Chín ngày sau, chúng tôi lên đường. Sáng sớm, Nhuận Thổ đã đến rồi. Thuỷ Sinh không đi theo. Anh chỉ đem theo một đứa cháu gái năm tuổi để trông thuyền. Chúng tôi bận rộn suốt ngày, không có thì giờ trò chuyện. Khách khứa cũng nhiều. Kẻ đến đưa chân, người đến lấy đồ đạc. Có kẻ vừa đưa chân vừa lấy đồ đạc. Gần tối, chúng tôi xuống thuyền thì tất cả đồ đạc trong ngôi nhà cũ, hư hỏng, to nhỏ, xấu tốt đều mang đi sạch trơn như quét.

(2) Thuyền chúng tôi thẳng tiến. Trong hoàng hôn, những dãy núi xanh hai bên bờ sông đen sẫm lại, nối tiếp nhau chạy lùi về phía sau lái.

Tôi và cháu Hoàng ngồi tựa cửa thuyền, cùng nhìn phong cảnh mờ ảo bên ngoài. Bỗng cháu Hoàng hỏi:

– Bác này! Lúc nào chúng ta lại trở về nhỉ?

(1) *Thân hào*: người có địa vị và thế lực trong xã hội cũ.

– Trở về? Sao cháu chưa đi đã nghĩ đến chuyện trở về?

– Nhưng mà thằng Thuỷ Sinh nó hẹn cháu đến nhà nó chơi cơ mà!

Hoàng giương to đôi mắt đen nháy nhìn tôi, ngây người suy nghĩ.

Tôi và mẹ tôi cũng đều có ý buồn, thế là lại nhắc đến Nhuận Thổ. Mẹ tôi nói:

– Cái chị Hai Dương, "nàng Tây Thi đậu phụ" ấy mà! Từ khi nhà ta bắt đầu sửa soạn hành lí, chẳng ngày nào là chị ta không đến. Hôm trước, chị ta đứng cạnh đống tro, moi ra hơn mười chiếc, cả bát lẫn đĩa, bàn tán một hồi rồi nói quyết rằng Nhuận Thổ vùi vào đấy để khi nào xúc tro là mang đi luôn. Chị ta khám phá ra việc đó, tự cho mình là có công, liền lấy ngay cái "cẩu khí sát" (một dụng cụ ở quê tôi người ta dùng nuôi gà, làm bằng một tấm ván, trên có chấn song, trong đựng thức ăn, gà chỉ việc thò cổ vào mổ còn chó thì đứng nhìn, chịu chết), rồi chạy biến. Tuy chị ta lùn và chân bé tí tẹo thế mà chạy cũng nhanh đáo để!

Ngôi nhà cũ xa dần, phong cảnh làng cũ cũng mờ dần, nhưng lòng tôi không chút lưu luyến. Tôi chỉ cảm thấy chung quanh tôi là bốn bức tường vô hình, nhưng rất cao, làm cho tôi vô cùng lẻ loi, ngột ngạt. Hình ảnh đứa trẻ oai hùng, cổ đeo vòng bạc, đứng giữa ruộng dưa hấu, tôi vốn nhớ rõ lắm, nhưng bây giờ bỗng nhiên cũng mờ nhạt đi, khiến tôi lại càng thêm ảo não.

Mẹ tôi và cháu Hoàng đã ngủ rồi.

Tôi nằm xuống, nghe nước róc rách vỗ vào mạn thuyền, biết là tôi đang đi theo con đường của tôi. Tôi nghĩ bụng: Tôi và Nhuận Thổ, tuy cách bức đến như thế này, nhưng con cháu chúng tôi vẫn còn thân thiết với nhau. Chẳng phải là cháu Hoàng đang mơ tưởng nhớ đến Thuỷ Sinh đó ư? Tôi mong ước chúng nó sẽ không giống chúng tôi, không bao giờ phải cách bức nhau cả. Nhưng tôi cũng không muốn chúng nó vì thân thiết với nhau mà phải vất vả, chạy vạy như tôi, cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà đần độn như Nhuận Thổ; cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà tàn nhẫn như bao nhiêu người khác. Chúng nó cần phải sống một cuộc đời mới, một cuộc đời mà chúng tôi chưa từng được sống.

Tôi nghĩ đến những niềm hi vọng, bỗng nhiên hoảng sợ. Khi Nhuận Thổ xin chiếc lư hương và đôi đèn nến, tôi cười thầm, cho rằng anh ta lúc nào cũng không quên sùng bái tượng gỗ.

Nhưng bây giờ, điều tôi đang gọi là hi vọng đây, biết đâu không phải là một thứ tượng gỗ tự tay tôi chế tạo ra? Có khác chăng là những điều anh ta mong ước thì gần gũi, còn những điều tôi mong ước thì xa vời đó thôi. Tôi đang mơ màng thì trước mắt tôi hiện ra cảnh tượng một cánh đồng cát, màu xanh biếc, cạnh bờ biển, trên vòm trời xanh đậm, treo lơ lửng một vừng trăng tròn vàng thắm. Tôi nghĩ bụng: Đã

gọi là hi vọng thì không thể nói đâu là thực, đâu là hư. Cũng giống như những con đường trên mặt đất; kì thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi.

(LỖ TẤN, *Truyện ngắn tuyển tập*, TRƯƠNG CHÍNH dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1977)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Đoạn tóm tắt phần lược đi cho biết những thông tin gì quan trọng để hiểu đoạn trích?

A. Sau hơn hai mươi năm xa cách, nhân vật Tấn trở lại thăm quê.

B. Ngày trước, Tấn và Nhuận Thổ là bạn bè thân thiết với nhau.

C. Chị Hai Dương "nàng Tây Thi đậu phụ" cũng trở nên thực dụng.

D. Thời tiết khi Tấn về quê đang giữa mùa đông, trời âm u và gió lạnh.

2. Nhân vật trung tâm của truyện là ai?

A. Nhuận Thổ

B. Tấn, nhân vật xưng "tôi"

C. Hoàng, cháu của Tấn

D. Mẹ của Tấn

3. Việc lựa chọn ngôi kể trong văn bản **không** có tác dụng nào sau đây?

A. Giúp khám phá thế giới nội tâm của nhân vật

B. Khiến câu chuyện được kể lại chân thật, sinh động

C. Bộc lộ cảm xúc của nhân vật một cách trực tiếp, chân thực

D. Giúp người đọc dễ dàng xác định được bố cục của truyện

4. Trong phần (2) của truyện ngắn này, chi tiết nào khiến nhân vật "tôi" bỗng nhiên hoảng sợ?

A. Khung cảnh ngôi làng mờ dần trước mắt nhân vật "tôi".

B. Hình ảnh ngày xưa của Nhuận Thổ mờ nhạt dần trong tâm trí nhân vật "tôi".

C. Nhân vật "tôi" suy nghĩ và mong mỏi về tương lai như những niềm hi vọng.

D. Mẹ của nhân vật "tôi" than phiền về cách hành xử của chị Hai Dương.

5. Việc xác định chủ đề của truyện ngắn này **không** căn cứ vào yếu tố nào sau đây?

A. Nhan đề của truyện

B. Sự thay đổi của một số nhân vật trong truyện

C. Các sự việc, chi tiết tiêu biểu trong truyện

D. Tên của các nhân vật

6. Sự biến đổi của con người nơi "cố hương" biểu hiện cụ thể ở một số nhân vật như thế nào? Tác giả đã dùng những biện pháp nghệ thuật nào để làm nổi bật sự thay đổi ở các nhân vật ấy?

7. Tác giả đã thể hiện thái độ, tình cảm gì trong văn bản?

8. Nhân vật "tôi" cảm thấy giữa bản thân và Nhuận Thổ "đã có một bức tường khá dày ngăn cách". Theo em, bức tường này do nguyên nhân nào tạo nên?

9. Nhân vật "tôi" muốn cháu Hoàng và Thuỷ Sinh phải có một "cuộc đời mới". Theo em, "cuộc đời mới" là cuộc đời như thế nào?

10. Cuối tác phẩm, nhân vật "tôi" cho rằng: "... Kì thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi.". Hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 - 12 dòng) trình bày ý kiến của em về quan điểm trên.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm các truyện có đề tài, cốt truyện, ngôi kể tương tự các văn bản truyện đã học trong Bài 6.

2. Sưu tầm những bài phân tích các tác phẩm truyện đã học (*Lão Hạc*, *Hoàng tử bé*, *Người thầy đầu tiên*, *Cố hương*); ghi lại các đoạn văn hay phân tích tác dụng của hình thức nghệ thuật trong truyện.

Bài 7 THƠ ĐƯỜNG LUẬT

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

• Xác định được giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ trữ tình và thơ trào phúng trung đại làm theo thể Đường luật. Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) và một số thủ pháp nghệ thuật của thơ trào phúng.

• Nắm được đặc điểm, tác dụng và biết sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh.

• Viết được bài phân tích một tác phẩm thơ.

• Nghe và tóm tắt được nội dung người khác thuyết trình về một tập thơ, bài thơ.

• Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước và tâm sự của các nhà thơ trước thời cuộc.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

Đường luật là thể thơ rất nổi tiếng trong văn học Trung Quốc, có từ thời Đường (618 - 907), sau đó du nhập sang Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản. Ở Việt Nam, trên cơ sở của thơ Đường luật và thơ ca truyền thống, cha ông ta đã sáng tạo ra thể thơ Nôm Đường luật mang bản sắc dân tộc. Sang thời hiện đại, thơ Đường luật còn được viết bằng chữ quốc ngữ.

Thơ Đường luật thường được viết bằng hai thể thất ngôn (mỗi câu bảy chữ) và ngũ ngôn (mỗi câu năm chữ). Có hai dạng thơ phổ biến: bát cú (mỗi bài tám câu) và tứ tuyệt[1] (mỗi bài bốn câu).

– Bố cục của một bài bát cú gồm bốn phần: *đề*, *thực*, *luận*, *kết*; mỗi phần có hai câu (gọi là *liên*). Hai câu *đề* có nhiệm vụ mở bài, giới thiệu vấn đề mà bài thơ đề cập. Hai câu *thực* nêu hiện tượng, sự vật, làm rõ hơn ý của đề bài được đưa ra ở hai câu *đề*. Hai câu *luận* phát triển rộng thêm ý của bài, có chức năng luận bàn về vấn đề được

(1) *Tứ*: bốn; *tuyệt*: dứt, ngắt; còn gọi là *tuyệt cú* (*cú*: câu).

nói đến ở các câu trên. Hai câu *kết* có vai trò kết thúc ý toàn bài, thể hiện cảm xúc của nhà thơ; có khi hai câu *kết* còn mang chức năng gợi mở, gợi ra ý mới để suy nghĩ tiếp.

Tứ tuyệt được xem như ngắt ra từ một bài bát cú, có bố cục bốn phần (mỗi phần một câu): *khởi*, *thừa*, *chuyển*, *hợp*. Câu *khởi* có chức năng mở bài, gợi mở ý thơ. Câu *thừa* nối tiếp câu *khởi* để làm trọn vẹn ý thơ. Câu *chuyển* có nhiệm vụ chuyển ý thơ từ việc phản ánh các sự vật, hiện tượng ở hai câu đầu sang phần gợi mở về bản chất, nguyên nhân của sự vật, hiện tượng được phản ánh. Câu *hợp* kết hợp với câu *chuyển* làm cô đúc ý thơ, thể hiện nỗi niềm của tác giả.

– Niêm (nghĩa đen: *dính*, vì làm cho hai câu thơ thuộc hai liên kết dính với nhau): Âm tiết (chữ) thứ hai của câu chẵn thuộc liên trên phải cùng thanh (niêm) với âm tiết thứ hai của câu lẻ thuộc liên dưới. Ở bài bát cú thì các cặp câu 1 - 8, 2 - 3, 4 - 5, 6 - 7 phải niêm với nhau; ở bài tứ tuyệt là các câu 1 - 4, 2 - 3.

– Luật: Thơ Đường luật buộc phải tuân thủ luật bằng trắc. Nếu chữ thứ hai của câu thứ nhất thanh bằng (không dấu, dấu huyền) thì bài thơ thuộc luật bằng và là luật trắc nếu mang thanh trắc (dấu hỏi, ngã, sắc, nặng).

– Vần: Thơ Đường luật ít dùng vần trắc. Bài thất ngôn bát cú thường chỉ gieo vần bằng ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; còn bài thất ngôn tứ tuyệt ở cuối các câu 1, 2, 4.

– Nhịp: Thơ Đường luật thường ngắt nhịp chẵn trước, lẻ sau, nhịp 4/3 (với thơ thất ngôn) hoặc 2/3 (với thơ ngũ ngôn).

– Đối: Trong thơ Đường luật, ở phần *thực* và *luận*, các chữ ở các câu thơ phải đối nhau về âm, về từ loại và về nghĩa; ví dụ: chữ vần bằng đối với chữ vần trắc, danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ,...

2. Thơ trào phúng và một số thủ pháp nghệ thuật

Thơ trào phúng là một thể loại đặc biệt của sáng tác văn học, gắn liền với các cung bậc tiếng cười mang ý nghĩa xã hội. Hài hước là sự phê phán nhẹ nhàng. Châm biếm là dùng lời lẽ sắc sảo, thâm thuý để phê phán, vạch trần đối tượng. Đả kích là tiếng cười phủ định, thường dùng để chỉ trích, phản đối gay gắt đối tượng trào phúng.

Một số thủ pháp trong thơ trào phúng:

– Chơi chữ là vận dụng các hiện tượng đồng âm, trái nghĩa, đa nghĩa, từ láy,... trong một câu thơ để tạo nên ý nghĩa bất ngờ làm bật ra tiếng cười.

– Sử dụng khẩu ngữ, ngôn ngữ đời thường một cách hài hước cũng là thủ pháp căn bản tạo nên tiếng cười trong thơ trào phúng.

– Cường điệu là nói quá, phóng đại, nhân lên gấp nhiều lần tính chất, mức độ nhằm làm nổi bật tính hài hước của đối tượng.

– Tương phản là sử dụng các từ ngữ, hình ảnh,... trái ngược nhau, tạo nên sự đối lập nhằm khắc hoạ, tô đậm đặc điểm của đối tượng và châm biếm, phê phán, đả kích đối tượng.

3. Đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình và từ tượng thanh

– Đảo ngữ là biện pháp tu từ, theo đó, một bộ phận câu được chuyển từ vị trí thông thường (vốn có) sang vị trí khác nhằm nhấn mạnh vào sự vật, sự việc được biểu thị bởi bộ phận đó hoặc tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu trong văn bản. Trong một số trường hợp, đảo ngữ vừa nhấn mạnh vừa tạo sự liên kết, ví dụ: "Chị Mơ thấy cháu mệt thì đi nấu cháo. **Cháo**, cháu cũng không ăn được." (Nguyễn Thị Ngọc Tú).

– Câu hỏi tu từ là câu có đặc điểm hình thức của câu hỏi nhưng không dùng để hỏi mà dùng để gián tiếp biểu thị các mục đích giao tiếp khác như cầu khiến, biểu cảm, khẳng định, phủ định. Ví dụ, các câu hỏi sau là những câu biểu cảm: "Đưa người, ta không đưa qua sông / Sao có tiếng sóng ở trong lòng / Bóng chiều không thắm, không vàng vọt / Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?" (Thâm Tâm).

– Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh của sự vật, ví dụ: *lom khom*, *lênh khênh*, *rũ rượi*, *xộc xệch*, *vất vẻo*,... Từ tượng thanh là từ gợi tả (mô phỏng) âm thanh của tự nhiên hoặc âm thanh do con người tạo ra, ví dụ: *ào ào*, *ha hả*, *róc rách*, *ù ù*,... Từ tượng hình và từ tượng thanh gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao; do đó, thường được sử dụng trong thơ văn và khẩu ngữ.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1

Mời trầu

HỒ XUÂN HƯƠNG

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.(**)

– Khi đọc hiểu văn bản thơ Đường luật, các em cần chú ý:(***)

+ Nhận biết bài thơ được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm hay chữ Quốc ngữ; viết theo thể thơ nào. Nếu là thơ dịch từ chữ Hán thì cần đọc kĩ phần *Dịch nghĩa* để hiểu rõ nghĩa của các câu thơ.

+ Tìm hiểu chủ đề, bố cục và mối quan hệ giữa các câu thơ trong bài.

Hồ Xuân Hương (cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XX), quê ở Nghệ An(*)

(*) Tranh của hoạ sĩ Lê Lam.

(**), (***) Khi đọc hiểu các văn bản khác trong Bài 7, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

+ Tìm hiểu không gian, thời gian và biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng.

– Đọc trước văn bản *Mời trầu* và tìm hiểu, ghi chép lại những thông tin về nhà thơ Hồ Xuân Hương. *Mời trầu* là một trong hơn 50 bài thơ Nôm được truyền lại của Hồ Xuân Hương. Thơ của bà thường gắn với các lễ hội, các phong tục tập quán, thể hiện khát vọng về hạnh phúc, tình yêu, đề cao vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ. Nhà thơ đã đưa vào thơ Nôm Đường luật những hình ảnh sống động, tận dụng các phép đối, sử dụng từ ngữ, hình ảnh độc đáo, táo bạo, làm thay đổi kết cấu nghệ thuật của thể thơ Đường luật và phá vỡ nhiều quy phạm trong thơ ca trung đại.

Hồ Xuân Hương được tôn xưng là "Bà chúa thơ Nôm". Thơ của bà đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới. Năm 2022, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) vinh danh và tổ chức kỉ niệm 250 năm ngày sinh, 200 năm ngày mất của Nữ sĩ – Danh nhân văn hoá Hồ Xuân Hương.

2 Đọc hiểu

Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi[1],
Này của Xuân Hương mới quệt[2] rồi.
Có phải duyên nhau thì thắm lại,
Đừng xanh như lá, bạc[3] như vôi.

(*Thơ Hồ Xuân Hương*, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

Chú ý việc vận dụng ca dao, tục ngữ, thành ngữ.

1. Hãy cho biết thể loại, bố cục và chủ đề của bài thơ *Mời trầu*.

2. Bài thơ gắn với phong tục gì của người Việt? Nội dung phong tục ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm này?

3. Về nghệ thuật sử dụng ngôn từ của Hồ Xuân Hương:

a) Ở bài *Mời trầu* có những từ ngữ liên quan đến ca dao, tục ngữ, thành ngữ. Hãy phân tích tác dụng của các yếu tố đó trong việc thể hiện nội dung bài thơ.

b) Chỉ ra những từ ngữ được sử dụng mang dấu ấn cá nhân của Hồ Xuân Hương. Những từ ngữ đó đã thể hiện thái độ và tình cảm gì của tác giả?

4. Bài *Mời trầu* thể hiện tâm trạng của tác giả với nhiều cung bậc cảm xúc. Theo em, đó là những cảm xúc gì? Hãy làm sáng tỏ điều đó.

5. Hồ Xuân Hương viết về việc mời trầu nhưng là để nói chuyện tình cảm. Nêu lên điều tác giả muốn nói qua bài thơ này bằng một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng).

(1) *Trầu hôi*: loại trầu không ngon như trầu quế, trầu thơm. Đây là cách nói khiêm nhường của Hồ Xuân Hương.
(2) *Quệt*: động tác phết vôi vào lá trầu khi têm trầu.
(3) *Bạc*: ở đây có hai nghĩa: a) màu trắng (màu của vôi); b) sự bạc bẽo (nói về lòng dạ con người).

6. So sánh, chỉ ra sự giống nhau và khác nhau về thể thơ, đề tài, thái độ của tác giả được thể hiện trong bài thơ *Mời trầu* của Hồ Xuân Hương với bài ca dao sau:

Miếng trầu ăn kết làm đôi
Lá trầu là vợ, cau tươi là chồng
Trầu xanh, cau trắng cay nồng
Vôi pha với nghĩa, thuốc nồng với duyên.

2

Cảnh khuya

HỒ CHÍ MINH

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Cảnh khuya*; tìm hiểu và ghi chép lại những thông tin về Chủ tịch Hồ Chí Minh giúp cho việc đọc hiểu bài thơ này.

– *Cảnh khuya* là bài thơ được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết (bằng chữ quốc ngữ) ở chiến khu Việt Bắc trong những năm đầu gian khổ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954). Cuối năm 1947, quân Pháp ồ ạt tấn công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt lực lượng chủ lực và cơ quan đầu não lãnh đạo kháng chiến nhưng chúng đã hoàn toàn thất bại.

Hồ Chí Minh (1890 - 1969), quê ở Nghệ An

Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ thiên tài mà còn là nhà thơ, nhà văn hoá lớn của dân tộc. Năm 1990, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) đã vinh danh và tổ chức kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam.

2 Đọc hiểu

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

1947

(*Thơ Hồ Chủ tịch*, NXB Văn học, Hà Nội, 1967)

Chú ý việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh và biện pháp tu từ.

1. Xác định thể loại và các câu mang vần của bài *Cảnh khuya*. Nêu chủ đề của tác phẩm.

2. Qua hai câu đầu bài thơ, cảnh khuya hiện lên như thế nào? Cảnh khuya ấy thể hiện được điều gì trong tâm hồn nhà thơ?

3. Phân tích hai dòng thơ cuối bài. Qua đó, em hiểu thêm được gì về con người tác giả?

4. Nêu nhận xét của em về việc sử dụng từ ngữ trong bài *Cảnh khuya*. Cho biết những từ ngữ ấy có điểm nào khác so với từ ngữ trong các bài thơ Đường luật đã học hoặc đã đọc.

5. Qua nội dung bài thơ, hãy trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ Hồ Chí Minh.

6. Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) nêu cảm nghĩ của em về lí do Bác Hồ không ngủ được thể hiện trong bài thơ *Cảnh khuya*.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm biện pháp tu từ so sánh trong bài thơ *Cảnh khuya* (Hồ Chí Minh). Nêu tác dụng miêu tả và biểu cảm của biện pháp tu từ đó.

2. Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ trong những câu dưới đây. Nêu tác dụng của mỗi biện pháp tu từ đó.

a) *Lom khom dưới núi, tiều vài chú,*
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.

(Bà Huyện Thanh Quan)

b) *Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,*
Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.

(Trần Tế Xương)

c) *Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;*
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

(Huy Cận)

d) *Đã tan tác những bóng thù hắc ám*
Đã sáng lại trời thu tháng Tám

(Tố Hữu)

3. Chỉ ra biện pháp tu từ đảo ngữ trong những câu in đậm dưới đây. Nêu tác dụng của mỗi biện pháp tu từ đó đối với việc liên kết câu.

a) *Chúng nó đã giở ra với chị biết bao là trò mua vui. Nào nhảy nô, nào hú tim, nào đánh rồng rắn.* ***Những cuộc vui ấy chị còn nhớ rành rành.*** (Ngô Tất Tố)

b) *Phải cho hắn ăn tí gì mới được. Đang ốm thế thì chỉ ăn cháo hành.* [...] ***Hành thì nhà thị may lại còn.*** (Nam Cao)

4. Xác định câu hỏi tu từ trong những câu dưới đây. Nêu tác dụng của mỗi câu hỏi tu từ đó.

a) *Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?*

(Thế Lữ)

b) *Vì sao hỡi miền Nam yêu dấu*
Người không hề tiếc máu hi sinh?
Vì sao hỡi miền Nam chiến đấu
Người hiên ngang không chịu cúi mình?

(Tố Hữu)

c) *Con gái tôi vẽ đây ư?* (Tạ Duy Anh)

5. Ghép các từ tượng hình, từ tượng thanh (in đậm) ở cột A với nghĩa phù hợp ở cột B:

A. Từ tượng hình, từ tượng thanh	B. Nghĩa
a) ***Ậm oẹ*** *quan trường miệng thét loa* (Trần Tế Xương)	1) (vóc dáng) bé nhỏ quá mức
b) ***Lom khom*** *dưới núi, tiều vài chú* (Bà Huyện Thanh Quan)	2) dài hoặc cao quá, mất cân đối
c) ***Lác đác*** *bên sông, chợ mấy nhà* (Bà Huyện Thanh Quan)	3) ở tư thế còng lưng xuống
d) *Đôi mắt lão* ***ầng ậng*** *nước ...* (Nam Cao)	4) thưa và rải rác mỗi chỗ, mỗi lần một ít
e) *Hoài Văn* ***lầm rầm*** *khấn ...* (Nguyễn Huy Tưởng)	5) (tiếng nói) nhỏ, thấp, đều đều, nghe không rõ
g) *Dế Choắt người ... dài* ***lêu nghêu*** *...* (Tô Hoài)	6) (nước mắt) nhiều, dâng đầy khoé, như chực tuôn chảy ra
h) *Chú bé* ***loắt choắt*** (Tố Hữu)	7) (tiếng nói) bị cản trong cổ họng, nghe không rõ

a) – 7)

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

1

Xa ngắm thác núi Lư

(Vọng[1] Lư sơn bộc bố[2])

LÝ BẠCH

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Xa ngắm thác núi Lư*, tìm hiểu và ghi chép lại những thông tin về nhà thơ Lý Bạch giúp cho việc đọc hiểu bài thơ này.

– Lý Bạch là nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc, được mệnh danh là "thi tiên" (tiên thơ), do thơ ông luôn thể hiện một tâm hồn tự do, phóng khoáng. Lý Bạch viết cả ngàn bài thơ về đề tài chiến tranh, thiên nhiên, tình yêu và tình bạn. Hình ảnh trong thơ ông thường kì vĩ, lãng mạn, ngôn ngữ tự nhiên mà điêu luyện.

Lý Bạch (701 - 762), Trung Quốc(*)

– *Xa ngắm thác núi Lư* là bài thơ tiêu biểu viết về đề tài thiên nhiên của Lý Bạch.

2 Đọc hiểu

Phiên âm:

Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên,
Dao khan bộc bố quải tiền xuyên.
Phi lưu trực há tam thiên xích,
Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

Dịch nghĩa:

Mặt Trời chiếu núi Hương Lô[3], sinh làn khói tía,
Xa nhìn dòng thác treo[4] trên dòng sông phía trước.

(*) Tranh của hoạ sĩ Trung Quốc Phó Bão Thạch.

(1) *Vọng*: trông từ xa.

(2) *Bộc bố*: thác nước trên núi chảy xuống, nhìn xa như một tấm lụa treo dọc, buông rủ xuống (*bộc*: nước trên núi chảy xuống; *bố*: vải).

(3) *Hương Lô*: tên một ngọn núi cao ở phía tây bắc của dãy Lư sơn. Đứng xa trông giống hình chiếc lò hương, mây khói bao phủ ngọn núi trông như khói hương.

(4) *Treo*: nguyên văn chữ Hán là *quải*. Câu thứ hai của bài thơ còn có một cách hiểu khác: Có người cho "dòng sông phía trước" không phải để tả vị trí nơi thác nước đổ xuống mà là hình ảnh dùng để so sánh với dòng thác nhìn từ xa. Hiểu theo cách này thì câu thứ hai có nghĩa là: "Đứng xa trông dòng thác giống như một dòng sông treo trước mặt.". Dù hiểu theo nghĩa như trong phần *Dịch nghĩa* bài thơ hay cách hiểu nêu ở trên thì bản *Dịch thơ* cũng chưa chuyển tải được chữ *quải* (treo) trong nguyên bản.

Thác chảy như bay đổ thẳng xuống từ ba nghìn thước,
Ngỡ là sông Ngân(1) rơi tự chín tầng mây.

Dịch thơ:

Nắng rọi Hương Lô khói tía bay,
Xa trông dòng thác trước sông này.
Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước,
Tưởng dải Ngân Hà tuột khỏi mây.

Chú ý các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong mỗi câu thơ.

(TƯƠNG NHƯ dịch, in trong sách *Ngữ văn 7*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

1. Có thể chia bài *Xa ngắm thác núi Lư* thành hai phần: câu đầu và ba câu còn lại. Hãy cho biết nhiệm vụ mỗi phần của bài thơ.

2. Xác định vị trí đứng ngắm thác nước của Lý Bạch và cho biết lợi thế của việc chọn điểm nhìn đó để quan sát và miêu tả cảnh vật.

3. Vẻ đẹp của thác nước đã được Lý Bạch miêu tả như thế nào trong cả bài thơ? Hãy phân tích để thấy được vẻ đẹp đó.

4. Em thích nhất hình ảnh nào trong bài thơ? Vì sao? Hãy chỉ ra biện pháp nghệ thuật mà nhà thơ sử dụng để khắc hoạ hình ảnh đó.

5. Theo em, qua bài thơ, Lý Bạch đã thể hiện ông là một người như thế nào?

2 Vịnh khoa thi Hương

TRẦN TẾ XƯƠNG

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Vịnh khoa thi Hương*; tìm hiểu, ghi chép lại những thông tin về nhà thơ Trần Tế Xương và bối cảnh lịch sử cuối thế kỉ XIX giúp cho việc đọc hiểu bài thơ này.

(1) *Sông Ngân* (*Ngân Hà*): dải sáng màu trắng trông như một dòng sông vắt ngang bầu trời do các ngôi sao li ti hợp thành, thường nhìn rõ trong những đêm trời quang.

– *Vịnh khoa thi Hương* là bài thơ viết bằng chữ Nôm, được Trần Tế Xương sáng tác trong thời gian ông tham dự kì thi Hương tại trường thi Hà – Nam(1). Vợ chồng viên toàn quyền Pôn Đu-me (Paul Doumer) và vợ chồng viên công sứ Nam Định Lơ Noóc-măng (Le Normand) có tới dự lễ xướng danh (ngày 27-12-1897).

Trần Tế Xương (1870 - 1907), quê ở Nam Định(*)

2 Đọc hiểu

Nhà nước ba năm mở một khoa,
Trường Nam thi lẫn với trường Hà.
Lôi thôi sĩ tử(2) vai đeo lọ(3),
Ậm oẹ quan trường(4) miệng thét loa.
Lọng cắm rợp trời quan sứ(5) đến,
Váy lê quét đất mụ đầm(6) ra.
Nhân tài đất Bắc nào ai đó,
Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.

(*Thơ văn Trần Tế Xương*, NXB Giáo dục, 1984)

Chú ý các chi tiết miêu tả cảnh trường thi với các hình ảnh đối lập và việc sử dụng từ ngữ độc đáo trong bài thơ.

1. Hãy nêu chủ đề và bố cục bài thơ *Vịnh khoa thi Hương* của Trần Tế Xương.

2. Xác định các đối tượng trào phúng mà bài thơ hướng tới. Thái độ của tác giả đối với các đối tượng cụ thể đó được thể hiện như thế nào?

3. Hai câu đầu bài thơ cho thấy kì thi có gì đặc biệt?

4. Phân tích ý nghĩa trào phúng của nghệ thuật sử dụng phép đối, nghệ thuật sử dụng ngôn từ ở hai câu *thực* và hai câu *luận* của bài thơ.

(*) Tranh của hoạ sĩ Trần Quang Trân.
(1) Từ khoa Bính Tuất (1886), do thực dân Pháp đánh chiếm Hà Nội, trường thi Hà Nội bị bãi bỏ. Thực dân Pháp lo sợ sự bất bình của dân chúng nên tổ chức thi chung trường Hà Nội với trường Nam Định tại Nam Định, gọi chung là trường Hà – Nam.
(2) *Sĩ tử*: người đi thi.
(3) *Lọ*: dụng cụ đựng nước uống mà người đi thi mang theo.
(4) *Quan trường*: quan giám thị trường thi.
(5) *Quan sứ*: quan công sứ người Pháp, đứng đầu bộ máy cai trị của chính quyền thực dân ở một tỉnh.
(6) *Đầm*: âm Việt hoá của từ *madame* trong tiếng Pháp, có nghĩa là "bà, đàn bà".

5. Xác định sắc thái giọng điệu của tác giả trong hai câu *kết*. Qua câu *kết* cũng như cả bài thơ có thể thấy được thái độ và nỗi lòng của Trần Tế Xương trước tình cảnh đất nước như thế nào?

6. Theo em, sự kết hợp giữa cảm xúc trào phúng và trữ tình đã giúp nhà thơ thể hiện được điều gì?

VIẾT

Phân tích một tác phẩm thơ

1 Định hướng

1.1. Phân tích một tác phẩm thơ cũng như phân tích một tác phẩm truyện (Bài 6). Yêu cầu chung đều là phân tích một tác phẩm văn học, cụ thể phải nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

Phân tích là chỉ ra và làm rõ những vấn đề nổi bật (thành tựu và có thể cả hạn chế) trong nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Cũng có thể đi sâu tìm hiểu từng vấn đề, khía cạnh của bài thơ hoặc tập thơ, nêu những phát hiện riêng của bản thân về tác phẩm. Trong bài này, các em tập trung vào việc nêu chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và nội dung tác phẩm thơ.

1.2. Để viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ, các em cần chú ý:

– Đọc kĩ tác phẩm, chú ý xác định nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật. Chỉ ra giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm, nhất là các sáng tạo mang tính cá nhân của người viết.

– Xác định các luận điểm trong bài viết, lựa chọn các bằng chứng từ tác phẩm thơ cho mỗi luận điểm. Khi viết, cần đứng ở góc độ của ngôi thứ nhất để thể hiện quan điểm của người viết.

– Liên hệ, so sánh với các tác phẩm thơ có cùng đề tài, chủ đề, thể loại để nhận xét điểm gặp gỡ và sáng tạo riêng của mỗi tác giả.

– Suy nghĩ, nhận xét về những thành công và hạn chế (nếu có) của bài thơ hoặc tập thơ, về giá trị, sự tác động của tác phẩm đối với người đọc cũng như bản thân em.

– Xây dựng dàn ý (đề cương) của bài viết gồm ba phần: mở bài, thân bài và kết bài.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Đề bài: *Phân tích bài thơ "Vịnh khoa thi Hương" của Trần Tế Xương.*

a) Chuẩn bị

– Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu cần thực hiện.

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* trong Bài 7, đọc lại bài thơ *Vịnh khoa thi Hương*, chú ý đến các yếu tố như: thể loại, bố cục, niêm, luật của bài thơ, cách gieo vần, các phép đối,...

– Lựa chọn một vài hình thức nghệ thuật nổi bật nhất của tác phẩm. Ví dụ, chọn vấn đề: nghệ thuật trào phúng của bài *Vịnh khoa thi Hương* (Trần Tế Xương) qua việc lựa chọn hình ảnh, ngôn ngữ và sử dụng các phép đối.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết theo cách đặt và trả lời các câu hỏi:

+ Chủ đề bài thơ là gì?

+ Nghệ thuật trào phúng của bài thơ có gì đặc sắc? Các biểu hiện của nghệ thuật trào phúng là những gì? Ví dụ:

• Trần Tế Xương đã chọn những hình ảnh nào của khoa thi Hương năm Đinh Dậu? Hình ảnh đó có gì đặc biệt?

• Việc lựa chọn ngôn từ để khắc hoạ các hình ảnh trên có gì độc đáo? Có thể thay bằng các từ ngữ khác được không?

• Tác giả đã vận dụng các phép đối như thế nào để nghệ thuật trào phúng được phát huy triệt để?

• Các hình thức nghệ thuật trên đã làm rõ chủ đề của bài thơ như thế nào?

– Lập dàn ý cho bài viết bằng cách tổ chức hệ thống các ý đã tìm được theo cấu trúc ba phần:

Mở bài	Giới thiệu khái quát về bài *Vịnh khoa thi Hương*, tác giả và nghệ thuật trào phúng của bài thơ.
Thân bài	+ Trình bày chủ đề bài thơ. + Phân tích nghệ thuật lựa chọn và xây dựng hình ảnh. Lí giải vì sao nhà thơ lại lựa chọn các hình ảnh ấy và phân tích để thấy được mục đích trào phúng. + Phân tích nghệ thuật lựa chọn ngôn từ: thống kê các từ ngữ mà tác giả lựa chọn, phân tích để thấy được sự lựa chọn đó rất hiệu quả trong việc khắc hoạ hình ảnh các nhân vật trào phúng. + Chỉ ra và phân tích tác dụng của các phép đối đã được tác giả sử dụng để tạo nên những hình ảnh, ngôn từ trào phúng đặc sắc và gây ấn tượng mạnh mẽ. + Nêu lên những suy nghĩ và cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

Kết bài	Khái quát, tổng hợp lại vấn đề đã được trình bày: Nội dung và một số hình thức nghệ thuật của bài thơ *Vịnh khoa thi Hương* đã cho thấy tài năng trào phúng bậc thầy của Trần Tế Xương.

c) Viết

Dựa vào dàn ý để viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ. Trong khi viết, chú ý vận dụng cách phân tích các yếu tố hình thức của thơ.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Viết*, mục d (trang 28); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của hình thức thơ

a) Cách thức

Mỗi thể loại văn học đều có những hình thức tiêu biểu, nổi bật. Để thể hiện nội dung và cảm xúc, thơ nói chung thường sử dụng một số yếu tố hình thức như: vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ,...

Mỗi yếu tố hình thức của văn bản thơ đều có tác dụng trong việc biểu đạt nội dung (cảm xúc, tình cảm, tư tưởng,...). Khi đọc và phân tích thơ cần thấy mối quan hệ giữa hình thức và nội dung, chỉ ra tác dụng của các yếu tố hình thức ấy. Cần tránh việc chỉ nêu nội dung hoặc nêu hình thức, không phân tích tác dụng của các yếu tố hình thức.

b) Bài tập

Trong các đoạn văn dưới đây, người viết đã tập trung phân tích tác dụng của yếu tố hình thức nào của văn bản thơ?

– Đoạn 1: "Trong không khí lắng sâu ấy của đất trời, một hình ảnh hiện lên:

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa

Ánh trăng bao phủ trùm lên cổ thụ. Ánh trăng lồng vào tán lá. Cành lá cắt ánh trăng thành những mảng trắng đen lẫn lộn, những bóng trăng và bóng cây. Hai lớp bóng ấy lại trùm lên, lồng vào khóm hoa và bóng hoa, bóng trăng, bóng cây lại in lên mặt đất. Chỉ có tối và sáng, trắng và đen loang loáng ánh bạc. Sắc màu bề ngoài mát lạnh. Mọi vật im phăng phắc. Ấy thế mà bên trong, thiên nhiên lại vận động ấm áp vô chừng."

(Lê Trí Viễn)

– Đoạn 2: "Các từ láy *xao xác*, *não nùng*, *chập chờn* gợi một nỗi buồn nhẹ mà thấm, một tâm trạng quạnh hiu, xa vắng. "Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng" – nhịp điệu thơ trôi nhẹ như ru hồn về một thời xa xăm. Chữ *ngày không* thật đầy sức gợi."

(Lê Quang Hưng)

– Đoạn 3: "Trong hai câu thực, nhà thơ dùng thủ pháp cực tả, nói quá và biếm hoạ hình ảnh sĩ tử cũng như các quan coi thi:

Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,

Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.

Với hình thức đảo ngữ, đặt tính từ "Lôi thôi" lên đầu câu, nhân vật sĩ tử "vai đeo lọ" bỗng trở thành kẻ nhếch nhác, luộm thuộm, được chăng hay chớ. Tiếp theo, việc đảo tính từ đồng thời là từ láy "Ậm oẹ" lên trước cũng biếm hoạ ông quan coi thi "miệng thét loa" thành người ngu ngơ, ấm ớ, dớ dẩn."

(Nguyễn Hữu Sơn)

NÓI VÀ NGHE

Nghe và tóm tắt nội dung người khác thuyết trình về một tập thơ, bài thơ

1 Định hướng

1.1. Bài 7 tiếp tục rèn luyện kĩ năng nghe và tóm tắt nội dung người khác thuyết trình mà các em đã học ở Bài 3 và Bài 5. Yêu cầu cụ thể ở bài này là nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác về một tập thơ, bài thơ.

1.2. Để nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một tập thơ, bài thơ, các em cần xem lại các yêu cầu nêu ở Bài 3, Bài 5 và chú ý thêm:

– Xác định rõ vấn đề người nói sẽ trình bày, thời gian và đối tượng người nghe.

– Tìm đọc trước bài thơ, tập thơ sẽ được nói đến, tìm hiểu các bài viết, các bàn luận và dư luận xã hội xung quanh tác phẩm và tác giả của bài thơ, tập thơ đó.

– Chuẩn bị các phương tiện để tiến hành việc tóm tắt nội dung buổi thuyết trình như giấy, bút, sổ tay, máy tính cá nhân (nếu có).

– Biết tóm tắt bài thuyết trình theo một trình tự ba phần: mở đầu, phát triển và kết thúc; ghi chép những chỗ cần lưu ý thêm, những ý kiến khác biệt, những vấn đề còn chưa hiểu để đề nghị người nói giải thích, trình bày thêm hoặc tham gia ý kiến khi thảo luận.

2 Thực hành

Bài tập: *Chọn một trong hai đề bài sau:*

(1) *Nghe và tóm tắt nội dung bài thuyết trình về bối cảnh lịch sử, giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ "Vịnh khoa thi Hương" (Trần Tế Xương).*

(2) *Nghe và tóm tắt nội dung của bài thuyết trình về một tập thơ tự chọn.*

a) Chuẩn bị (với đề bài 1)

– Đọc lại bài thơ, tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp của Trần Tế Xương, bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá của Việt Nam khi nhà thơ viết tác phẩm này. Đọc thêm các bài viết xung quanh tác giả và bài thơ cũng như bộ phận thơ trào phúng của Trần Tế Xương.

– Chú ý các hướng dẫn trong mục 1. *Định hướng* để nắm được cách tóm tắt ý chính khi nghe. Chuẩn bị các nội dung câu hỏi chất vấn và các ý kiến thảo luận.

b) Tìm ý và lập dàn ý

Xem lại dàn ý ở phần *Viết* để thêm hoặc bớt nội dung cho dàn ý của bài thuyết trình.

c) Nói và nghe

– Thực hành nghe và ghi lại các ý chính của bài thuyết trình.

– Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 31). Ở bài này chú ý rèn luyện kĩ năng nghe nhiều hơn.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 32); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

QUA ĐÈO NGANG[1]

Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi, tiều[2] vài chú,
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc[3],
Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia[4].
Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.

(BÀ HUYỆN THANH QUAN, in trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập III, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1963)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Phương án nào nêu đúng về thể loại và chữ viết của bài thơ trên?

A. Thất ngôn bát cú Đường luật, viết bằng chữ Hán

B. Thất ngôn bát cú Đường luật, viết bằng chữ Nôm

(1) *Đèo Ngang*: con đèo phân chia địa giới tự nhiên hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình, thuộc dãy Hoành Sơn, một nhánh của dãy núi Trường Sơn, chạy thẳng ra biển.

(2) *Tiều*: tiều phu, người làm nghề đốn củi.

(3) *Con quốc quốc* (*cuốc cuốc*): chim cuốc, còn gọi là đỗ quyên, đỗ vũ, sống ở bụi, bờ ruộng nước. Theo truyền thuyết, vua nước Thục (Trung Quốc) để mất nước, khi chết hồn biến thành chim cuốc, kêu "cuốc cuốc" đến nhỏ máu ra mà chết. Tiếng kêu chim cuốc là biểu tượng cho lòng nhớ nước không nguôi (*quốc*: nước).

(4) *Cái gia gia* (*da da*): chim đa đa, còn gọi là gà gô, thường sống trong rừng, có tiếng kêu nghe như tiếng "gia gia", biểu tượng cho nỗi nhớ nhà (*gia*: nhà).

C. Thất ngôn xen lục ngôn, viết bằng chữ Nôm

D. Thất ngôn bát cú Đường luật, viết bằng chữ Quốc ngữ

2. Cảnh Đèo Ngang được tái hiện trong bài thơ như thế nào?

A. Cảnh vật tươi đẹp, đủ loại hoa lá sắc màu.

B. Cảnh vật tràn đầy sức sống, cây cối chen chúc.

C. Cảnh vật vắng vẻ, hoang sơ, đượm buồn.

D. Cảnh vật trống vắng, lạnh lẽo, gợi nỗi buồn thê lương.

3. Bài thơ được ngắt chủ yếu theo nhịp nào?

A. 3/4 B. 4/3 C. 2/3/2 D. 4/1/1/1

4. Từ nào sau đây là từ tượng hình?

A. Lom khom B. Quốc quốc C. Gia gia D. Non nước

5. Biện pháp tu từ đảo ngữ ở dòng thơ "Lác đác bên sông, chợ mấy nhà" có tác dụng gì?

A. Tô đậm cảnh thưa thớt, quạnh vắng của cảnh vật

B. Thể hiện cảnh hoang tàn, tiều tuỵ của cảnh vật

C. Khắc hoạ tâm trạng buồn bã, cô đơn của tác giả

D. Miêu tả cảnh đẹp hoang sơ, thơ mộng của cảnh vật

6. Bài thơ viết về chủ đề gì? Chủ đề ấy có liên quan đến nhan đề *Qua Đèo Ngang* như thế nào?

7. Các từ láy, từ tượng hình, từ tượng thanh và phép đối có vai trò gì trong việc thể hiện cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống trong bài thơ?

8. Hãy hình dung tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan khi đi qua Đèo Ngang. Vì sao nhà thơ lại có tâm trạng đó?

9. Em có nhận xét gì về không gian được khắc hoạ trong bài *Qua Đèo Ngang*? Không gian ấy có liên quan như thế nào đến tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo những thông tin về các tác giả, tác phẩm đã học trong bài.

– Thu thập các nguồn tư liệu gồm: bài viết, hình ảnh, video,... liên quan đến bài học.

– Đánh giá tư liệu (Các thông tin này đã đầy đủ và phù hợp chưa? Không sử dụng tư liệu nếu: thông tin không liên quan đến bài học; thông tin đó không chính xác;...).

2. Tìm đọc thêm một số bài thơ của Lý Bạch, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Trần Tế Xương, Hồ Chí Minh,... có cùng đề tài với các bài thơ đã học.

Bài 8

TRUYỆN LỊCH SỬ VÀ TIỂU THUYẾT

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

• Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) trong truyện lịch sử và tiểu thuyết.

• Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

• Nhận biết và đặt được câu khẳng định, câu phủ định.

• Viết được bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề của đời sống.

• Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình giới thiệu về một nhân vật lịch sử hoặc một tiểu thuyết đã học (hoặc đã đọc, nghe) bằng hình thức nói và viết.

• Yêu quê hương, đất nước, tự hào về truyền thống dân tộc, cảm phục và noi theo tấm gương của các anh hùng dân tộc; nhận thức đúng năng lực và phẩm chất của bản thân.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Truyện lịch sử và tiểu thuyết[1]

– Truyện lịch sử là loại truyện có nội dung liên quan đến các nhân vật và sự kiện lịch sử. Tuy nhiên, truyện lịch sử không chỉ đơn thuần liệt kê các sự kiện, kể về những con người có thật mà còn được nhà văn hư cấu, tưởng tượng, bổ sung, sáng tạo thành những hình tượng văn học sinh động.

– Cốt truyện của truyện lịch sử là một hệ thống sự kiện liên quan đến lịch sử dân tộc được sắp xếp theo một ý đồ nhất định của tác giả nhằm thể hiện nội dung, ý nghĩa tác phẩm. Ví dụ, cốt truyện trong *Hồi thứ mười bốn* (trích *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái) gồm ba sự kiện chính: a) Tướng giặc Tôn Sĩ Nghị chủ quan, hống hách, bắt nạt triều đình vua Lê; b) Quang Trung thần tốc ra Bắc đánh tan quân Thanh; c) Vua Lê cùng một số triều thần chạy trốn lên biên giới phía bắc.

(1) Về thể loại tiểu thuyết, các em đã được học ở sách giáo khoa *Ngữ văn 7*, tập một.

– Bối cảnh của truyện lịch sử là hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung được thể hiện qua các sự kiện, nhân vật lịch sử, phong tục, tập quán. Ví dụ, *Hồi thứ mười bốn* (trích *Hoàng Lê nhất thống chí*) được lấy bối cảnh chung của thời vua Lê – chúa Trịnh, thời kì phong kiến suy tàn.

– Nhân vật chính của truyện lịch sử thường là người thật, việc thật, những anh hùng dân tộc; ngoài ra, tác giả còn có thể hư cấu thêm nhiều nhân vật khác. Ví dụ, trong *Hồi thứ mười bốn* (trích *Hoàng Lê nhất thống chí*), nhân vật chính có thật trong lịch sử là Nguyễn Huệ – Quang Trung, vua Lê Chiêu Thống, chúa Trịnh, Ngô Thì Nhậm, tướng nhà Thanh như Tôn Sĩ Nghị, Sầm Nghi Đống,... Hay trong truyện *Bên bờ Thiên Mạc* (Hà Ân), ngoài những nhân vật chính có thật trong lịch sử là Trần Quốc Tuấn, Trần Bình Trọng, còn có các nhân vật hư cấu như cha con ông già Màn Trò – Hoàng Đỗ,...

– Ngôn ngữ của truyện lịch sử phải phù hợp với bối cảnh của giai đoạn lịch sử mà truyện tái hiện. Thông qua các yếu tố từ ngữ, cách nói, lời nhân vật, cách miêu tả, trần thuật,... tác giả tái hiện lại không khí, sự kiện và con người lịch sử một cách sinh động. Ví dụ, trong truyện *Bên bờ Thiên Mạc* có các từ ngữ chỉ tước hiệu hay danh xưng thời phong kiến như: Quốc công, Bảo Nghĩa Hầu, Thượng tướng quân, tướng Thánh Dực, hào khí Đông A, tiểu tướng,...

2. Cốt truyện đơn tuyến và đa tuyến

– Cốt truyện đơn tuyến: Cốt truyện tập trung thể hiện quá trình phát triển tính cách của nhân vật chính, có khi chỉ là một giai đoạn trong cuộc đời nhân vật chính. Cốt truyện đơn tuyến thường có dung lượng nhỏ hoặc vừa; thường là cốt truyện của các truyện ngắn, truyện vừa hoặc phần lớn các kịch bản văn học, thậm chí cả tiểu thuyết. Ví dụ: cốt truyện của các tác phẩm như *Tôi đi học* (Thanh Tịnh), *Gió lạnh đầu mùa* (Thạch Lam), *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố), *Bệnh sĩ* (Lưu Quang Vũ), *Cái kính* (A-dít Nê-xin (Aziz Nesin)),... đều thuộc loại cốt truyện đơn tuyến.

– Cốt truyện đa tuyến: Cốt truyện trình bày một chuỗi sự kiện phức tạp, nhằm phản ánh nhiều bình diện của đời sống; tái hiện những diễn biến phức tạp của nhiều nhân vật, có dung lượng lớn. Chuỗi sự kiện trong cốt truyện đa tuyến được chia thành nhiều dòng, nhiều tuyến, gắn liền với số phận các nhân vật chính trong tác phẩm có nhiều chủ đề. Cốt truyện đa tuyến thường thấy ở các tiểu thuyết có dung lượng lớn như *Chiến tranh và hoà bình* (Lép Tôn-xtôi), *Những người khốn khổ* (Vích-to Huy-gô),... Ở Việt Nam, các tác phẩm như *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái), *Vỡ bờ* (Nguyễn Đình Thi), *Cửa biển* (Nguyên Hồng),... là tác phẩm có cốt truyện đa tuyến.

3. Câu khẳng định và câu phủ định

– Câu khẳng định là câu dùng để thông báo, xác nhận sự tồn tại của một sự vật, sự việc nhất định. Về hình thức, câu khẳng định thường không chứa các từ ngữ mang nghĩa phủ định. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, câu khẳng định được thể hiện dưới hình thức "phủ định của phủ định", tức là lặp hai lần từ ngữ mang nghĩa phủ định, ví dụ: "Tháng Tám, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng, không ai không từng ăn trong tết Trung thu ..." (Băng Sơn) hoặc đặt từ ngữ mang nghĩa phủ định sau một từ ngữ phiếm chỉ (*ai, gì, nào,...*).

– Câu phủ định là câu dùng để thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc hoặc bác bỏ một ý kiến, một nhận định nào đó. Về hình thức, câu phủ định thường có các từ ngữ mang nghĩa phủ định như: *không, chưa, chẳng, chả, không phải, chẳng phải, đâu (có), có... đâu, làm gì, làm sao,...* Ví dụ: "Bác chưa hát vì chưa có người nghe." (Thạch Lam); "Lạy chị, em nói gì đâu!" (Tô Hoài).

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1

Hoàng Lê nhất thống chí

(Hồi thứ mười bốn)

NGÔ GIA VĂN PHÁI(*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.(**)

– Khi đọc truyện lịch sử, các em cần chú ý:(***)

+ Truyện viết về sự kiện gì? Cốt truyện, bối cảnh, nhân vật chính trong truyện liên quan như thế nào với lịch sử của dân tộc?

+ Chủ đề, tư tưởng, thông điệp nội dung mà văn bản truyện muốn thể hiện.

+ Một số đặc điểm hình thức nổi bật của truyện (sự kiện, nhân vật, ngôn ngữ mang không khí và dấu ấn lịch sử,...).

+ Những tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản truyện.

(*) *Ngô gia văn phái*: một nhóm tác giả dòng họ Ngô Thì, làng Tả Thanh Oai, trấn Sơn Nam Thượng (nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội), trong đó, Ngô Thì Chí (1753 - 1788), Ngô Thì Du (1772 - 1840) là hai tác giả chính.

(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản truyện lịch sử khác trong Bài 8, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

– Đọc trước văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí – Hồi thứ mười bốn*; tìm hiểu thêm thông tin về nhóm tác giả Ngô gia văn phái.

– Đọc phần giới thiệu sau để hiểu bối cảnh của đoạn trích:

Hoàng Lê nhất thống chí (Ghi chép về công cuộc thống nhất của vương triều nhà Lê) là tiểu thuyết lịch sử viết bằng chữ Hán theo hình thức chương hồi[1]. Tác phẩm có hệ thống sự kiện phức tạp, nhằm tái hiện nhiều bình diện của đời sống xã hội Việt Nam từ khoảng cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX, kể từ khi Trịnh Sâm lên ngôi chúa (1767), Nguyễn Huệ – Quang Trung ra Bắc đánh tan quân Thanh xâm lược cho đến lúc Nguyễn Ánh lên ngôi vua (1802). Bộ tiểu thuyết đã khắc hoạ sinh động nhiều hình tượng nhân vật lịch sử. Mỗi nhân vật, nhất là nhân vật chính, thường gắn với một tuyến truyện và sự kiện cụ thể. Chẳng hạn, tuyến truyện liên quan đến vua Lê, chúa Trịnh tái hiện sự suy vong của nhà nước phong kiến Lê – Trịnh; tuyến truyện liên quan đến người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ – Quang Trung phản ánh, ca ngợi sự quật khởi của phong trào Tây Sơn;...

Tượng đài vua Quang Trung ở Huế
(Ảnh: tuoitre.vn)

Văn bản dưới đây trích từ *Hồi thứ mười bốn*, kể chuyện Hoàng đế Quang Trung ra Bắc đánh tan quân Thanh và chuyện Lê Chiêu Thống cùng Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy sang Trung Quốc.

2 Đọc hiểu

Đánh Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận
Bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài

① Lại nói, Tôn Sĩ Nghị[2] sau khi đem quân ra cửa ải, xuyên rừng vượt núi, như giẫm đất bằng; ngày đi đêm nghỉ, không phải lo lắng gì, kéo thẳng một mạch đến thành Thăng Long, không mất một mũi tên, như vào chỗ không người. Từ xưa, các nhà cầm quân chưa có khi nào được dễ dàng như thế. Cho nên y xem thường, cho là vô sự, không cần phải đề phòng. Rồi đó, y lại càng thêm kiêu căng, buông tuồng, mặc cho quân lính các đồn tự tiện bỏ cả đội ngũ, đi lại lang thang, không còn có kỉ luật gì cả. Có kẻ đi ra khỏi thành đến hơn mười dặm, để kiếm

Phần ① kể về tuyến nhân vật nào?

(1) Tiểu thuyết chương hồi: một thể loại tiểu thuyết có nguồn gốc từ văn học cổ Trung Quốc.
(2) *Tôn Sĩ Nghị*: tướng giặc nhà Thanh.

củi đun, có kẻ đi tới các chợ búa dân gian để buôn bán, hằng ngày sớm đi tối về xem như việc bình thường. Bọn tướng tá cũng ngày ngày chơi bời tiệc tùng, không hề để ý gì đến việc quân. Hễ ai nhắc đến tình hình giặc giã thì bọn họ đáp rằng: "Chúng nó như cá chậu chim lồng, còn chút hơi thừa thoi thóp, không đáng nói đến. Vâng lệnh của quan lớn đốc bộ, định đến ngày mùng 6 tháng Giêng, nhân dịp đầu xuân sẽ xuất quân kéo thẳng đến sào huyệt của quân Tây Sơn. Bọn giặc ấy nhất định sẽ lần lượt bị bắt sống, không một tên nào lọt lưới.".

Chú ý các chi tiết thể hiện thái độ của quân Thanh.

Thế là người trong nước, kể cả các viên quan đã từng trốn tránh hồi xưa mà bấy giờ đã được thấy lại bóng Mặt Trời, ai nấy mới đều yên tâm vui mừng về cuộc sum họp trước mắt. Rồi họ dựa vào tổng đốc họ Tôn làm bức trường thành, không còn nghĩ gì đến việc cung khuyết bị tàn hoang, không còn lo gì đến việc kẻ địch đang ở nơi cửa ngõ; võ lặng, văn im, thảy đều bệ trễ.

Vừa lúc ấy, có người cung nhân cũ từ phủ Trường Yên[1] tới, nói với thái hậu rằng:

– Xe vua trở về kinh thành, đã gần một tháng. [...] Hiện nay, việc nước hư thực thế nào, thế giặc mạnh yếu ra sao, những người đứng ngoài mà xem, không ai không biết. Trước đây, hoàng thượng gặp nạn phải chạy, các quan trèo đèo vượt suối, khó nhọc vất vả đã hơn một năm, bao nhiêu nhân tình chắc đã từng trải hết rồi, sao vẫn điềm nhiên không lo nghĩ gì cả? Tổng đốc họ Tôn từ thượng quốc tới đây, thế nước và tình hình của giặc chỉ biết đại khái. Đến như các miền, cũng có nơi xung yếu, nơi bình thường, chia đồn và mai phục, cần phải trù tính kĩ càng. Việc binh có lúc nên đánh, lúc nên giữ, phải tuỳ cơ ứng biến trong chốc lát. Tất cả những điều ấy, họ làm sao mà hiểu được rõ ràng, đích xác. [...] Tổng đốc họ Tôn đem thứ quân nhớ nhà kia mà chống chọi, thì địch sao cho nổi? Họ chẳng qua chỉ là người khách, chuyến này sang cũng cốt xem sự thế khó hay dễ để liệu bề tiến lui mà thôi. Nhưng còn nhà nước của ta thì sao? Thái hậu có thể chạy sang đất Trung Hoa một chuyến nữa chăng?

Thái hậu giật mình nói:

– Đó chính là tâm sự của gái già này, vẫn ngày đêm lo lắng mà chưa biết làm thế nào?

Rồi nhân tiện, thái hậu đem việc đó nói lại với vua. Bấy giờ nhà vua mới hoảng sợ, liền cùng bọn Quỳnh đến doanh quân của Nghị tha thiết xin xuất quân. Nghị gọi Quỳnh đến mà căn vặn rằng:

– Người nước mày nay quả thật không thể trông cậy được, thế thì lời cung khai của mày trước đây ra sao? Dám lừa dối ta chăng?

Rồi Nghị ngoảnh sang bảo vua:

– Tự vương trẻ tuổi, chưa từng trải công việc, trước đây tới đón chào ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ? Bấy giờ, nhân khi ta thắng, đè bẹp ngay lúc chúng đang khốn đốn, há chẳng dễ dàng hơn hay sao? Nay đã bỏ lỡ cơ hội ấy, để chúng có thì

(1) *Trường Yên*: địa danh nay thuộc Ninh Bình.

giờ thong thả mà bày mưu đặt chước, cách trị chúng cần phải tính toán cho chu đáo, không thể hấp tấp. Vả lại, đã định đến sang xuân, vào ngày mùng sáu thì sẽ xuất quân, như vậy cũng không còn xa gì nữa. Nếu muốn đi gấp thì cho phép vua tôi nhà ngươi đem một đạo quân đi trước cũng được.

Vua lui ra bảo với Quýnh rằng:

– Ngươi từng dốc lòng với ta, việc nước cũng đã được quá nửa rồi. Vậy nay hãy cố gắng làm cho tròn công trạng trước, đừng để người trong nước có thể bàn tán về ta, và thiên triều có chỗ quở trách được ta. [...]

② Nhắc lại, Ngô Văn Sở sau khi đem các đạo quân rút lui, tức tốc sai Nguyễn Văn Tuyết chạy trạm vào Nam cáo cấp. [...] Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thuỷ lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An, vua Quang Trung cho vời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi:

Chú ý sự thay đổi tuyến truyện ở phần ②.

– Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh ra chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ như thế nào?

Thiếp nói:

– Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới đây, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh nên giữ ra sao. Chúa công đi ra chuyến này, không quá mười ngày, giặc Thanh sẽ bị dẹp tan.

Vua Quang Trung mừng lắm, liền sai đại tướng là Hám Hổ Hầu kén lính ở Nghệ An, cứ ba suất đinh thì lấy một người, chưa mấy lúc, đã được hơn một vạn quân tinh nhuệ. Rồi nhà vua cho mở cuộc duyệt binh lớn ở doanh trấn, đem số thân quân ở Thuận Hoá, Quảng Nam chia làm bốn doanh tiền, hậu, tả, hữu, còn số lính mới tuyển ở Nghệ An thì làm trung quân.

Vua Quang Trung cưỡi voi, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ[1] họ rằng:

– Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc[2] chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ; các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài.

Tóm tắt ý chính lời dụ của Quang Trung.

---

(1) *Dụ*: vua chúa truyền xuống, ra lệnh cho bề tôi và dân chúng.

(2) *Phương Bắc*: chỉ Trung Quốc.

Từ đời nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc[1] xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng[2], hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!

Các quân lính đều nói: "Xin vâng lệnh, không dám hai lòng!".

Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân. Các quân đều nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi. Khi đến núi Tam Điệp, Sở và Lân ra đón, đều mang gươm trên lưng mà xin chịu tội. [...]

Vua Quang Trung nói:

– Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mươi ngày có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân, nỡ nào mà làm như vậy. Đến lúc ấy, chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi việc binh đao, không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được. Chờ mười năm nữa, cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng?

Ý nào trong lời của Quang Trung thể hiện tầm nhìn, biết "lo xa"?

Bọn Sở, Lân đều lạy tạ và nói:

– Chúa thượng thật là lo xa, chúng tôi ngu dại không thể nghĩ tới chỗ đó. Hiện nay phương lược tiến đánh ra sao, xin chúa thượng nhất nhất chỉ rõ để chúng tôi tuân theo mà làm.

Vua Quang Trung bèn sai mở tiệc khao quân, chia quân sĩ ra làm năm đạo, hôm đó là ngày 30 tháng Chạp. Rồi nhà vua bảo kín với các tướng rằng:

Chú ý thời gian và thời điểm xảy ra sự kiện.

– Ta với các ngươi hãy tạm sửa lễ cúng Tết trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mồng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Các ngươi nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác! [...]

---

(1) *Nội thuộc*: thời kì phong kiến Trung Quốc cai trị nước ta.

(2) *Lương tri, lương năng*: chỉ người tốt, biết phân biệt phải trái, tốt xấu.

Cả năm đạo quân đều lạy vâng mệnh lệnh, đúng ngày, gióng trống lên đường ra Bắc.

Khi quân ra đến sông Gián, nghĩa binh trấn thủ ở đó tan vỡ chạy trước. Lúc đến sông Thanh Quyết, toán quân Thanh đi do thám từ đằng xa trông thấy bóng cũng chạy nốt. Vua Quang Trung liền thúc quân đuổi theo, tới huyện Phú Xuyên thì bắt sống được hết, không để tên nào trốn thoát. Bởi vậy, không hề có ai chạy về báo tin, nên những đạo quân Thanh đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi(1) đều không biết gì cả.

Nửa đêm ngày mồng 3 tháng Giêng, năm Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung tới làng Hà Hồi, huyện Thượng Phúc, lặng lẽ vây kín làng ấy, rồi bắc loa truyền gọi, tiếng quân lính luân phiên nhau dạ ran để hưởng ứng, nghe như có hơn vài vạn người. Trong đồn lúc ấy mới biết, ai nấy rụng rời sợ hãi, liền xin ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết.

Cách đánh giặc của Quang Trung có gì đặc biệt?

Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức. Đoạn kén hạng lính khoẻ mạnh, cứ mười người khênh một bức, lưng giắt dao ngắn; hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ "nhất"; vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mồng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi. Quân Thanh nổ súng bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió bắc, quân Thanh bèn dùng ống phun khói lửa ra, khói toả mù trời, cách gang tấc không thấy gì, hòng làm cho quân Nam rối loạn. Không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình.

Vua Quang Trung liền gấp rút sai đội khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo của hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao ngắn chém bừa; những người cầm binh khí theo sau cũng nhất tề xông tới mà đánh.

Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái thú Điền Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.

Trước đó, vua Quang Trung đã sai một toán quân theo bờ đê Yên Duyên kéo lên, mở cờ gióng trống để làm nghi binh ở phía đông. Đến lúc ấy, quân Thanh chạy về trông thấy, càng thêm hoảng sợ, bèn tìm lối tắt mà trốn. Chợt lại thấy quân voi từ Đại Áng tới, quân Thanh đều hết hồn hết vía, vội trốn xuống đầm Mực, làng Quỳnh Đô(2), quân Tây Sơn lùa voi cho giày đạp, chết đến hàng vạn người.

Giữa trưa hôm ấy, vua Quang Trung tiến binh đến Thăng Long, rồi kéo vào thành. [...]

---

(1) *Hà Hồi và Ngọc Hồi*: các địa danh ở Thường Tín và Thanh Trì (nay thuộc thành phố Hà Nội).
(2) *Quỳnh Đô*: địa danh nay thuộc Thanh Trì, Hà Nội.

③ Lại nói, Tôn Sĩ Nghị và vua Lê ở thành Thăng Long, tuyệt nhiên không nghe tin cấp báo gì cả. Cho nên trong ngày Tết, mọi người chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng, không hề lo chi đến việc bất trắc. Nào hay cuộc vui chưa tàn, cơ trời đã đổi. Ngày mồng 4 bỗng thấy quân ở đồn Ngọc Hồi chạy về cáo cấp[1]. Thật là: "Tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên.". [...]

Phần ③ có thể coi là một tuyến truyện không? Vì sao?

Tôn Sĩ Nghị sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp, dẫn bọn lính kị mã của mình chuồn trước qua cầu phao, rồi nhằm hướng bắc mà chạy. Quân sĩ các doanh[2] nghe tin, đều hoảng hồn, tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết rất nhiều. Lát sau cầu lại bị đứt, quân lính đều rơi xuống nước, đến nỗi nước sông Nhĩ Hà[3] vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa.

Vua Lê ở trong điện, nghe tin có việc biến ấy, vội vã cùng bọn Lê Quýnh, Trịnh Hiến đưa thái hậu ra ngoài. Cả bọn chạy đến bến sông thì thấy cầu phao đã đứt, thuyền bè cũng không, bèn gấp rút chạy đến Nghi Tàm, thình lình gặp được chiếc thuyền đánh cá, vội cướp lấy rồi chèo sang bờ bắc. Trưa ngày mồng 6, vua Lê và những người tuỳ tòng chạy đến núi Tam Tằng, nghe nói Tôn Sĩ Nghị đã đi khỏi đó. Bấy giờ quân Thanh chạy về nước, trên đường đông nghịt như chợ, đêm ngày đi gấp, không dám nghỉ ngơi. Vua đưa thái hậu cùng đi với họ đến đồn Hoà Lạc thì gặp một người thổ hào[4]. Hồi trước vua Lê chạy ra ngoài, người ấy đã được biết mặt; lúc đó thấy vua, người ấy bất giác rơi lệ, nhân tiện mời vua vào trại trong núi tạm nghỉ. Bấy giờ, vua Lê và những người tuỳ tòng luôn mấy ngày không ăn, ai nấy đều đã mệt lử. Người thổ hào kia liền giết gà làm cơm thết đãi. Vua sai bưng một mâm lên mời thái hậu, còn mình thì cùng ăn với bọn Quýnh, Hiến ở mâm dưới.

Hình dung thái độ và hành động của vua Lê.

Ăn vừa xong, chợt nghe tin quân Tây Sơn đã đuổi theo đến nơi. Vua cuống quýt bảo người thổ hào rằng:

– Muôn đội hậu tình, không có gì để báo đáp, chỉ có trời cao đất dày chứng giám tấc lòng thành của ông mà ban phúc cho thôi. Bây giờ quân giặc gần tới, trước mắt đây có con đường sống nào có thể chạy gấp lên cửa ải, xin tính kế ngay cho.

Người thổ hào vội vã sai con đưa đường, theo lối tắt trong núi mà đi. Trời nhá nhem tối thì nhà vua đến cửa ải, theo kịp chỗ nghỉ của Tôn Sĩ Nghị. Một lát, các viên quan khác cũng lục tục theo đến, cùng nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt. Tôn Sĩ Nghị cũng lấy làm xấu hổ.

(*Hoàng Lê nhất thống chí*, NGUYỄN ĐỨC VÂN – KIỀU THU HOẠCH dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

(1) *Cáo cấp*: báo cáo khẩn cấp.
(2) *Doanh*: đơn vị quân đội xưa.
(3) *Nhĩ Hà* (còn gọi là *Nhị Hà*): tên gọi sông Hồng ngày trước.
(4) *Thổ hào*: kẻ có quyền thế ở một địa phương trong xã hội cũ.

1. Văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí – Hồi thứ mười bốn* kể về những sự kiện gì? Các sự kiện ấy liên quan đến những tuyến nhân vật nào? (Chú ý kết hợp với nội dung tóm tắt truyện ở phần đầu).

2. Đặt tên và nêu nội dung chính của mỗi phần (đã đánh số) trong đoạn trích.

3. Hãy phân tích một số chi tiết trong văn bản để làm rõ tính cách, phẩm chất của hai nhân vật Quang Trung và Lê Chiêu Thống.

4. Hãy làm sáng tỏ đặc điểm của một truyện lịch sử có cốt truyện đa tuyến qua phân tích các yếu tố nhân vật và cốt truyện trong đoạn trích.

5. Hình tượng Quang Trung và Lê Chiêu Thống trong đoạn trích có gì giống và khác với những điều em biết về các nhân vật ấy trong lịch sử?

6. Theo em, qua đoạn trích, tác giả muốn truyền đến người đọc thông điệp, tư tưởng gì? Tư tưởng ấy có giá trị với cuộc sống hôm nay như thế nào?

2 Đánh nhau với cối xay gió

(Trích tiểu thuyết *Đôn Ki-hô-tê*)

XÉC-VAN-TÉT

1 Chuẩn bị

– Đọc trước truyện *Đánh nhau với cối xay gió*; tìm hiểu thêm thông tin về tiểu thuyết *Đôn Ki-hô-tê* (Don Quixote) và nhà văn Mi-ghen đơ Xéc-van-tét (Miguel de Cervantes) qua sách, báo, Internet,...

– Theo em, con người có nên sống mơ mộng, chìm đắm vào thế giới hão huyền không? Và ngược lại, có nên sống quá thực dụng không? Vì sao?

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh của đoạn trích:

Mi-ghen đơ Xéc-van-tét (1547 - 1616), Tây Ban Nha

Tác phẩm *Đôn Ki-hô-tê* kể về nhân vật Đôn Ki-hô-tê, một quý tộc nghèo say mê đọc tiểu thuyết hiệp sĩ[1] và muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ. Đôn Ki-hô-tê lục tìm những binh giáp của tổ tiên để tự trang bị vũ khí cho mình, phong cho con ngựa gầy yếu của mình là chiến mã – đặt tên là Rô-xi-nan-tê (Rocinante), còn mình là hiệp sĩ xứ Man-cha (Mancha). Lão nhớ đến một phụ nữ nông dân lão

(1) *Hiệp sĩ*: một tước hiệu thuộc dòng dõi quý phái thời xưa ở phương Tây. Hiệp sĩ là người có sức mạnh và lòng hào hiệp, hay bênh vực kẻ yếu, cứu giúp người gặp nạn trong xã hội cũ.

thầm yêu xưa kia nên ban cho chị ta cái tên công nương[1] Đuyn-xi-nê-a (Dulcinea). Lão gầy gò, cao lênh khênh, cưỡi trên lưng con ngựa còm, ra đi làm hiệp sĩ lang thang để trừ lũ gian tà, cứu người lương thiện. Cùng đi với Đôn Ki-hô-tê là bác giám mã[2] Xan-chô Pan-xa (Sancho Panza) béo lùn. Sau nhiều phen thất bại, cuối cùng, Đôn Ki-hô-tê bị ốm nặng và qua đời.

Văn bản *Đánh nhau với cối xay gió* được trích trong chương VIII của tiểu thuyết *Đôn Ki-hô-tê*. Đoạn trích kể lại việc hai thầy trò đang trên đường phiêu lưu thì bắt gặp hàng chục chiếc cối xay gió. Đôn Ki-hô-tê một mực cho rằng đó là những gã khổng lồ và quyết tâm đánh bại chúng, bất chấp lời khuyên của Xan-chô Pan-xa. Cuối cùng, cả người và ngựa đều bị thương nặng.

2 Đọc hiểu

① Chợt hai thầy trò phát hiện có ba, bốn chục chiếc cối xay gió giữa đồng, và Đôn Ki-hô-tê vừa nhìn thấy liền nói với giám mã: "Vận may run rủi khiến cho sự nghiệp của chúng ta tốt đẹp quá sự mong muốn, vì kia kìa, anh bạn Xan-chô Pan-xa ơi, có đến ba, bốn chục tên khổng lồ ghê gớm, ta quyết giao chiến giết hết bọn chúng; và với những chiến lợi phẩm[3] thu được, chúng ta sẽ bắt đầu giàu có: bởi đây là một cuộc chiến đấu chính đáng, và quét sạch cái giống xấu xa này khỏi mặt đất là phụng sự[4] Chúa đấy.". "Những tên khổng lồ nào cơ?", Xan-chô Pan-xa hỏi. "Những đứa mà anh nhìn thấy kia kìa,", Đôn Ki-hô-tê đáp, "cánh tay chúng dài ngoẵng, có đứa, cánh tay dài tới hai dặm.". "Thưa ngài,", Xan-chô nói, "xuất hiện ở kia chẳng phải là các tên khổng lồ đâu mà chỉ là những cối xay gió, và cái vật trông giống cánh tay là những cánh quạt, khi có gió thổi, chúng sẽ quay tròn làm chuyển động cối đá bên trong.". "Xem ra, anh chẳng thành thạo gì về những chuyện phiêu lưu,", Đôn Ki-hô-tê đáp, "đấy chính là những tên khổng lồ, và nếu anh sợ thì hãy lánh ra xa mà cầu kinh trong lúc ta sẽ đương đầu với chúng trong một cuộc giao tranh điên cuồng và không cân sức.". Nói rồi, Đôn Ki-hô-tê thúc con ngựa Rô-xi-nan-tê xông lên, chẳng thèm để ý đến giám mã Xan-chô đang hét bảo là rõ ràng lão đang xông vào đánh những cối xay gió chứ không phải là bọn khổng lồ. Nhưng trong bụng vốn đinh ninh phía trước là

Hai thầy trò đã phát hiện ra điều gì và nhận định ra sao?

Diễn biến sự việc như thế nào? Hậu quả ra sao?

(1) *Công nương*: con gái nhà quyền quý.
(2) *Giám mã*: người chăm sóc ngựa và theo hầu hiệp sĩ.
(3) *Chiến lợi phẩm*: những thứ thu được của đối phương sau khi chiến thắng.
(4) *Phụng sự*: tận tuỵ phục vụ.

những tên khổng lồ nên Đôn Ki-hô-tê chẳng những không nghe lời can của giám mã Xan-chô, mà khi đã tới gần cũng không nhận ra đấy là những chiếc cối xay; đã thế, lão còn thét lớn: "Chớ có chạy trốn, lũ hèn mạt nhát gan kia, bởi duy nhất chỉ có một hiệp sĩ tấn công bọn mi đây.". Vừa lúc đó nổi lên một làn gió nhẹ và các cánh quạt lớn của những chiếc cối xay gió bắt đầu chuyển động; thấy thế, Đôn Ki-hô-tê liền nói: "Dù cho bọn ngươi có vung nhiều cánh tay hơn cả gã khổng lồ Bri-a-rê-ô[1] (Briareus), các ngươi cũng sắp phải đền tội.". Nói xong, lão nhiệt thành tâm niệm cầu mong nàng Đuyn-xi-nê-a của mình cứu giúp cho trong lúc nguy nan này; rồi lấy khiên che kín thân, tay lăm lăm ngọn giáo, lão thúc con Rô-xi-nan-tê phi thẳng tới chiếc cối xay gió gần nhất ở trước mặt, và đâm mũi giáo vào cánh quạt: gió làm cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành, kéo theo cả ngựa và người ngã văng ra xa.

② Xan-chô Pan-xa vội thúc lừa chạy đến cứu, và khi tới nơi thì thấy chủ nằm không cựa quậy: đó là kết quả cái ngã như trời giáng của lão và con Rô-xi-nan-tê. "Giúp tôi với, lạy Chúa!", Xan-chô nói, "Tôi đã chẳng bảo ngài rằng phải coi chừng cẩn thận đấy ư, rằng đó chỉ là những chiếc cối xay gió, ai mà chẳng biết thế, trừ kẻ nào đầu óc cũng quay cuồng như cối xay!". "Thôi im đi, anh bạn Xan-chô,", Đôn Ki-hô-tê đáp, "chuyện chinh chiến thường biến hoá khôn lường chứ không như các chuyện khác; bởi lẽ, ta cho rằng, và đúng là như thế, chính lão pháp sư[2] Phơ-re-xtôn (Friston) trước đây đã đánh cắp thư phòng và sách vở của ta, bây giờ lại biến những tên khổng lồ kia thành cối xay gió để tước đi của ta niềm vinh quang đánh bại chúng, vì lão thâm thù[3] ta lắm cơ; nhưng rồi các pháp thuật xấu xa của lão cũng sẽ không thể nào đối chọi được với thanh kiếm lợi hại của ta.". "Cầu Chúa hết sức phù hộ cho!", Xan-chô Pan-xa đáp và nâng Đôn Ki-hô-tê dậy, đỡ lão ngồi lại trên lưng con Rô-xi-nan-tê cũng bị toạc nửa vai.

Hãy hình dung nét mặt, cử chỉ của Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô lúc này.

③ Vừa bàn tán về cuộc phiêu lưu mới xảy ra, hai thầy trò vừa đi về phía cảng La-pi-xê (Lapice), vì theo Đôn Ki-hô-tê, con đường này có lắm người qua lại, chẳng thể nào không gặp nhiều chuyện phiêu lưu khác nhau. [...] "Nhưng kìa,", Xan-chô nói, "ngài ngồi thẳng lại một chút chứ, vì tôi thấy hình như ngài hơi vẹo sang một bên, chắc là do bị ngã lúc nãy.". "Đúng thế,", Đôn Ki-hô-tê đáp, "và ta không kêu đau là vì các hiệp sĩ giang hồ có bị thương thế nào cũng không được rên rỉ, dù xổ cả gan ruột ra ngoài.". "Nếu vậy, tôi

Quan điểm của Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô về vấn đề bị thương như thế nào?

(1) *Bri-a-rê-ô*: người khổng lồ trong thần thoại Hy Lạp, có một trăm cánh tay.

(2) *Pháp sư*: thầy phù thuỷ, người có khả năng làm được nhiều chuyện phi thường, theo mê tín. Để trừ bệnh điên rồ của Đôn Ki-hô-tê, những người quen và người nhà đã đốt các sách hiệp sĩ của lão và bịa chuyện lão pháp sư Phơ-re-xtôn đánh cắp cả phòng sách (thư phòng).

(3) *Thâm thù*: mối thù sâu sắc.

chẳng biết trả lời ra sao,", Xan-chô đáp, "nhưng Chúa thấu hiểu cho là tôi có yên lòng không nếu thấy ngài rên la khi bị cái gì làm cho đau đớn. Còn tôi, có thể xin thưa với ngài rằng chỉ cần hơi đau một chút là tôi rên rỉ ngay, trừ phi đến cả giám mã của hiệp sĩ giang hồ cũng bị cấm không được rên rỉ.". Tính chất phác của giám mã làm Đôn Ki-hô-tê không nhịn được cười và lão bảo Xan-chô cứ việc rên la lúc nào và thế nào cũng được, dù muốn hay không, vì cho tới nay, lão chưa đọc thấy có chuyện cấm đoán như thế bao giờ. Xan-chô nhắc chủ đã đến giờ ăn. Đôn Ki-hô-tê đáp là lúc này chưa cần ăn, còn nếu Xan-chô đói thì cứ tự nhiên. Được phép, Xan-chô ngồi lại cho thật thoải mái trên lưng lừa, lôi các thứ ở trong cái túi hai ngăn ra, vừa đi theo chủ vừa ung dung đánh chén, thỉnh thoảng lại tu bầu rượu một cách ngon lành khiến tay chủ quán rượu dễ thương nhất ở Ma-la-ga (Malaga) cũng phải phát ghen. Vừa đi vừa chè chén như thế, Xan-chô chẳng còn nhớ gì đến những lời hứa hẹn của chủ[1] và cảm thấy cái nghề đi tìm kiếm chuyện phiêu lưu này dù có nguy hiểm đến đâu cũng chẳng vất vả gì mà lại thoải mái nữa là khác.

Chú ý suy nghĩ và hành động của hai nhân vật.

Đêm hôm ấy, hai người ở dưới các vòm cây, và Đôn Ki-hô-tê bẻ một cành khô, rút cái mũi sắt ở chiếc cán gãy lắp vào làm thành ngọn giáo. Đôn Ki-hô-tê suốt đêm không ngủ để nghĩ tới nàng Đuyn-xi-nê-a của lão, bắt chước những hiệp sĩ lão từng đọc trong sách, thức trắng nhiều đêm ròng ở trong rừng hoặc nơi hoang mạc, liên tưởng nhớ tới tình nương[2]. Xan-chô Pan-xa thì không thế, bởi vì dạ dày no căng toàn là rượu thịt, bác ngủ một mạch, và nếu như chủ không gọi, thì dù ánh nắng chiếu thẳng vào mặt, và vô số tiếng chim hót líu lo đón mừng một ngày mới có lẽ cũng không đủ để đánh thức bác. Vừa ngủ dậy, bác vớ ngay lấy bầu rượu, thấy nó nhẹ hơn tối hôm trước, nên buồn rầu vì xem chừng trên quãng đường này khó đào đâu ra ngay rượu để đổ vào cho đầy. Đôn Ki-hô-tê không muốn ăn sáng vì, như ta thường nói, chàng nghĩ đến người yêu cũng đủ no rồi.

(PHÙNG VĂN TỬU dịch, in trong sách *Ngữ văn 8*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

1. Xác định nội dung chính của mỗi phần trong đoạn trích *Đánh nhau với cối xay gió*. Theo em, cốt truyện trong đoạn trích này là cốt truyện đơn tuyến hay đa tuyến?

2. Nhân vật Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa được tác giả khắc hoạ như thế nào? Hãy liệt kê những đặc điểm của hai nhân vật này (dáng vẻ bên ngoài, suy nghĩ, sở thích, lời nói và hành động).

(1) *Lời hứa hẹn của chủ*: Đôn Ki-hô-tê đã hứa sẽ trao cho Xan-chô Pan-xa cai quản một vài hòn đảo chiếm được trong cuộc phiêu lưu mạo hiểm.
(2) *Tình nương*: chỉ người tình là phụ nữ.

3. Vì sao Đôn Ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió? Xan-chô nhìn nhận về cối xay gió có gì khác với Đôn Ki-hô-tê?

4. Qua đoạn trích *Đánh nhau với cối xay gió*, em hãy tưởng tượng về tính cách của hai nhân vật Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô; từ đó, nêu nhận xét về cách xây dựng hai nhân vật này.

5. Theo em, việc Đôn Ki-hô-tê say mê, muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ và hành động của nhân vật này có những điểm nào tốt và không tốt? Câu chuyện nhằm ca ngợi hay phê phán điều gì?

6. Từ đoạn trích *Đánh nhau với cối xay gió*, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm câu khẳng định và câu phủ định trong những câu dưới đây. Chỉ ra đặc điểm về ý nghĩa và hình thức của mỗi câu.

a) *Tất cả những điều ấy, họ làm sao hiểu được rõ ràng, đích xác.* (Ngô gia văn phái)

b) *Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân.* (Ngô gia văn phái)

c) *Các quân đều nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi.* (Ngô gia văn phái)

d) *Chị Dậu vẫn chưa nguôi cơn giận.* (Ngô Tất Tố)

2. Trong hai đoạn văn dưới đây (trích văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí – Hồi thứ mười bốn*), câu nào được dùng để hỏi, câu nào được dùng để khẳng định, để phủ định? Vì sao?

a) *Tổng đốc họ Tôn đem thứ quân nhớ nhà kia mà chống chọi, thì địch sao cho nổi? Họ chẳng qua chỉ là người khách, chuyến này sang cũng cốt xem sự thế khó hay dễ để liệu bề tiến lui mà thôi. Nhưng còn nhà nước của ta thì sao? Thái hậu có thể chạy sang đất Trung Hoa một chuyến nữa chăng?*

b) *Tự vương trẻ tuổi, chưa từng trải công việc, trước đây tới đón chào ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ? Bấy giờ, nhân khi ta thắng, đè bẹp ngay lúc chúng đang khốn đốn, há chẳng dễ dàng hơn hay sao?*

3. Chuyển những câu khẳng định dưới đây thành những câu có ý nghĩa tương đương, trong đó có sử dụng hai lần từ phủ định:

a) *Ai cũng muốn đuổi chúng đi.* (Ngô gia văn phái)

b) *Ngày nào Thị Nở cũng phải đi qua vườn nhà hắn.* (Nam Cao)

c) *Từ đấy, ngày nào Hoài Văn cũng xuống các thôn xóm, vận động bà con đứng lên cứu nước.* (Nguyễn Huy Tưởng)

4. Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí – Hồi thứ mười bốn* (Ngô gia văn phái), trong đó có sử dụng câu khẳng định được thể hiện dưới hình thức "phủ định của phủ định" (dùng hai lần từ phủ định).

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Bên bờ Thiên Mạc

(Trích)

HÀ ÂN(*)

1 Chuẩn bị

– Đọc trước đoạn trích truyện *Bên bờ Thiên Mạc*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Hà Ân.

– Khi đất nước lâm nguy trước kẻ thù xâm lược, theo em, mỗi người dân Việt cần phải làm gì?

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây về bối cảnh của đoạn trích:

Bên bờ Thiên Mạc là tập truyện lịch sử gồm năm chương, kể về một địa danh lịch sử nổi tiếng gắn với tên tuổi những người anh hùng thời nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ 2 (năm 1285). Có thể coi *Bên bờ Thiên Mạc* là tác phẩm có cốt truyện đa tuyến. Tuyến chính kể về Trần Bình Trọng, ngợi ca tinh thần gan dạ, quả cảm, bất khuất trước kẻ thù của vị tướng này. Tuyến thứ hai kể chuyện về vua Trần Nhân Tông và Trần Hưng Đạo, ngợi ca tư thế bình tĩnh, ung dung tự tại của người đứng đầu đất nước trong cuộc chiến tranh. Tuyến thứ ba gồm bố con ông già Màn Trò và người dân Thiên Mạc, ngợi ca tấm lòng và tinh thần yêu nước của tầng lớp quần chúng, nhân dân.

Đoạn trích *Bên bờ Thiên Mạc* thuộc chương 4, phần 2, kể về việc Trần Quốc Tuấn giao nhiệm vụ hết sức quan trọng và tuyệt mật cho Hoàng Đỗ, con ông già Màn Trò, một nô tì(1) ở vùng Thiên Mạc. Trước giờ chia tay, Trần Bình Trọng đã xoá vết xăm nô tì trên trán Hoàng Đỗ để cậu bé trở thành người dân bình thường.

(*) Tác giả Hà Ân (1928 - 2011) tên thật là Hoàng Hiển Mô, quê ở Hà Nội.

(1) *Nô tì*: tôi tớ phục dịch trong nhà hay trong điền trang thái ấp của quý tộc thời phong kiến.

2 Đọc hiểu

① Trần Bình Trọng dẫn họ về nhà Nhân Tông đang ở. Trần Quốc Tuấn hỏi cậu bé chăn ngựa một lần nữa về con đường qua Màn Trò. Ông hài lòng vì Hoàng Đỗ tỏ ra hiểu rõ bãi lầy. Ông giơ một viên sáp lớn lên trước mặt:

– Đây là một đạo lệnh(1) bí mật bọc sáp. Khi vượt xong bãi lầy, cháu tách đi một đường riêng tới quân doanh của Thượng tướng quân(2) Trần Quang Khải. Cháu sẽ trao tận tay Thượng tướng quân bản lệnh(3) này và chỉ được trao cho chính tay Thượng tướng quân mà thôi. Nếu nửa đường gặp giặc, cháu phải cố vượt thoát. Nếu vượt không được thì phải nhai nuốt bản lệnh này đi. Việc lớn của nước nhà nằm trong viên sáp này đó!

Trần Quốc Tuấn đã giao nhiệm vụ gì cho Hoàng Đỗ?

Trần Quốc Tuấn trao viên sáp cho Hoàng Đỗ. Chú bé chăn ngựa nhận viên sáp và cúi đầu nghĩ ngợi. Trần Quốc Tuấn chăm chú ngắm cậu bé. Ông đã được Trần Bình Trọng kể lại trận phá vây ải Khả Lá và những người lính được thưởng đồng tiền bạc. Ông hỏi:

– Cháu còn vương vấn điều chi trong lòng thế?

– Thưa Quốc công(4), cháu chỉ là thằng bé chăn ngựa. Nhưng bố cháu đã dạy cháu phải trung với nước. Dù có chết cho nước, cháu cũng không sợ, nhưng cháu sợ không đảm đương nổi việc này.

Khi nhận được nhiệm vụ, thái độ của Hoàng Đỗ như thế nào?

– Ờ, cháu cứ nói nữa đi. Thật thà như vậy là đáng khen đấy!

– Cháu sợ nửa đường gặp giặc.

– Thì cháu làm thế nào?

– Cháu sẽ cố vượt vòng vây.

– Nếu chúng vây kín quá?

– Thì cháu sẽ làm đúng như lời Quốc công đã dặn là nhai nuốt bản lệnh này đi.

– Thế là cháu hiểu kĩ lời ta đó.

Nhưng cậu bé chăn ngựa tỏ ra băn khoăn hơn:

– Nuốt xong, cháu không chịu chết một mình đâu. Cháu sẽ xông vào chúng nó. May ra cháu đổi mạng cháu được vài mạng giặc.

---

(1) *Đạo lệnh*: chỉ mệnh lệnh rất quan trọng và cấp thiết, tối mật của người chỉ huy cấp cao chỉ đạo cho cấp dưới.

(2) *Thượng tướng quân*: người chỉ huy tối cao trong quân đội Đại Việt thời Trần.

(3) *Bản lệnh*: chỉ mệnh lệnh từ doanh trại của cấp chỉ huy trong quân ngũ.

(4) *Quốc công*: một tước hiệu thời quân chủ, được quốc vương hoặc hoàng đế ban cho công thần hoặc thân thích.

– Thế thì ta lại càng khen cháu chứ sao!

Hoàng Đỗ kêu lên:

– Nhưng dạo chúng cháu phá vây trên ải Khả Lá thì lại thế này cơ. Khi chúng cháu xông vào, chúng cháu liều chết với giặc, cuối cùng... cuối cùng, chúng cháu không chết mà chính lũ giặc đứa thì chết, đứa thì bỏ chạy bán mạng...

Trần Quốc Tuấn bật cười lớn:

– Binh pháp[1] gọi như thế là "vào đất chết để tìm lấy sống" đó. Có ai ngăn cháu làm như vậy đâu!

Trần Bình Trọng cũng cười:

– Thì lúc ấy ta lại thưởng thêm cho một đồng tiền bạc nữa chứ sao.

Cậu bé chăn ngựa ngơ ngác:

– Nhưng nếu vào đất chết mà lại sống thì khi cháu gặp Thượng tướng quân, cháu biết ăn nói làm sao?

– Sao hử?

– Bởi trước khi liều chết, cháu đã phải nuốt bản mật lệnh này, còn đâu để mà trao tay cho Thượng tướng quân được nữa.

Trần Quốc Tuấn nheo mắt cười. Mặt ông tươi tắn và trẻ trung, sinh động. Ông móc trong bọc ra một vật và khẽ rung cổ tay. Tiếng lanh canh reo vui lại vang lên:

– Ta cũng đã nghĩ trước điều đó rồi. Khi ấy, cháu sẽ trao cái khoá bạc này cho Thượng tướng quân. Thượng tướng quân suy nghĩ rồi sẽ hiểu được ý ta. Nếu vật này có rơi vào tay quân Nguyên, chúng cũng không thể nào ngờ được rằng chiếc khoá bạc có liên quan gì đến vận nước đâu.

Hoàng Đỗ yên lòng. Cậu sụp lạy Trần Quốc Tuấn rồi quay sang lạy từ Trần Bình Trọng.

② Trần Quốc Tuấn muốn để hai thầy trò tự do hơn, ông vẫy ông già Màn Trò cùng ra khỏi lều. Hai thầy trò Trần Bình Trọng lặng nhìn nhau. Căn lều trở nên yên lặng. Cả hai người cùng nghẹn ngào. Trần Bình Trọng ngắm vẻ mặt của Hoàng Đỗ. Cậu bé chăn ngựa đã biết đem tất cả những gì mình có, từ trí tuệ, tài năng đến tấm lòng hiến dâng cho nước. Có được những người lính như thế này thật là một hạnh phúc đối với những người làm tướng. Bất giác, Trần Bình Trọng lặp lại điều mà Quốc công Tiết chế đã từng nói. Nhưng đột nhiên, ông nhớ lại và thấy trước đây, ông chưa đối xử rộng tình với quân sĩ và gia nô[2] của ông.

– Em... em!... – Trần Bình Trọng lúng túng – Ta... ta muốn... muốn...

---

(1) *Binh pháp*: phép dùng binh.

(2) *Gia nô*: người hầu hạ.

Trần Bình Trọng lần trong mình để tìm thưởng cho cậu bé gia nô một vật gì trước lúc lên đường. Ông muốn vật ấy phải xứng với một cậu bé như Hoàng Đỗ. Nhưng ngoài bộ quần áo chiến và thanh kiếm dùng làm vật giữ mình ra, Trần Bình Trọng không còn vật gì khác.

Bất chợt nhìn xuống mặt Hoàng Đỗ, Trần Bình Trọng sực nghĩ ra một điều lớn lao. Ông trang nghiêm bảo cậu bé nô tì:

– Em hãy quỳ xuống và ngẩng mặt lên!

Trần Bình Trọng rút kiếm, cầm lên phía mũi nhọn. Ông tha thiết nói:

– Lòng em hẳn khao khát điều này.

Trần Bình Trọng dùng mũi kiếm rạch lên trán Hoàng Đỗ thành một ô vuông nhỏ và lột làn da có thích chàm ba chữ "Quan trung khách", ba chữ phân biệt những người dân tự do với các nô tì thân phận gần như loài vật. Máu từ trán Hoàng Đỗ chảy xuống khuôn mặt rạng rỡ của cậu bé chăn ngựa. Trần Bình Trọng cắt một vạt áo chiến của mình và dùng thuốc dấu buộc trán cho Hoàng Đỗ. Đây là món thuốc gia truyền rất hiệu nghiệm mà ông luôn luôn đem theo bên mình. Ông đặt hai tay lên đôi vai của cậu bé và nói với tất cả niềm xúc động, trìu mến của mình:

Phần thưởng xứng đáng mà Trần Bình Trọng đã trao cho cậu bé Hoàng Đỗ là gì?

– Hoàng Đỗ! Kể từ lúc này, em không còn là một nô tì nữa. Kể từ lúc này, em là em nuôi của ta! Em có bằng lòng không?

Hoàng Đỗ toan cúi lạy Trần Bình Trọng để tạ ơn nhưng ông ngăn lại và ôm cậu bé vào lòng. Giữa lúc hai thầy trò Trần Bình Trọng gần gũi nhau như thế, tiếng trống đồng bỗng ình ình đánh. Từ ngoài cửa, Trần Quốc Tuấn và ông già Màn Trò vội vã bước vào.

– Giặc đến. Thuyền của chúng đã thấp thoáng ngang bến đò Chương Dương rồi.

Ông già Màn Trò hổn hển báo tin. Nhưng ông chợt sửng sốt nhìn mãi lên trán đứa con trai. Rồi ông kêu lên một tiếng nghi hoặc:

Hãy hình dung, tưởng tượng về nỗi xúc động của ông già Màn Trò.

– Con? Có thật không con?

Ông già bước mau lại gần cậu bé chăn ngựa. Ông đưa tay định cởi mảnh vải buộc trán cậu bé. Nhưng bàn tay gầy guộc của ông vừa mới giơ lên tới nơi lại hạ xuống, rờ rẫm rồi đặt lên vai con. Trần Bình Trọng im lặng nhìn hai cha con người lính chăn ngựa. Ông cảm thấy sung sướng và bằng lòng về hành động của mình.

(*Bên bờ Thiên Mạc*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2010)

1. Tác phẩm *Bên bờ Thiên Mạc* gắn liền với sự kiện lịch sử nào của dân tộc? Xác định nội dung chính của mỗi phần (đánh số) trong đoạn trích.

2. Hãy liệt kê tên các nhân vật trong đoạn trích. Những nhân vật nào là nhân vật có thật trong lịch sử?

3. Nêu một số chi tiết cụ thể (lời nói, suy nghĩ, hành động,...) mà tác giả đã sử dụng để khắc hoạ về Trần Bình Trọng, Trần Quốc Tuấn và Hoàng Đỗ. Từ đó, nhận xét về phẩm chất của ba nhân vật ấy.

4. Đặc điểm của truyện lịch sử được thể hiện qua những yếu tố nào ở văn bản này?

5. Trong đoạn trích trên, điều gì gây ấn tượng sâu sắc nhất đối với em? Vì sao?

6. Đoạn trích *Bên bờ Thiên Mạc* giúp em hiểu thêm được gì về tấm lòng của những người con nước Việt khi đất nước có giặc ngoại xâm?

VIẾT

Nghị luận về một vấn đề của đời sống

1 Định hướng

1.1. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống là trình bày ý kiến của người viết về một vấn đề. Vấn đề của đời sống có thể là một hiện tượng cụ thể có thật, có thể là một tư tưởng, đạo lí. Bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí là bài văn thường tập trung làm sáng tỏ nội dung và ý nghĩa của một nhận định, một ý kiến về tư tưởng, tình cảm hay quan niệm về lối sống, cách ứng xử,... Đề văn về tư tưởng, đạo lí thường nhân một câu danh ngôn, tục ngữ, ca dao,... nào đó để nêu lên yêu cầu. Ví dụ:

Đề 1. *Suy nghĩ về câu tục ngữ: "Chết trong còn hơn sống đục.".*

Đề 2. *Suy nghĩ về câu nói của danh tướng Trần Bình Trọng: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc.".*

Đề 3. *Nhà thơ Tố Hữu viết: "Ai chiến thắng mà không hề chiến bại / Ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần". Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về ý kiến đó.*

1.2. Để viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí, các em cần chú ý:

– Tìm hiểu kĩ nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí được nêu trong đề (thường qua việc giải thích, phân tích một nhận định, một danh ngôn).

– Trình bày rõ ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về tư tưởng, đạo lí ấy và lí giải vì sao.

– Tìm ý và lập dàn ý cho bài viết: Căn cứ vào đề để xác định cách tìm ý cho phù hợp (đặt câu hỏi, suy luận, so sánh).

– Sử dụng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để làm rõ ý kiến, tăng sức thuyết phục cho bài viết.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Đề bài: *Suy nghĩ về câu nói của danh tướng Trần Bình Trọng: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc.".*

a) Chuẩn bị

– Đọc kĩ và tìm hiểu đề để biết các thông tin chính trước khi viết:

+ Trọng tâm cần làm rõ: tinh thần bất khuất, không chịu sống nô lệ.

+ Kiểu văn bản chính: nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

+ Phạm vi bằng chứng cần huy động: bằng chứng thực tế; kiến thức lịch sử, địa lí và thơ văn liên quan (ví dụ: đoạn trích *Bên bờ Thiên Mạc*).

– Xác định yêu cầu đề, xem lại định hướng viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

– Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa câu nói của danh tướng Trần Bình Trọng.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết theo cách đặt và trả lời các câu hỏi:

+ Câu nói của Trần Bình Trọng có ý nghĩa gì?

+ Câu nói thể hiện tư tưởng, đạo lí sống nào? Tại sao có thể nói như vậy?

+ Tư tưởng, đạo lí sống đó đã thể hiện như thế nào (trong cuộc sống, văn học, nghệ thuật, lịch sử,...)?

+ Giá trị của tư tưởng, đạo lí sống vừa nêu là gì? Cần phê phán những biểu hiện ngược lại với tư tưởng, đạo lí sống trên như thế nào?

– Lập dàn ý cho bài viết bằng cách tổ chức hệ thống các ý đã tìm được theo cấu trúc ba phần:

Mở bài	Giới thiệu vấn đề: Có rất nhiều người anh hùng sẽ sống mãi với những hành động và lời nói bất hủ. Một trong những con người ấy là danh tướng Trần Bình Trọng. Câu nói của ông: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc." đến nay vẫn gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ.
	Phát triển các ý làm rõ cho vấn đề nêu ở mở bài: + Giải thích câu nói: • Câu nói: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc." có nghĩa là gì? • Tại sao "thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc"?

Thân bài	+ Chứng minh tính đúng đắn của câu nói: • Các bằng chứng từ cuộc sống và lịch sử. • Các bằng chứng từ thơ văn, nghệ thuật. + Bình luận câu nói: • Khẳng định ý nghĩa và giá trị của câu nói. • Phê phán tư tưởng, đạo lí sống ngược lại.
Kết bài	Tổng hợp lại các ý đã nêu: + Câu nói thể hiện khí phách và tinh thần gì của danh tướng nhà Trần? + Nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay.

c) Viết

Dựa vào dàn ý để viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí. Trong khi viết, cần chú ý:

– Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

– Quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong bài nghị luận.

– Giữa các đoạn văn cần có câu chuyển đoạn.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Viết*, mục d (trang 28); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kĩ năng viết: Quan hệ giữa vấn đề, ý kiến, lí lẽ và bằng chứng; câu chuyển đoạn trong bài nghị luận

a) Cách thức

– Để có sức thuyết phục, văn nghị luận đòi hỏi việc trình bày vấn đề, nêu ý kiến, lí lẽ và bằng chứng phải gắn bó chặt chẽ với nhau.

+ Vấn đề và ý kiến thường nêu khái quát ở phần mở bài; nhiều văn bản thường nêu vấn đề ở nhan đề bài viết.

+ Vấn đề và ý kiến được làm sáng tỏ bằng các lí lẽ và bằng chứng theo cách: nêu các ý lớn, tập trung làm sáng tỏ cho vấn đề, ý kiến; mỗi ý lớn là một đoạn văn.

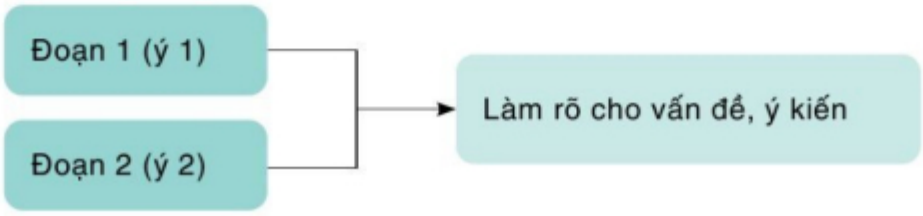

Mỗi đoạn văn gồm các lí lẽ và bằng chứng tập trung làm sáng tỏ cho ý lớn. Ví dụ:

– Câu chuyển đoạn: Để bài văn liền mạch, gắn bó nội dung giữa các phần với nhau, khi viết, cần chú ý có các câu chuyển đoạn. Ví dụ: "Giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong tác phong, Hồ Chủ tịch cũng rất giản dị trong lời nói và bài viết ..." (Phạm Văn Đồng, *Đức tính giản dị của Bác Hồ*, trong sách *Ngữ văn 7*, tập hai). Đó là câu tác giả Phạm Văn Đồng dùng để chuyển từ đoạn nói về sự giản dị trong đời sống sang đoạn nêu lên sự giản dị trong cách viết, cách nói của Bác Hồ.

b) Bài tập

– Dựa vào mục *Tìm ý và lập dàn ý* cho đề bài *Suy nghĩ về câu nói của danh tướng Trần Bình Trọng: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc."*, hãy lập sơ đồ quan hệ giữa các đoạn văn trong phần thân bài.

– Viết câu chuyển đoạn từ phần 1 (giải thích câu nói) sang phần 2 (chứng minh tính đúng đắn của câu nói).

NÓI VÀ NGHE

Nghe và tóm tắt nội dung người khác giới thiệu

1 Định hướng

1.1. Kĩ năng nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác đã được học ở Bài 3, Bài 5 và Bài 7. Bài này tiếp tục rèn luyện kĩ năng nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một danh nhân (nhân vật) lịch sử hoặc một tiểu thuyết.

1.2. Để nghe và tóm tắt được nội dung người khác giới thiệu về một danh nhân (nhân vật) lịch sử hoặc một tiểu thuyết, các em cần xem lại các yêu cầu đã nêu ở Bài 3, Bài 5, Bài 7 và chú ý thêm:

– Nghe kĩ nội dung giới thiệu về một danh nhân hoặc tiểu thuyết mà người nói đã trình bày.

– Ghi lại các ý chính theo hệ thống: ý lớn, ý nhỏ, các ví dụ minh hoạ tiêu biểu,... mà người trình bày đã nêu lên.

– Tuỳ theo yêu cầu để lựa chọn và ghi lại các ý chính của bài nói.

– Trình bày bản tóm tắt ý chính theo từng mức độ.

2 Thực hành

Bài tập: *Chọn một trong hai đề bài sau:*

(1) *Nghe và tóm tắt nội dung giới thiệu về nhân vật Trần Bình Trọng với câu nói bất hủ: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc.".*

(2) *Nghe và tóm tắt nội dung giới thiệu về một tiểu thuyết đã học hay đã đọc.*

a) Chuẩn bị (với đề bài 1)

– Xem lại nội dung truyện lịch sử *Bên bờ Thiên Mạc* (Hà Ân) liên quan đến danh tướng Trần Bình Trọng.

– Xem lại mục b) *Tìm ý và lập dàn ý* ở phần *Viết*.

– Chú ý các hướng dẫn trong mục 1. *Định hướng* để nắm được cách tóm tắt ý chính khi nghe.

b) Tìm ý và lập dàn ý

Xem lại dàn ý ở phần *Viết* để thêm hoặc bớt nội dung cho dàn ý của bài thuyết trình.

c) Nói và nghe

– Thực hành nghe và ghi lại các ý chính của bài thuyết trình.

– Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 31). Ở bài này chú ý rèn luyện kĩ năng nghe nhiều hơn.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 32); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Tiểu thuyết *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố viết về bức tranh làng quê Việt Nam nghèo đói và bất công vì nạn sưu[1] thuế dưới thời Pháp thuộc. Truyện xoay quanh gia đình chị Dậu – một gia đình nghèo vào "nhất nhì trong hạng cùng đinh"[2], dù quanh năm "đầu tắt mặt tối".

(1) *Sưu*: tức "thuế thân", khoản tiền mà người đàn ông thường từ mười tám đến sáu mươi tuổi buộc phải nộp hằng năm cho nhà nước phong kiến, thực dân.

(2) *"Nhất nhì trong hạng cùng đinh"*: nghèo khổ nhất trong làng (*đinh*: người đàn ông thuộc lứa tuổi phải đóng thuế thân và đi lính thời xưa; *cùng đinh*: người đàn ông thuộc tầng lớp nghèo khổ và bị khinh rẻ nhất ở nông thôn thời trước).

Anh Dậu bị ốm kéo dài mấy tháng, không có tiền nộp sưu nên đã bị bọn chức dịch[1] bắt trói. Chị Dậu phải bán cả đứa con gái đầu lòng và ổ chó cho vợ chồng Nghị Quế để nộp sưu của chồng. Tưởng đã xong, nào ngờ lí trưởng làng Đông Xá bắt anh Dậu phải nộp thêm suất sưu cho người em trai đã chết năm ngoái. Đang ốm, lại bị trói, bị đánh,... anh Dậu ngất đi, tưởng đã chết, được khiêng trả về nhà. Sáng hôm sau, khi anh Dậu còn vừa rên vừa định húp tí cháo thì bọn hào lí ập đến định bắt lại, giải ra đình... Đoạn trích sau kể lại diễn biến tiếp theo.

TỨC NƯỚC VỠ BỜ

Cháo chín, chị Dậu bắc mang ra giữa nhà, ngả mâm bát múc ra la liệt. Rồi chị lấy quạt quạt cho chóng nguội.

Tiếng trống và tiếng tù và[2] đã thủng thẳng đua nhau từ phía đầu làng đến đình.

Tiếng chó sủa vang các xóm.

Bà lão láng giềng lại lật đật chạy sang:

– Bác trai đã khá rồi chứ?

– Cảm ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường. Nhưng xem ý hãy còn lề bề lệt bệt chừng như vẫn mỏi mệt lắm.

– Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm rề rề như thế, nếu lại phải một trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn.

– Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp cái đã. Nhịn suông từ sáng hôm qua tới giờ còn gì.

– Thế thì phải giục anh ấy ăn mau đi, kẻo nữa người ta sắp sửa kéo vào rồi đấy!

Rồi bà lão lật đật trở về với vẻ mặt băn khoăn.

Cháo đã hơi nguội.

Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm:

– Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

Rồi chị đón lấy cái Tỉu và ngồi xuống đó như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không.

Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngỏng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kề vào đến miệng, cai lệ[3] và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng.

Gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái[4] cũ:

---

(1) *Chức dịch*: người có chức vị trong bộ máy chính quyền làng xã dưới chế độ phong kiến.
(2) *Tù và*: dụng cụ làm bằng sừng trâu, vỏ ốc, dùng để thổi nhằm báo hiệu ở nông thôn thời xưa.
(3) *Cai lệ*: chỉ huy lính lệ ở các phủ, huyện thời phong kiến.
(4) *Xái*: phần bã thuốc phiện, thuốc lào còn lại sau khi hút.

– Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!

Hoảng quá, anh Dậu vội để bát cháo xuống phản và lăn đùng ra đó, không nói được câu gì. Người nhà lí trưởng cười một cách mỉa mai:

– Anh ta lại sắp phải gió[1] như đêm qua đấy!

Rồi hắn chỉ luôn vào mặt chị Dậu:

– Chị khất tiền sưu đến chiều mai phải không? Đấy! Chị hãy nói với ông cai, để ông ấy ra đình kêu với quan cho! Chứ ông lí tôi thì không có quyền dám cho chị khất một giờ nào nữa!

Chị Dậu run run:

– Nhà cháu đã túng, lại phải đóng cả suất sưu của chú nó nữa, nên mới lôi thôi như thế. Chứ cháu có dám bỏ bễ[2] tiền sưu của nhà nước đâu? Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất...

Cai lệ không để cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hắn quát:

– Mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm xin khất!

Chị Dậu vẫn thiết tha:

– Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!

Cai lệ vẫn giọng hầm hè:

– Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!

Rồi hắn quay ra bảo anh người nhà lí trưởng:

– Không hơi đâu mà nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia!

Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu.

Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn:

– Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

– Tha này! Tha này!

Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

---

(1) *Phải gió*: nghĩa đen là bị trúng gió, được dùng làm lời rủa một cách nhẹ nhàng.

(2) *Bỏ bễ*: bỏ không quan tâm đến việc cần làm.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:

– Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

Chị Dậu nghiến hai hàm răng:

– Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền(1), hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Người nhà lí trưởng sấn sổ bước đến, giơ gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòm. Kết cục, anh chàng "hầu cận ông lí" yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng(2) cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Anh Dậu sợ quá muốn dậy can vợ, nhưng mệt lắm, ngồi lên lại nằm xuống, vừa run vừa kêu:

– U nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù, phải tội.

Chị Dậu vẫn chưa nguôi cơn giận:

– Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được...

(NGÔ TẤT TỐ, in trong sách *Ngữ văn 8*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Đoạn chữ in nghiêng ở phía trên văn bản *Tức nước vỡ bờ* có nhiệm vụ gì?

A. Tóm tắt toàn bộ tác phẩm *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố

B. Tóm tắt bối cảnh xảy ra trước đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*

C. Tóm tắt câu chuyện bọn người nhà lí trưởng đánh trói anh Dậu

D. Tóm tắt cảnh chị Dậu phải xoay xở vì suất sưu của chồng

2. Câu nào là câu phủ định trong những câu dưới đây?

A. Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng.

B. Mày định nói cho cha mày nghe đấy à?

C. Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

D. U nó không được thế!

(1) *Lực điền*: người làm ruộng khoẻ mạnh.
(2) *Lẳng*: ném mạnh.

3. Câu nào là câu khẳng định trong những câu sau?

A. Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất...

B. Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

C. Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ.

D. Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

4. Nhận xét nào sau đây đúng với diễn biến thái độ của chị Dậu trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*?

A. Từ khẩn cầu run run đến thiết tha van xin

B. Từ thiết tha van xin đến liều mạng cãi lại bằng lí lẽ

C. Từ nhẫn nhịn đến phản kháng hết sức quyết liệt bằng lí lẽ

D. Từ nhẫn nhục đến phản kháng bằng lời và chống trả quyết liệt

5. Nhận định nào sau đây **không phải** là nội dung của đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*?

A. Vạch trần bộ mặt tàn ác của xã hội thực dân phong kiến đương thời

B. Phản ánh tình trạng người dân vùng quê nghèo cãi nhau vì chuyện nợ nần

C. Cho thấy lòng nhân hậu và sức sống mạnh mẽ của người phụ nữ nông dân

D. Chỉ ra nỗi cực khổ của người nông dân bị áp bức và chế độ sưu thuế bất công

6. Trong đoạn trích, tác giả miêu tả gia cảnh của chị Dậu như thế nào?

7. Em có nhận xét gì về tính cách tên cai lệ?

8. Theo em, tình huống nào đã khiến chị Dậu vùng dậy chống trả quyết liệt với bọn tay sai?

9. Diễn biến tâm lí và hành động bảo vệ chồng của chị Dậu được tác giả miêu tả như thế nào thông qua các từ xưng hô trong văn bản?

10. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 - 10 dòng) trình bày ngắn gọn suy nghĩ của em về nhân vật chị Dậu.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Sưu tầm thông tin (bài viết, hình ảnh, video,...) về các tác giả (Ngô gia văn phái, Hà Ân, Ngô Tất Tố, Xéc-van-tét) và tác phẩm đã học trong Bài 8 từ nhiều nguồn khác nhau như sách, báo, Internet,...

2. Đọc toàn bộ tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* và một số chương của các tác phẩm *Đánh nhau với cối xay gió*, *Bên bờ Thiên Mạc*, *Tắt đèn*.

3. Sưu tầm một số bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống và các bài viết giới thiệu về nhân vật lịch sử hoặc tóm tắt một tiểu thuyết.

Bài 9 NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

• Nhận biết được đặc điểm hình thức (cách thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (mục đích, giá trị, ý nghĩa,...) của một văn bản nghị luận văn học; chỉ ra được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.

• Nhận biết và hiểu tác dụng của các thành phần biệt lập trong câu; biết bổ sung thành phần biệt lập khi cần thiết.

• Biết viết bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học.

• Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm văn học.

• Yêu thích tìm hiểu, khám phá các giá trị của tác phẩm văn học; trân trọng những sáng tạo nghệ thuật và có ý thức gìn giữ giá trị của những sản phẩm đó.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng

Luận điểm gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp một cách hệ thống, hợp lí để giúp cho luận đề của văn bản được sáng rõ, thuyết phục. Ví dụ, trong văn bản *Chiều sâu của truyện "Lão Hạc"* (Văn Giá), luận đề là "chiều sâu" (giá trị tiềm ẩn về tư tưởng và nghệ thuật) của tác phẩm đã nêu. Hệ thống luận điểm của văn bản này bao gồm: a) Nhà văn thông qua *hoạt động giao tiếp (những cuộc trò chuyện)* giữa các nhân vật để trực tiếp khắc hoạ tính cách nhân vật chính; b) Nhà văn thông qua nội dung các cuộc trò chuyện để gián tiếp thể hiện *tình thế lựa chọn (giữa cái sống và cái chết) của lão Hạc.*

Lí lẽ là những lẽ phải được lấy làm căn cứ để giải thích, làm rõ cho luận điểm. Để có sức thuyết phục, lí lẽ cần chặt chẽ, xác đáng. Bằng chứng là những ví dụ cụ thể về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học (các hình ảnh, chi tiết, câu văn, câu thơ,... trong tác phẩm) được đưa ra nhằm chứng minh, củng cố cho lí lẽ. Để có sức thuyết phục, bằng chứng cần phù hợp, tiêu biểu.

2. Thành phần biệt lập trong câu

Câu có thể được bổ sung các thành phần biệt lập với chức năng cụ thể như sau:

– Thành phần gọi – đáp: được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp. Thành phần này thường được biểu hiện bởi các từ, tổ hợp từ như: *này*, *ơi*, *dạ*, *vâng*, *ừ*, *anh ơi*, *thưa ông*,... Ví dụ: "**Này**, thầy nó ạ." (Kim Lân); "**Vâng**, tôi xin đi." (Nguyễn Công Hoan).

– Thành phần cảm thán: được dùng để bộc lộ cảm xúc (vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên,...) của người nói. Thành phần này thường được biểu hiện bởi các từ, tổ hợp từ có ý nghĩa cảm thán như: *a*, *ồ*, *ô hay*, *ôi*, *ôi chào*, *ơ*, *ơ kìa*, *chao ôi*, *trời ơi*,... Ví dụ: "**Ôi chào**, sớm với muộn thì có ăn thua gì." (Thạch Lam).

– Thành phần tình thái: được dùng để biểu thị cách nhìn nhận, đánh giá của người nói (người viết) đối với sự việc được nói đến trong câu. Thành phần tình thái thường được thể hiện bằng các từ: *chắc*, *có lẽ*, *dường như*, *lẽ ra*, *quả là*, *không lẽ*, *chả nhẽ*, *chừng như*, *hình như*, *may sao*, *may ra*, *nhất định*, *thật ra*,... Ví dụ: "**Hình như** tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại ..." (Ngô Tất Tố).

– Thành phần chuyển tiếp: được dùng để nêu lên một ý chuyển tiếp giữa câu chứa nó với một câu, một đoạn đứng trước hoặc sau đó. Thành phần này thường được biểu hiện bởi các từ ngữ như: *tóm lại*, *ấy thế mà*, *hơn nữa*, *ngoài ra*, *nhân đây*, *như đã nói trên*, *như vậy*, *nói cách khác*, *nói chung*, *trái lại*, *thì ra*, *trước hết*, *thứ đến*, *tiếp theo*,... Ví dụ: "**Như đã giải thích bên trên**, mưa sao băng là do những ngôi sao chổi gây ra." (Theo Hồng Nhung).

– Thành phần phụ chú: được dùng để giải thích hoặc nêu ý kiến bình luận đối với sự vật, sự việc được nói đến trong câu. Khi nói, thành phần này thường được tách biệt về ngữ điệu; khi viết, được đánh dấu bằng dấu phẩy hoặc dấu gạch ngang, dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm. Ví dụ: "Buổi mai hôm ấy, **một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh**, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp." (Thanh Tịnh).

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1 Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*(*)

LÊ TRÍ VIỄN

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.(**)

– Khi đọc văn bản nghị luận văn học, các em cần chú ý:(***)

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(**), (***) Khi đọc hiểu các văn bản khác trong Bài 9, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

+ Vấn đề chính mà văn bản đưa ra để bàn bạc, trao đổi là gì (xác định luận đề)?

+ Có những luận điểm nào được sử dụng trong văn bản?

+ Các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng góp phần làm sáng rõ cho luận đề như thế nào?

+ Quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản như thế nào?

– Đọc trước văn bản *Vẻ đẹp của bài thơ "Cảnh khuya"*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Lê Trí Viễn.

– Vận dụng những hiểu biết sau khi học bài thơ *Cảnh khuya* (Bài 7) để hiểu thêm về văn bản nghị luận này.

Lê Trí Viễn
(1919 - 2012),
quê ở Quảng Nam

2 Đọc hiểu

① Bài thơ *Cảnh khuya* nằm trong chùm thơ năm 1947 của Bác.

Tác giả đã giới thiệu bài thơ bằng cách nào?

Đêm đã khuya, núi rừng, chim muông từ lâu đã im lặng. Bản làng ở xa, cơ quan ở gần, từ lâu cũng đã ngủ yên. Đêm có trăng, sáng và mát. Gió cũng ngừng. Cây cối im lìm không động. Cảnh vật như lắng suy.

② Trên nền im lặng bao la ấy nổi bật lên một âm thanh văng vẳng mơ hồ nhưng êm dịu như một tiếng hát xa – tiếng suối:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Yếu tố nghệ thuật nào trong câu thơ đầu được tác giả đặc biệt quan tâm khi phân tích?

[...] Câu thơ vang lên những hai thứ tiếng: tiếng suối và tiếng hát. Tưởng chừng cái im lặng của cảnh khuya bị phá vỡ. Hoá ra lại không. Cũng như tiếng gõ cửa ban đêm trong thơ Giả Đảo[1], tiếng ngỗng đêm thu trong thơ Nguyễn Khuyến, tiếng suối trong đêm càng tăng thêm cái tĩnh mịch, sâu lắng của cảnh khuya.

Tiếng suối rất trong ấy văng vẳng mơ hồ như một tiếng hát từ xa vọng lại. Tiếng hát nghe xa đồng vọng, có quãng cách gạn lọc, không hay cũng hoá dịu êm. Đã nghe suối chảy thành lời hát, tiếng suối thành giọng người thì tiếng hát tất nhiên là đẹp, là hay. [...]

Nguyễn Du[2], Bạch Cư Dị[3] so tiếng đàn với tiếng suối. Thế Lữ[4] lại so tiếng hát trong với nước ngọc tuyền[5]. Những tác giả này không miêu tả trực tiếp tiếng suối.

---

(1) *Giả Đảo* (779 - 843): nhà thơ Trung Quốc, thời Đường.
(2) *Nguyễn Du* (1766 - 1820): đại thi hào của dân tộc Việt Nam.
(3) *Bạch Cư Dị* (772 - 846): một trong ba nhà thơ lớn của Trung Quốc, thời Đường.
(4) *Thế Lữ* (1907 - 1989): nhà thơ thuộc Phong trào Thơ mới của Việt Nam.
(5) *Ngọc tuyền*: suối ngọc (*tuyền*: suối).

Chỉ có Nguyễn Trãi ví tiếng suối là tiếng đàn cầm. Có lẽ đó là hình ảnh gần nhất với hình ảnh trong câu thơ này. Có thể chẳng phải là ngẫu nhiên: Nguyễn Trãi so sánh âm nhạc, Bác Hồ cũng không lạ chi lĩnh vực này. Và tiếng hát đó như một hồi âm vọng về, liên tưởng tới một giọng hát từng lưu lại trong kí ức hay là sản phẩm của trí tưởng tượng trong khoảnh khắc trời khuya. Dù sao đó vẫn là một hồi âm, một tưởng tượng mĩ lệ xứng đáng với một tâm hồn đẹp và một cảnh khuya tao nhã.

Chú ý tác dụng của việc so sánh, liên hệ trong phần ②. Tìm đọc những câu thơ liên quan đến các so sánh đó.

③ Trong không khí lắng sâu ấy của đất trời, một hình ảnh hiện lên:

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa

Ánh trăng bao phủ trùm lên cổ thụ. Ánh trăng lồng vào tán lá. Cành lá cắt ánh trăng thành những mảng trắng đen lẫn lộn, những bóng trăng và bóng cây. Hai lớp bóng ấy lại trùm lên, lồng vào khóm hoa và bóng hoa, bóng trăng, bóng cây lại in lên mặt đất. Chỉ có tối và sáng, trắng và đen loang loáng ánh bạc. Sắc màu bề ngoài mát lạnh. Mọi vật im phăng phắc. Ấy thế mà bên trong, thiên nhiên lại vận động ấm áp vô chừng. [...]

Tác giả cảm nhận vẻ đẹp của câu thơ bằng cách thức chủ yếu nào?

Nếu hai chữ *tiếng* ở câu trên chỉ làm tăng vẻ tĩnh mịch thì ở câu này, hai chữ *lồng* cũng không hề tạo ra một cử động nào cả. Không có gió, cây lá không hề rung rinh, ánh trăng trên trời trong không hề ẩn hiện. Mọi vật đứng yên không động. Các mảng tối của lá cành in hình lên nền trăng sáng, đường viền rõ mồn một như cắt.

④ Thế là hoà nhịp với âm thanh của suối cũng có hình dáng; ánh trăng, cổ thụ, khóm hoa như một bức thuỷ mặc: *Cảnh khuya như vẽ*. Đẹp mà có hồn. Tĩnh mà sâu:

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

[...] Câu thơ cắt ngang ở giữa, cái thế chạm nhau *cảnh khuya như vẽ* và *người chưa ngủ* đã bày ra nhưng không phải để đối lập người với cảnh vốn chan hoà sâu sắc như vừa thấy mà cốt cho nổi bật lên vị trí con người: dù bất kì ở đâu cũng vẫn một mực "việc làm tháng rộng ngày dài ung dung". Cho nên đây là chưa ngủ chứ không phải không ngủ, càng không phải là không ngủ được. Con người ở thế chủ động và hoàn toàn thoải mái.

Chú ý cách lí giải của tác giả về mối quan hệ giữa người và cảnh trong câu thơ.

Chưa ngủ vì mải mê với cảnh, cũng là một lí do đẹp, đó là cái chưa ngủ của nghệ sĩ. Ví thử bài thơ đến đó chấm dứt thì người đọc có quyền nghĩ rằng đó là lí do duy nhất. Nhưng không. Chưa ngủ trước có thể nguyên nhân là vậy còn chưa ngủ sau lại

là cái chính, đúng hơn, như bổ sung: chưa ngủ vì một lí do khác, lí do chiến sĩ. Con người còn thức vì những tình cảm cao sâu: *vì lo nỗi nước nhà.*

Không thể nào lầm được, con người đó phải là Bác Hồ. Đâu phải ai cũng dễ nói về những đêm không ngủ của mình là do "nỗi nước nhà". Nguyễn Trãi, thời gian đang còn tìm đường, nung nấu bao nỗi nước nhà thật sự mà chỉ nói: "Khách lí giang san chỉ thử tình"(1) và nhàu nát một chiếc gối từ khuya cho chí sáng. Còn Tú Xương, lúc lắng mình buồn não cho nước nhà thì chỉ ném vào cảnh đời một cái bực mình lẩn trốn: "Ngủ quách sự đời thây kẻ thức".

Cho nên hạ một câu: "Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà" đâu phải mọi người đều nói được. Trong khi Bác nói một cách rất tự nhiên. Cái nhẹ nhàng, hồn nhiên và giản dị ấy ai ngờ lại hiện ngay trong cách ghép của tổ hợp từ này. Ta thường nghe nói nỗi nhớ, nỗi nhà, nỗi mình, còn nỗi nước nhà thì chưa thấy đâu nói. Bởi nó tiêu biểu, nó tập hợp ở đỉnh cao nhất mọi tình cảm và mọi nghĩ suy và điều đó chỉ có Bác Hồ nói là thích hợp nhất; nhẹ nhàng, hồn nhiên nhất. Kể cả cái lo không giấu giếm gì ấy cũng chẳng làm vẩn bợn được ánh trăng sáng và tiếng suối trong ở trên. Bởi vì nó không làm xáo trộn được tâm hồn con người vĩ đại mặc dù niềm lo cho nước nhà ở năm 1947 là vô cùng to lớn, nặng nề. [...]

Trong nỗi lo dằng dặc về nước nhà, Bác tạm ngừng một phút để lắng sâu vào cảnh vật và Bác đã bắt gặp cảnh đẹp giữa rừng khuya trong khoảnh khắc dành cho trái tim nghệ sĩ của mình. Ban đầu, con người như hoà tan với thiên nhiên, chỉ có cảnh vật lắng sâu trong im lặng và vẻ đẹp xôn xao ngầm ngầm của nó. Đến cuối, hình ảnh con người cũng lắng sâu trong suy tư về nỗi nước niềm nhà mới hiện lên với vẻ đẹp của một tâm hồn cao cả, rạng ngời giữa cảnh đẹp mênh mông của trời đất.

⑤ Thiên nhiên và con người, cảnh đẹp và niềm lo, nghệ sĩ và chiến sĩ, truyền thống và hiện đại, lãng mạn và hiện thực, bình thường và siêu việt(2), giản dị và vĩ đại,... tất cả đều nhịp nhàng trong một sự hài hoà, một thế cân bằng tuyệt đỉnh.

Tác giả đã nhấn mạnh điều gì ở phần ⑤?

Luyện cho cái thế cân bằng ấy thành tác phong con người kể đã khó. Nhưng trong lúc cuộc kháng chiến còn chồng chất gian nan như năm 1947 mà nhìn ra ngay trong ấy những cái đẹp, cái vui, giữa tiếng bom đạn mà nghe ra tiếng suối, giữa mông lung lo nghĩ mà thấy sáng ánh trăng, nhìn ra những điểm thức trong cảnh ngủ, thấy mầm mống của cái mới đang sinh thành giữa bao la cái cũ,... thì đó thật là một vị

(1) Dịch nghĩa: Nơi giang sơn đất khách chỉ đeo đẳng mối tình này; dịch thơ: "Chút tình dặm khách gửi vào núi sông" (Huy Cận dịch).
(2) *Siêu việt*: vượt lên cái bình thường (gần nghĩa với *phi thường*).

thuốc trường sinh của con người cách mạng. Ở bài thơ này cũng như ở bao bài thơ khác của Người đã in đậm phong cách thơ Hồ Chí Minh.

(Theo *Đến với thơ hay*, NXB Giáo dục, 1997)

1. Văn bản *Vẻ đẹp của bài thơ "Cảnh khuya"* bàn về vấn đề gì? Dựa vào đâu để em có thể nhận ra nhanh nhất điều này?

2. Bài thơ *Cảnh khuya* được tác giả Lê Trí Viễn phân tích theo trình tự nào? Nêu tác dụng của việc phân tích theo trình tự đó.

3. Đọc kĩ các phần của văn bản và thực hiện những yêu cầu sau:

a) Xác định nội dung chính của mỗi phần. Tính lô gích giữa các phần được thể hiện như thế nào?

b) Chỉ ra một ví dụ thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa nội dung chính của một phần với lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong phần ấy.

c) Nêu một điểm chung về thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản.

4. Theo em, tác giả đã thành công như thế nào trong việc phân tích các yếu tố nghệ thuật để làm nổi bật nội dung của bài thơ?

5. Một trong những cách bình luận thơ là so sánh sự thể hiện của tác giả này với tác giả khác về cùng một vấn đề. Em hãy nêu nhận xét về tác dụng của cách bình luận đó trong phần ② văn bản *Vẻ đẹp của bài thơ "Cảnh khuya"*.

6. Cảm nhận của em về bài thơ *Cảnh khuya* tại thời điểm trước và sau khi học văn bản nghị luận này có gì khác nhau? Chỉ ra nguyên nhân tạo nên sự khác biệt ấy.

2 Chiều sâu của truyện *Lão Hạc*

VĂN GIÁ(*)

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Chiều sâu của truyện "Lão Hạc"*, tìm hiểu thêm những bài viết về tác phẩm *Lão Hạc*.

– Liên hệ với những hiểu biết của em sau khi học truyện *Lão Hạc* (Bài 6) để hiểu thêm văn bản nghị luận này.

2 Đọc hiểu

① Truyện lấy tên là *Lão Hạc*, những tưởng tác giả chỉ việc trình lên mặt giấy "biên niên sử"(1) dày dặn của lão một cách thật khách quan để tự hình tượng ấy sẽ nói cho người đọc những gì cần nói là xong (đó cũng là cách thường gặp). Nhưng đọc truyện, ta thấy phần để cho lão Hạc tự ăn nói, suy nghĩ, hoạt động ít hơn nhiều so với phần hoạt động, suy nghĩ, ăn nói của ông giáo – nhân vật "tôi" – người kể chuyện. Thế mà thân phận lão Hạc lại rõ mồn một, nhức nhối như cứa vào tâm can độc giả. Tại sao? Lại nữa, bảo là ẩn ý, biểu tượng, ám dụ,... gì cho cam, đằng này tác giả để cho mọi cảnh huống, tình tiết, tâm trạng cứ lồ lộ ra hết, chẳng giấu giếm, thách đố, lắt léo ở chỗ nào. Nhưng sao mỗi khi đọc truyện ta vẫn thấy hấp dẫn, cảm động, vẫn thấy dường như có điều gì chưa hiểu hết? Ai cũng biết câu chuyện chứa đựng một lời tố khổ cho người nông dân, một lời tố cáo thực trạng xã hội, một lời bàn về thái độ và cách nhìn con người; và (tuy điều này không phải ai cũng nhận ra song không khó lắm) vấn đề nhân cách con người – *bảo toàn nhân cách và cái giá phải trả cho nó* trong xã hội cũ. Hẳn là muốn xoay vần tác phẩm đến thế nào đi nữa thì ý nghĩa xã hội, nhân sinh của tác phẩm có lẽ cũng chỉ có bấy nhiêu thôi.

Chú ý cách tác giả dẫn dắt đến vấn đề nghị luận.

Vậy thì cái hay của truyện là ở chỗ nào? Đâu là chỗ mà tài năng nghệ thuật của Nam Cao được thi thố? Tôi nghiệm ra rằng tác phẩm này có hai điểm mà tác giả dụng công nhiều nhất: *Một*, ông đã đưa hoạt động giao tiếp (câu chuyện giữa ông giáo và lão Hạc qua hai lần gặp gỡ) trở thành đối tượng nhận thức và mô tả trực tiếp. *Hai*, thông qua nội dung các cuộc trò chuyện ấy, tác giả đã gián tiếp thể hiện một tình thế lựa chọn của lão Hạc (lựa chọn giữa *cái sống* và *cái chết* cùng những hệ luỵ của chúng).

Việc đặt ra những câu hỏi ở đây nhằm mục đích gì?

② Như chúng ta thấy, Nam Cao chỉ để cho lão Hạc tiếp xúc với ông giáo cả thảy hai lần – lần một đến thăm, trò chuyện, bộc lộ ý định bán chó; lần hai, ngay hôm sau khi bán chó, lão đến để gửi vườn và tiền. Toàn bộ câu chuyện là do nhân vật "tôi" – ông giáo kể lại hai lần gặp gỡ chủ yếu của mình với lão Hạc, ngoài ra còn hai lần khác nữa: lần nói chuyện với vợ và lần nói chuyện với Binh Tư.

Xác định mối quan hệ giữa vấn đề nghị luận và việc tác giả điểm lại các cuộc trò chuyện trong tác phẩm *Lão Hạc*.

(*) Tác giả Văn Giá sinh năm 1959, quê ở Bắc Giang.

(1) *Biên niên sử*: ghi chép toàn bộ sự kiện, biến cố xảy ra trong một khoảng thời gian dài.

Như vậy, hầu như từ đầu đến cuối truyện toàn thấy *các cuộc trò chuyện* mà thôi. Nếu không cao tay, truyện sẽ trở nên đơn điệu, xuôi chiều, có nguy cơ nhạt nhẽo. Lựa chọn như vậy, Nam Cao khắc phục bằng cách nào? Đã trò chuyện thì ắt phải có nội dung, đương nhiên nội dung là quan trọng, nó cho ta biết có những chuyện gì trong đó. Song ở điểm này, Nam Cao dường như cho phơi bày ra hết, không giấu giếm, không nửa vời. Nhưng không chỉ có thế, có lẽ cái quan trọng hơn đối với tác giả là *cách thức trò chuyện* giữa hai người (bộc lộ qua điệu bộ, cử chỉ, giọng điệu, sự ngắt quãng, tâm thế người nói và tâm thế người nghe,...). Cả hai lần trò chuyện, ta thấy lão Hạc là người trong tâm thế của kẻ đi nhờ cậy cho nên lão nhẩn nha, rề rà, vừa nói vừa nghĩ, vừa nghe ngóng, vừa băn khoăn thăm dò xem hiệu quả lời nói của mình đối với người nghe như thế nào,... Còn ông giáo – người nghe, vừa nghe, đánh giá, liên tưởng về thân phận mình, vừa cố nhận biết cho được những ý nghĩ thực của lão Hạc, vừa điều chỉnh những đánh giá của mình sao cho đúng đắn. Chính qua cái cách thức trò chuyện này, các nhân vật cứ dần dần lộ ra mỗi lúc một rõ nét những suy tư nội tâm của mình: một bên là người già cả đầy âu lo, toan tính một cách tội nghiệp theo tinh thần khắc kỉ[1] và lòng bác ái Cơ đốc giáo[2], một bên là người biết lắng nghe, lòng đầy cảm thương, chia sẻ, muốn an ủi, vỗ về,... Cách thức trò chuyện đã ẩn tàng nhiều ý nghĩa sâu xa hơn là bản thân những lời trò chuyện. Vậy là không cần hành động, không cần biến cố (hai yếu tố này đã bị thiểu giảm tới mức tối đa), tác giả để cho tính cách nhân vật hiện lên qua hai cuộc trò chuyện, nhờ vào đó để triển khai tâm tưởng bề sâu của nhân vật. Chân dung nhân vật như móc vào tâm trí người đọc. Đây cũng là một ưu thế của cây bút Nam Cao.

Điều mà người viết phát hiện ra phía sau "cách thức trò chuyện" là những gì?

Về phần cuối truyện, tác giả đặt nhân vật vào hai toạ độ nhìn khác: vợ ông giáo và Binh Tư. Trò chuyện với vợ, ông giáo nghiền ngẫm triết lí về việc nhìn nhận và đánh giá người đời. Trò chuyện với Binh Tư, ông giáo từ sửng sốt chuyển sang thất vọng về lão Hạc. Ở chỗ này, Nam Cao thật cao tay – ông đưa ra một sự hiểu lầm bất ngờ, để rồi cũng bằng cách bất ngờ nhất, ông "lật tẩy" sự việc, làm cho người đọc thoả mãn trong sự hiểu biết trọn vẹn: lão Hạc vẫn vẹn nguyên trong sạch đến lúc chết! Giấu đến tận cùng số phận nhân vật, thỉnh thoảng hé mở vài cảnh huống[3] gây sự hiểu lầm,

Chú ý những câu thể hiện sự đánh giá của người viết đối với nhà văn Nam Cao.

(1) *Khắc kỉ*: kiềm chế ham muốn, gò mình theo một khuôn khổ đạo đức.
(2) *Lòng bác ái Cơ đốc giáo*: ở đây muốn nói đến tình yêu thương của con người trong mối liên hệ với Chúa.
(3) *Cảnh huống*: tình huống.

rồi cuối cùng giải toả sự hiểu lầm ấy là một thành công đặc sắc của nghệ thuật tự sự Nam Cao ở truyện này. Đây là một thủ pháp tự sự đã áp dụng một cách tinh tế, xử lí thật điệu nghệ và cũng thật hiện đại so với truyền thống.

Chú ý cách trích dẫn, phân tích bằng chứng của người viết.

Từ những "điểm nhìn tự sự", người viết khẳng định điều gì?

Nếu để ý kĩ, ta nhận thấy ở phần đầu truyện có một đoạn người kể chuyện vốn là "tôi" – ông giáo – bị thay thế bằng chính tác giả. Ông không nhờ vai người kể chuyện nữa, mà nhập thẳng vào đời sống của lão Hạc (đoạn miêu tả lão ngồi uống rượu cưng nựng cậu Vàng). Đây là một "pha" tác giả soi quét cái nhìn trần thuật của mình vào đời sống hoạt động và tâm tưởng của lão Hạc. Nhờ thế, cùng cộng lực với các đường nét từ cái nhìn của người kể chuyện, thao tác này đã góp phần tạo dựng nên chân dung lão Hạc phong phú, sắc nét và có chiều sâu hơn. Vậy là chao đảo đi qua bốn điểm nhìn tự sự – tác giả, ông giáo, vợ ông giáo và Binh Tư – nhân vật lão Hạc từ xa lạ trở nên gần gũi, thân mật, sau đó lại bị ghét bỏ, bị hiểu lầm rồi cuối cùng được hiểu đúng và thân thương hơn, đau xót hơn. Cái nhìn từ tấm lòng tác giả là mạch chủ đạo, chi phối và liên kết các điểm nhìn khác.

Luận điểm được trình bày ở phần ③ là gì?

③ Từ việc miêu tả hoạt động giao tiếp của các nhân vật, tác giả đã gián tiếp đưa ra một *tình thế lựa chọn* của lão Hạc mà các dấu hiệu của nó đã được chuẩn bị ngay từ đầu. Đó là việc giải quyết *cái sống* và *cái chết*: sống liệu có giữ được mảnh vườn cho con mà vẫn có cái để cho vào miệng hay không (còn bán mất mảnh vườn sẽ là một trọng tội không thể tha thứ được trong lương tâm của lão đối với người vợ đã khuất và đứa con đang ở xa); hay là chết thì sẽ giữ được mảnh vườn, lương tâm yên ổn; nhưng chết phải chết như thế nào, chuẩn bị cho cái chết ra sao?... Cuối cùng, lão lựa chọn cái chết, đầu tiên lão để cho cậu Vàng chết trước. Sau đó mới đến lão. Lão âm thầm, tỉ mẩn chuẩn bị, dọn dẹp cho mình một con đường sạch sẽ, chu tất để bước đến nhà mồ (lão nhờ ông giáo giữ vườn khỏi bị ai tranh chiếm, nhòm ngó; nhờ ông cầm ba mươi đồng để cậy bà con lo ma cho lão). Lão đã chọn một cái *chết trong* còn hơn phải *sống khổ*, *sống nhục*. Lão đã chết một cách cao ngạo và thảm khốc. Chỉ có bằng cách này, lão mới khỏi phạm vào *mảnh đất thiêng* dành cho con lão và mới có thể chấm dứt kiếp sống héo úa, lay lắt của mình. Tội nghiệp cho lão, chắc hẳn lão nung nấu ý định chết từ lâu rồi, từ cái ngày đầu sang nói chuyện bán cậu Vàng với ông giáo, rõ nhất là cái hôm lão sang gửi vườn và tiền. Chả thế mà câu chuyện của lão rề rà, vòng vo, nặng nhọc, nhức nhối một điều gì đó thật khó nói; tâm can lão bị đè nặng bởi ý định tự tử mà lão muốn giấu. Lão đã làm tất cả những gì có thể làm được trước khi đi đến cái chết, tuy lặng lẽ, âm thầm mà thật dữ

dội, quyết liệt... Thương thay! *Để bảo toàn nhân cách của mình, không có con đường nào khác là phải chủ động tìm đến cái chết*. Không chỉ là một cái chết mà là hai: cậu Vàng – bạn tinh thần của lão – và chính lão. Mà chết để làm gì, nếu không phải là để *cấy cái sống* cho tiền đồ của đứa con chưa báo hiệu điều gì hứa hẹn! Đó là một lựa chọn tột cùng đau đớn của thân phận con người. Ý nghĩa câu chuyện chủ yếu được phát sáng từ điểm then chốt này.

④ Nói chung, truyện của Nam Cao không phải là loại truyện giản đơn trong cấu tứ, dựng truyện và triển khai mạch truyện; thậm chí không phải là dễ hiểu ngay được các tầng nghĩa nổi chìm trong đó (mặc dù chúng khoác một vẻ ngoài hết sức giản dị, thậm chí trần trụi – có lẽ nhờ đội quân ngôn ngữ lấm láp, quẫy đạp của ông). Thế nhưng truyện *Lão Hạc* thật tự nhiên, dung dị, hấp dẫn và mênh mông buồn. Tài nghệ và tấm lòng của nhà văn Nam Cao một lần nữa, ở đây, lại được kí thác hết mình.

Có thể xem phần ④ là kết bài không? Vì sao?

(*Nhà văn và tác phẩm trong trường phổ thông*, NXB Giáo dục, 1997)

1. Dựa vào nhan đề và bố cục của văn bản, hãy chỉ ra vấn đề nghị luận và các luận điểm được triển khai trong văn bản.

2. Đọc kĩ phần ② của văn bản và trả lời các câu hỏi sau (có thể dùng lời văn, bảng biểu hay sơ đồ tư duy):

a) Luận điểm của phần này có mối quan hệ như thế nào với vấn đề nghị luận (luận đề)?

b) Xác định lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ luận điểm.

c) Nhận xét về cách trích dẫn và phân tích bằng chứng của người viết.

3. Luận điểm được trình bày trong phần ③ góp phần làm sáng tỏ luận đề như thế nào? Nhận xét về cách lập luận được sử dụng trong phần này.

4. Phần ④ khái quát điều gì? Vấn đề nghị luận được khẳng định như thế nào?

5. Trình tự phân tích truyện ngắn *Lão Hạc* trong văn bản này có giống với trình tự phân tích bài thơ *Cảnh khuya* trong văn bản *Vẻ đẹp của bài thơ "Cảnh khuya"* không? Hãy nêu một số biểu hiện cụ thể.

6. Văn bản này giúp em hiểu thêm truyện ngắn *Lão Hạc* đã học như thế nào?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm thành phần gọi – đáp, thành phần cảm thán trong các câu dưới đây. Nêu ý nghĩa của mỗi thành phần đó.

a) *Ơ, bác vẽ cháu thật ư?* (Nguyễn Thành Long)

b) *Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn.* (Ngô Tất Tố)

c) *Thưa ông, chúng cháu ở Gia Lâm lên đấy ạ.* (Kim Lân)

d) *Trời ơi, chỉ còn năm phút.* (Nguyễn Thành Long)

2. Tìm thành phần phụ chú trong những câu dưới đây. Dấu hiệu hình thức nào giúp em nhận biết thành phần đó? Các thành phần phụ chú đó được dùng làm gì?

a) *Trên nền im lặng bao la ấy nổi bật lên một âm thanh văng vẳng mơ hồ nhưng êm dịu như một tiếng hát xa – tiếng suối...* (Lê Trí Viễn)

b) *Câu thơ vang lên những hai thứ tiếng: tiếng suối và tiếng hát.* (Lê Trí Viễn)

c) *Vậy là không cần hành động, không cần biến cố (hai yếu tố này bị giảm thiểu đến mức tối đa), tác giả đã để cho tính cách nhân vật thể hiện qua hai cuộc trò chuyện, nhờ vào đó để triển khai tâm tưởng bề sâu của nhân vật.* (Văn Giá)

3. Tìm thành phần chuyển tiếp, thành phần tình thái trong những câu dưới đây. Chỉ ra ý nghĩa, tác dụng của mỗi thành phần đó.

a) *May ra có lẽ mợ không mắng đâu.* (Thạch Lam)

b) *Vậy biến đổi khí hậu liên quan thế nào đến nước biển dâng? Trước hết, do nhiệt độ tăng cao, các khối băng tuyết từ Bắc Cực, Nam Cực và các đỉnh núi cao tan ra, chảy ra biển.* [...] *Thứ đến, nước dâng do hiện tượng giãn nở nhiệt của nước biển.* (Lưu Quang Hưng)

c) *Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói.* (Ngô Tất Tố)

d) *Sơn biết lũ trẻ con các gia đình ấy chắc bây giờ đương đợi mình ở cuối chợ để đánh khăng đánh đáo.* (Thạch Lam)

e) *Trong tầm quan sát của Trần Tế Xương, tất cả mọi vấn đề liên quan đến thi cử đều bị "biến dạng" trong mối quan hệ giữa danh và thực, tài và lực, giữa cái cũ lạc hậu nhưng chưa tiêu tan và cái mới vẫn chưa thắng thế. Nói cách khác, thơ Trần Tế Xương đã hoán cải ngay cả những bi kịch thi cử và thất vọng cá nhân thành một chuỗi cười dài.* (Nguyễn Hữu Sơn)

4. Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) trình bày suy nghĩ của em về một tác phẩm văn học đã học hoặc đã đọc, trong đó có sử dụng ít nhất một thành phần tình thái và một thành phần phụ chú. Chỉ ra thành phần tình thái và thành phần phụ chú được sử dụng trong đoạn văn đã viết.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh

(Về bài thơ *Nắng mới* của Lưu Trọng Lư)

LÊ QUANG HƯNG(*)

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh (Về bài thơ "Nắng mới" của Lưu Trọng Lư)*, tìm hiểu thêm những văn bản nghị luận viết về tác phẩm *Nắng mới*.

– Vận dụng những tri thức đã có sau khi học bài thơ *Nắng mới* ở Bài 2 (*Ngữ văn 8*, tập một) để hiểu thêm về nội dung của văn bản nghị luận này.

2 Đọc hiểu

Chú ý cách dẫn dắt, giới thiệu về tác giả, tác phẩm.

① Nói đến Lưu Trọng Lư thời kì trước Cách mạng tháng Tám, chúng ta nhớ ngay tới thi sĩ của mộng sầu man mác. Mọi cảnh vật, con người qua hồn thơ Lưu Trọng Lư bỗng trở nên mờ ảo, xa xôi, lúc ẩn lúc hiện, không sắc nét, không hình khối rõ ràng. Là tiếng nói chập chờn từ cõi mộng sầu, thơ Lưu Trọng Lư mang vẻ đẹp hư huyền. Song thật kì lạ: Mộng mà rất thực. Mộng nhưng vẫn đời. Đó là điểm đáng yêu ở con người này, ở tiếng thơ này. Con người ấy mộng sầu một cách thành thực, giãi bày một cách hồn nhiên nên thơ cũng thành thực một cách khác thường. Thơ Lưu Trọng Lư hấp dẫn người đọc vừa bằng vẻ đẹp của mộng vừa bằng sự chân thành của cảm xúc. Trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh đã bộc lộ thành thực một tâm trạng: "... Dẫu có ưa thơ người này hay người khác, mỗi lúc buồn đến, tôi lại trở về với Lưu Trọng Lư. Có những bài thơ cứ vương vấn trong trí tôi hàng tháng, lúc nào cũng như văng vẳng bên tai. Bởi vì thơ Lư nhiều bài thực không phải là thơ, nghĩa là công trình nghệ thuật, mà chính tiếng lòng thổn thức cùng hoà theo tiếng thổn thức của lòng ta.".

(*) Tác giả Lê Quang Hưng sinh năm 1956, quê ở Hà Tĩnh.

Nắng mới chắc hẳn là một trong những trường hợp tiêu biểu nhất cho đặc điểm của hồn thơ Lưu Trọng Lư.

② Đối với mỗi con người, tình mẫu tử có lẽ là một trong những tình cảm thiêng liêng mà gần gũi nhất. Bao kỉ niệm tươi vui hoặc đau buồn của tình cảm ấy không ít khi làm cho ta thổn thức. *Nắng mới* đã rọi vào cái tình cảm muôn thuở mà bao giờ cũng mới mẻ. Bài thơ có chất mộng của hoài niệm, của tâm trạng "chập chờn sống lại" nhưng rất thành thực, thành thực đến mức kì lạ. *Nắng mới* đã hội tụ được những vẻ đẹp nơi tâm hồn thơ Lưu Trọng Lư: thành thực phiêu lưu trong cõi mộng, cứ để lòng mình tràn lan trên mặt giấy.

Người viết đã bàn về những yếu tố nào của bài thơ ở phần ②?

Bài thơ được cấu tứ theo một mô típ khá "cổ điển": từ hiện tại nhớ về dĩ vãng xa xưa, từ một hình ảnh hiện hữu liên tưởng đến hình ảnh tương đồng trong quá khứ. Kể cũng lạ: một tay tranh luận nhiệt thành, một nhà diễn thuyết hùng hồn từng hăng hái cổ vũ cho Thơ mới lại khá chừng mực. Chàng thanh niên có khi dõng dạc, to tiếng (đến hơi quá đáng) ấy lại hay mơ màng trong bao vần thơ êm ái ru ta về quá khứ xa xưa với những không gian huyền diệu.

③ Hai chữ "nắng mới" vừa ghi nhận một thời điểm đặc biệt trên dòng chảy thời gian vừa diễn tả không gian. Cái nắng đầu mùa, mỗi năm chỉ có một lần, báo hiệu đã hết những tháng ngày lạnh ẩm. Thời điểm ấy, trong cuộc đời mỗi con người, cuộc sống một gia đình, dễ nhớ kĩ, nhớ sâu lắm. Bởi nó gắn với sự bừng nở, sự rộng rãi, phơi phong. Nỗi nhớ của Lưu Trọng Lư cũng được gợi lên từ đó. Song có một điều lạ: Nắng mới lúc này sao mà buồn, mà mung lung đến thế. Nói khác đi, ngay khi đặt bút viết *Nắng mới*, thi sĩ đã chập chờn sống trong cõi mộng:

Mỗi lần nắng mới hắt bên song,
Xao xác, gà trưa gáy não nùng,
Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng,
Chập chờn sống lại những ngày không.

Chú ý cách người viết phân tích khổ thơ thứ nhất (trích bằng chứng, cảm nhận, bình luận).

Ai từng ở làng quê mới thấy những trưa hè tĩnh lặng, trống vắng đến dường nào. Cái động của tiếng gà trưa xao xác chỉ thêm rõ cái tĩnh, vẻ mông lung mà thôi. Các từ láy "xao xác", "não nùng", "chập chờn" gợi một nỗi buồn nhẹ mà thấm, một tâm trạng quạnh hiu, xa vắng. "Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng" – nhịp điệu thơ trôi nhẹ như ru hồn về một thời xa xăm. Chữ "ngày không" đầy sức gợi. Nó tương tự như "chiều thưa" trong "Hoa lạnh chiều thưa sương xuống dần" ở bài *Thơ duyên* của Xuân Diệu. Phải chăng đó là những ngày vắng lặng, đơn điệu, chẳng có sự kiện gì đáng nhớ. Mà chính vì thế, hình dáng, việc làm của người mẹ ở những "ngày không" càng ám ảnh đứa con đa cảm. "Mỗi lần" lại nhắc nhớ "mỗi lần". Nói là "chập chờn sống lại" nhưng người con nhớ rõ lắm. Nhớ tiếng reo của nắng mới tưng bừng ngoài nội. Nhớ màu áo mẹ từng đưa phơi trước giậu:

Tôi nhớ me tôi, thuở thiếu thời
Lúc người còn sống, tôi lên mười;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ người đưa trước giậu phơi.

Nội dung của các phần ③ và ④ đã làm rõ cho nhan đề của văn bản như thế nào?

Cái nắng mới của hoài niệm này nao nức, tươi vui bởi gắn với một cậu bé lên mười, với một người mẹ chăm chút, hiền dịu. Màu đỏ của chiếc áo trong tiếng nắng reo làm cho câu thơ sáng hơn, ấm nóng hơn. Có lẽ cũng nhờ màu đỏ ấy mà việc phơi áo của mẹ trở thành một điểm son trong nỗi nhớ về tuổi thơ.

Từ "nắng mới hắt bên song" nhớ "nắng mới reo ngoài nội", nhớ người mẹ phơi áo trước giậu. Cứ thế, nỗi nhớ ngày một thành hình, ngày một rõ hơn.

④ Sang khổ thơ cuối, cảnh và tình mới thật quấn quyện, mới thật là "thi trung hữu hoạ":

Hình dáng me tôi chửa xoá mờ
Vẫn còn mường tượng lúc vào ra:
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè trước giậu thưa.

Dáng vào ra của người mẹ như đang hiện lên rõ rệt trong tâm tưởng đứa con đa cảm. Chi tiết gây ấn tượng nhất trong *Nắng mới* là "nét cười đen nhánh" của người mẹ. Không phải "miệng" cười hay "nụ" cười mà là "nét". Lại "đen nhánh"! Hình ảnh thơ bỗng sắc, bỗng lấp lánh hơn. Nét cười ấy lại thêm sáng, thêm duyên khi thấp thoáng "sau tay áo". Chính vì thấp thoáng thế mà nó càng đáng nhớ, càng được nhớ lâu, nhớ mãi. Sau này, tâm hồn thi sĩ, ngòi bút tài hoa của Hoàng Cầm cũng khiến ta chẳng thể nào quên nụ cười của những cô gái miền quê Kinh Bắc:

Những cô hàng xén răng đen
Cười như mùa thu toả nắng

(*Bên kia sông Đuống*, 1948)

Với Lưu Trọng Lư, khuôn mặt, nét cười đáng kính, đáng yêu của người mẹ cứ thấp thoáng trong một không gian ấy thôi: "Trong ánh trưa hè trước giậu thưa". "Nắng mới" và "giậu thưa" quả là đã thành một thời gian - không gian nghệ thuật ám ảnh không tách rời hình ảnh người mẹ... Có thể nói, mẹ là tâm điểm của nỗi nhớ về tuổi thơ trong nắng mới, là nét son trong "những ngày không" đi suốt cuộc đời với nhà thơ.

⑤ Nhớ mẹ luôn là tình cảm thiêng liêng mà gần gũi ở những người con hiếu nghĩa, đa cảm. Đọc *Nắng mới*, tôi lại nghĩ về nỗi nhớ người mẹ trong bài thơ *Chiếc rổ may* của Tế Hanh. Khi xa quê nhà, xa mẹ, tác giả nhớ về: "... chiếc rổ mùi thơm cũ / Như tấm lòng thơm của mẹ tôi" mà khiến lòng cảm thương không nguôi; nhớ bàn tay tảo tần của mẹ: "Lặng lẽ bàn tay lặng lẽ đưa / Đắp từng miếng vá ấm con thơ".

Xem xét dụng ý và cách liên hệ, so sánh của người viết.

Một đằng nhớ mẹ trong tình cảnh cách xa, một đằng nhớ mẹ nay không còn nữa nhưng đều là người mẹ hiền dịu, tươi tắn tình thương, đều là những người con tình nghĩa đa sầu, đa cảm.

⑥ *Nắng mới* là một bài thơ hết sức thành thực của một tâm hồn giàu mơ mộng. Lưu Trọng Lư đã thả hồn mộng đi tận hết cõi lòng để trở về với những hồi ức thấm thía. Bài thơ có cấu tứ đơn giản với không nhiều hình ảnh nhưng hình ảnh nào cũng sinh động, cũng rất có hồn. Chính vì thế, *Nắng mới* gợi niềm đồng vọng sâu xa ở nhiều tâm hồn bạn đọc. Nó đã chạm tới một trong những tình cảm thiêng liêng, ấm cúng nhất trong mỗi con người.

Phần ⑥ đã khái quát vấn đề nghị luận như thế nào?

(Theo *Đến với tác phẩm văn chương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007)

1. Vấn đề nghị luận của bài viết là gì? Những yếu tố nào giúp người đọc có thể xác định nhanh vấn đề nghị luận?

2. Hệ thống luận điểm của bài viết được triển khai như thế nào? (Chú ý tới nhan đề, bố cục bài viết, lí lẽ, bằng chứng được sử dụng cho từng luận điểm).

3. Những nhận xét sau đây nói về cách thức thể hiện của văn bản là đúng hay sai? Vì sao?

a) Bố cục văn bản mạch lạc, lô gích, giúp cho người đọc tiện theo dõi.

b) Bằng chứng được trích dẫn đầy đủ, phân tích toàn diện cả về nội dung (ngữ nghĩa, thông điệp) và cách thức thể hiện (hình ảnh, từ ngữ, giọng điệu).

c) Có so sánh, liên hệ, mở rộng với tác giả khác viết về cùng đề tài để nhấn mạnh giá trị tư tưởng của tác phẩm.

d) Sử dụng đa dạng các phép tu từ tạo nên cách diễn đạt độc đáo, giàu tính biểu cảm cho văn bản.

4. So với thời điểm trước khi đọc văn bản nghị luận này, em đã có thêm hiểu biết gì về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ *Nắng mới*?

5. Hãy nêu đoạn văn mà em thích nhất trong bài nghị luận văn học này và trình bày lí do yêu thích.

VIẾT

Viết bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học

1 Định hướng

1.1. Khi phân tích tác phẩm văn học, trước hết, cần xác định thể loại của tác phẩm đó (truyện, thơ, kí, kịch) để vận dụng những tri thức về thể loại trong việc phân tích tác phẩm. Trong Bài 6, các em đã học cách phân tích một tác phẩm truyện; trong Bài 7 đã học cách phân tích một tác phẩm thơ; bài này tập trung hướng dẫn các em cách phân tích một tác phẩm hài kịch hoặc một truyện cười.

Đối tượng phân tích có thể là toàn bộ tác phẩm hoặc một phần của tác phẩm; cần chú ý phân tích cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật; chỉ ra được tác dụng của các yếu tố hình thức nghệ thuật (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng,...) trong việc biểu đạt nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa; tình cảm, thái độ của tác giả,...).

1.2. Để viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm hài kịch hoặc truyện cười, các em cần chú ý:

– Xác định rõ yêu cầu nghị luận (nếu là bài làm theo đề đã cho thì yêu cầu này được thể hiện ở đề bài).

– Đọc lại tác phẩm hài kịch hoặc truyện cười là đối tượng phân tích.

– Xác định vấn đề cụ thể (nội dung, hình thức) mà bài viết sẽ tập trung làm sáng rõ.

– Thực hiện các bước theo quy trình viết bài văn nghị luận.

– Chú ý lựa chọn, sử dụng bằng chứng trong tác phẩm để lí giải, phân tích, đưa ra nhận xét, góp phần khẳng định giá trị của tác phẩm.

– Bài viết cần tránh việc chỉ kể lại đơn thuần nội dung hay nhận xét về giá trị nội dung, nghệ thuật một cách chung chung, thiếu thuyết phục.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Đề bài: *Phân tích đoạn trích "Đổi tên cho xã" (từ vở kịch "Bệnh sĩ" của Lưu Quang Vũ).*

a) Chuẩn bị

– Đọc lại đoạn trích *Đổi tên cho xã*, huy động những hiểu biết có được sau khi học đọc hiểu văn bản ở Bài 4.

– Xác định các yếu tố nội dung và hình thức nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích để tập trung làm sáng rõ khi phân tích.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết theo cách đặt và trả lời các câu hỏi:

+ Tình huống của đoạn trích là gì? Có những nhân vật nào?

+ Các nhân vật có đặc điểm gì, đại diện cho kiểu người nào?

+ Hành động và lời thoại của các nhân vật được khắc hoạ ra sao?

+ Có những chi tiết vô lí, gây cười nào thể hiện tính kịch của đoạn trích?

+ Có những xung đột nào trong đoạn trích? Kết quả giải quyết là gì?

+ Em có nhận xét gì về giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích?

– Lập dàn ý theo ba phần của bài văn. Chú ý: Đây là dạng bài phân tích, đánh giá một đoạn trích kịch. Có thể tham khảo thêm cách lập dàn ý bài phân tích một tác phẩm văn học (truyện) ở Bài 6 và dựa vào gợi ý sau:

Mở bài	Giới thiệu đoạn trích *Đổi tên cho xã* (xuất xứ, vị trí, thể loại, tác giả); nêu ấn tượng, cảm nhận chung về đoạn trích.
Thân bài	+ Khái quát nội dung đoạn trích và nêu tình huống kịch. + Lí giải về xung đột và việc giải quyết xung đột thể hiện trong đoạn trích. + Phân tích đặc điểm tiêu biểu của một số nhân vật, qua đó, thấy được ý nghĩa của đoạn trích.
Kết bài	Nhận xét về giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; rút ra những bài học về nhận thức và hành động cho bản thân.

c) Viết

– Dựa vào dàn ý đã làm để viết bài văn hoàn chỉnh.

– Lưu ý:

+ Khi viết, chú ý kết hợp các thao tác nghị luận: phân tích, giải thích, chứng minh, bình luận.

+ Cần bám sát vào các đặc trưng của thể loại hài kịch (đã cung cấp trong phần *Kiến thức ngữ văn* ở Bài 4) để phân tích đoạn trích.

+ Lựa chọn, sử dụng ngôn từ giàu hình ảnh, cảm xúc.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Viết*, mục d (trang 28); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kĩ năng nêu lí lẽ và bằng chứng trong phân tích tác phẩm văn học

a) Cách thức

Lí lẽ trong bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học là những căn cứ, những lí do xác đáng gắn với nội dung phân tích mà người viết cần nêu lên để làm sáng tỏ cho luận điểm.

Bằng chứng trong bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học là những bằng chứng (câu văn, câu thơ, hình ảnh, chi tiết, sự việc,...) được trích trực tiếp hoặc gián tiếp để củng cố, chứng minh cho lí lẽ và góp phần khẳng định tính đúng đắn của luận điểm. Đây là điểm khác với bằng chứng trong bài nghị luận xã hội (thường là các ví dụ về con người, sự việc, số liệu, kết quả nghiên cứu,... trong thực tiễn).

Đối với bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học (nhất là các tác phẩm dài như truyện, kịch, kí), bằng chứng cần được chọn lọc để vừa tiêu biểu vừa phù hợp với lí lẽ và luận điểm, không nên trích dẫn tràn lan.

Bằng chứng sau khi trích phải được phân tích, lí giải, bình luận nhằm làm sáng tỏ luận điểm, củng cố cho tính đúng đắn của lí lẽ đã nêu.

b) Bài tập

Chỉ ra luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và cách phân tích bằng chứng được sử dụng trong đoạn văn sau:

Nhân vật để lại ấn tượng nổi bật trong đoạn trích kịch *Đổi tên cho xã* là ông Nha – Chủ tịch xã, một điển hình tiêu biểu cho kiểu người háo danh, sĩ diện. Là con người, ai cũng có những mong muốn, những kì vọng nhưng nếu những mong muốn không xuất phát từ thực tế sẽ chỉ là ảo tưởng, cố theo đuổi bằng được ảo tưởng đó và tìm cách huyễn hoặc mình thì chẳng khác nào lừa người, lừa mình. Chỉ vì thay đổi cái tên của xã (theo ý chủ quan, cá nhân) mà ông Chủ tịch xã tuyên bố rằng "lịch sử xã ta mở sang một trang mới", "chấm dứt cái tên nôm na ... của một quá khứ tối tăm, nghèo khổ" để "bước vào thời kì mới, thời kì Hùng Tâm giàu mạnh, hạnh phúc, thay trời đổi đất, sắp đặt giang sơn". Chính những lời nói đại ngôn, sáo rỗng đã cho thấy ông Chủ tịch xã là người nóng vội, thiếu hiểu biết, kiểu "ếch ngồi đáy giếng". Ông khao khát thay đổi hoàn cảnh nhưng lại không có phương pháp đúng. Làm gì có chuyện chỉ cần đặt lại cho xã cái tên mới thật kêu là mọi việc sẽ thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp như một giấc mơ?

NÓI VÀ NGHE

Trình bày bài giới thiệu về một vấn đề của tác phẩm văn học

1 Định hướng

Ở lớp 7, các em đã học cách trao đổi về một bài thơ, đoạn thơ bốn chữ, năm chữ và về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học. Bài học này sẽ tiếp tục giúp các em rèn luyện kĩ năng trình bày bài giới thiệu về một vấn đề nội dung hay nghệ thuật của tác phẩm văn học.

2 Thực hành

Bài tập: *Giả sử trong buổi sinh hoạt ngoại khoá của lớp vào tuần tới, nhóm em đăng kí trình bày về một vấn đề của văn bản "Đổi tên cho xã" trích từ vở hài kịch "Bệnh sĩ" của Lưu Quang Vũ, em sẽ trình bày bài giới thiệu của nhóm em như thế nào?*

a) Chuẩn bị

– Đọc kĩ yêu cầu bài tập; xác định những từ ngữ quan trọng thể hiện yêu cầu để biết yêu cầu về thể loại, nội dung, phạm vi bài trình bày, mục đích trình bày, người nghe.

– Xem lại nội dung đọc hiểu đoạn trích *Đổi tên cho xã* (Bài 4).

– Xác định vấn đề nhóm sẽ trình bày. Ví dụ: Một nhân vật trong đoạn trích (ông Nha, Văn Sửu, ông Độp,...), thông điệp của đoạn trích (phê phán thói háo danh, giả dối, hãnh tiến, sĩ rởm,...), thủ pháp trào phúng gây cười (hành động, lời nói khoa trương, lố bịch của ông Chủ tịch xã, vị thư kí, người dân),...

– Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ cho phần trình bày nếu có (hình ảnh, âm thanh, video và tư liệu liên quan khác).

b) Tìm ý và lập dàn ý

Ví dụ, chọn vấn đề: Thủ pháp trào phúng gây cười trong đoạn trích *Đổi tên cho xã*.

– Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

+ Em sẽ trình bày về vấn đề gì trong đoạn trích *Đổi tên cho xã*? (Ví dụ: thủ pháp trào phúng).

+ Vấn đề đó có đặc điểm gì nổi bật và xuất hiện trong tác phẩm như thế nào? (Ví dụ: tình huống gây cười, hành động, lời nói lố bịch, cách giải quyết mâu thuẫn,...).

+ Vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào đối với việc thể hiện giá trị tư tưởng của đoạn trích kịch? (Phê phán thói háo danh, giả dối, ảo tưởng, ấu trĩ,...).

– Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được ở trên theo ba phần:

Mở đầu	Giới thiệu vấn đề trình bày: Thủ pháp trào phúng trong đoạn trích kịch *Đổi tên cho xã* – tác dụng của thủ pháp trong việc thể hiện chủ đề.
Nội dung chính	+ Nêu lên một số biểu hiện của thủ pháp trào phúng thể hiện trong đoạn trích (ví dụ: tình huống, nhân vật, bối cảnh,...). + Lí giải về ý nghĩa, tác dụng của thủ pháp trào phúng đối với việc thể hiện nội dung tư tưởng của đoạn trích.
Kết thúc	Khẳng định sự thành công của tác giả trong việc sử dụng thủ pháp trào phúng để tô đậm chất bi hài của đoạn trích kịch; cảm xúc, suy nghĩ của em về giá trị của đoạn trích, bài học rút ra.

c) Nói và nghe

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 31); nội dung nói và nghe đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 32); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

HOÀNG TỬ BÉ – MỘT CUỐN SÁCH DIỆU KÌ(*)

(1) [...] Trẻ em thích *Hoàng tử bé*, vì dung lượng không quá dài, câu chữ đơn giản, lại có nhiều hình vẽ minh hoạ đẹp. Người lớn thích *Hoàng tử bé*, vì cuốn sách khiến họ nhận ra nhiều bài học vốn đơn giản nhưng hay bị lãng quên. [...]

Quả là một cuốn sách diệu kì, bởi nó mang đến những kết luận khác nhau cho từng đối tượng khác nhau dưới những góc nhìn khác nhau, mà các đối tượng đó lại trải dài ở mọi lứa tuổi, trong suốt gần một thế kỉ qua. Vích-to Huy-gô, đại văn hào Pháp, đã từng nói: "Nếu một nhà văn chỉ viết cho thời đại của mình thì tôi sẽ phải bẻ bút và vứt nó đi.". Với *Hoàng tử bé*, thiếu tá Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri đã trở thành một nhà văn viết cho mọi thời đại. [...]

(2) ***Hãy nhìn lại thế giới bằng trái tim***

Cáo lông đỏ tiết lộ với hoàng tử bé: "Bí mật của tớ đây. Rất chi là đơn giản: người ta chỉ nhìn rõ được bằng trái tim. Con mắt thường luôn mù loà trước điều cốt tử.".

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

Nhiều khi những quyết định mang tính trực giác lại đem tới kết quả tốt hơn là sự phân tích bằng lí trí. Điều này thể hiện rõ ở sự khác nhau trong cách nhìn nhận vấn đề của trẻ em và người lớn.

Suy nghĩ của trẻ em không nặng về lí trí nên trực giác là cái cốt lõi để trẻ em cảm nhận thế giới xung quanh, khi đó, trí tưởng tượng sẽ được thể hiện rõ rệt. Như mở đầu câu chuyện, chàng phi công kể về bức tranh năm sáu tuổi của chàng, đó là bức hoạ con trăn nuốt chửng con voi, nhưng chẳng người lớn nào nhận ra dụng ý của hoạ sĩ tí hon, mà họ khẳng định rằng đó là cái mũ. Thế là chàng phi công vẽ lại con voi rõ ràng, chi tiết trong bụng con trăn, người lớn gọi đó là con trăn hở bụng.

Người lớn sống với bộ óc đã tiếp thu nhiều kiến thức, quyết định của họ đều trải qua sự cân nhắc kĩ lưỡng, cái nhìn của họ thiên về lí trí. Những người mà hoàng tử bé gặp trong cuộc hành trình đến Trái Đất đều là những con người sống như công cụ. Nào là doanh nhân, nhà địa lí và thậm chí người thắp đèn đáng thương,... Họ không thấy được ánh sáng của những vì sao; họ trở nên ưa áp đặt và thích phán xét người khác, đôi khi theo đuổi những thứ không đâu vào đâu... Người lớn ảo tưởng với mĩ từ "trưởng thành" nên tự cho rằng mình biết rất nhiều, nhưng thực ra, họ-không-biết-rằng-có-những-cái-họ-không-biết. Đó là lí do trẻ con hiểu những điều giản đơn mà người lớn không hiểu.

Vậy nên con người cần nhìn lại thế giới một lần nữa, cần đặt mình ở các phương diện khác nhau khi đánh giá một vấn đề, và, cần dùng trái tim để cảm nhận.

(3) ***Hãy luôn luôn cố gắng trong mọi việc***

Hoàng tử bé có nhắc đến sự sinh sôi nảy nở nhanh chóng của một loài cây mang tên bao báp. Nếu như không chú ý, cây bao báp sẽ bành trướng và đâm rễ cho thủng luôn cả hành tinh B612 của cậu.

Bởi vậy, nền nếp hằng ngày của hoàng tử bé là sau khi vệ sinh buổi sáng cho mình xong, cậu sẽ vệ sinh kĩ lưỡng cho cả hành tinh nữa. Biến việc nhổ cây bao báp và nạo vét các núi lửa đang hoạt động hay đã tắt thành việc đương nhiên như việc vệ sinh cá nhân hằng ngày, hoàng tử bé dạy cho con người bài học về nỗ lực trong công việc, theo chân lí mà cậu thường nói: "Ai mà học được chữ ngờ!".

Cây bao báp giống như phép ẩn dụ về những thói hư hoặc khó khăn trong cuộc đời con người. Lúc đầu, chúng cũng là cây non như cây hoa hồng thôi, nhưng nếu bỏ mặc để chúng lớn lên, chúng sẽ đâm thủng cả hành tinh. Nếu những thói hư tật xấu, những khó khăn, chướng ngại trong cuộc sống hằng ngày, con người không phát hiện ra và xoá sổ chúng đi, chúng sẽ nhanh chóng bành trướng và gây nên thiệt hại khôn lường. *Ai mà học được chữ ngờ?*

Vậy nên, hãy luôn luôn cố gắng trong mọi việc. Hãy tạo những thói quen tốt làm nền tảng để xây dựng cho mình một tương lai tươi sáng. [...]

(Theo taodan.com.vn, 25-12-2020)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 4):

1. Vấn đề nghị luận của văn bản là gì?

A. Những lí do khiến trẻ em thích *Hoàng tử bé*

B. Những bài học bổ ích từ cuốn sách *Hoàng tử bé*

C. Những nhân vật đáng yêu trong truyện *Hoàng tử bé*

D. Những nỗ lực của Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri khi viết *Hoàng tử bé*

2. Tên các mục được in đậm trong văn bản (***Hãy nhìn lại thế giới bằng trái tim*** – ***Hãy luôn luôn cố gắng trong mọi việc***) là yếu tố nào trong bài văn nghị luận?

A. Luận đề B. Luận điểm C. Lí lẽ D. Bằng chứng

3. Luận điểm ở phần (3) được triển khai theo trình tự nào?

A. Nêu luận điểm; đưa bằng chứng gián tiếp; lí giải và phân tích bằng chứng

B. Nêu luận điểm; trích và phân tích bằng chứng; khẳng định ý kiến

C. Đưa bằng chứng gián tiếp; lí giải và phân tích bằng chứng; khẳng định ý kiến

D. Đưa bằng chứng trực tiếp; phân tích bằng chứng, tóm tắt nội dung phân tích

4. Văn bản này **không** nhằm hướng tới mục đích nào?

A. Khẳng định giá trị tư tưởng của cuốn sách *Hoàng tử bé*

B. Giới thiệu cốt truyện hấp dẫn của cuốn sách *Hoàng tử bé*

C. Thu hút sự quan tâm chú ý của người đọc đối với cuốn sách *Hoàng tử bé*

D. Ghi nhận thành công của tác giả Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri qua cuốn sách *Hoàng tử bé*

5. Ghép mỗi ô ở cột A với một ô ở cột B để có được những xác nhận đúng:

A	B
1) Người lớn sống với bộ óc đã tiếp thu nhiều kiến thức, quyết định của họ đều trải qua sự cân nhắc kĩ lưỡng, cái nhìn của họ thiên về lí trí.	a) Bằng chứng
2) Những người mà hoàng tử bé gặp trong cuộc hành trình đến Trái Đất đều là những con người sống như công cụ. Nào là doanh nhân, nhà địa lí và thậm chí người thắp đèn đáng thương,...	b) Lí lẽ

3) Họ không thấy được ánh sáng của những vì sao; họ trở nên ưa áp đặt và thích phán xét người khác, đôi khi theo đuổi những thứ không đâu vào đâu... Người lớn ảo tưởng với mĩ từ "trưởng thành" nên tự cho rằng mình biết rất nhiều, nhưng thực ra, họ-không-biết-rằng-có-những-cái-họ-không-biết.	c) Kết luận được rút ra
4) Đó là lí do trẻ con hiểu những điều giản đơn mà người lớn không hiểu.	d) Bằng chứng được phân tích

6. Tìm một câu trong văn bản có sử dụng thành phần phụ chú. Tác dụng của thành phần phụ chú đó là gì?

7. Nếu cần chỉ ra một yếu tố tạo nên sự hấp dẫn trong cách trình bày văn bản trên, theo em, đó là yếu tố nào? Hãy lí giải cụ thể.

8. Vì sao tác giả cho rằng "cần đặt mình ở các phương diện khác nhau khi đánh giá một vấn đề, và, cần dùng trái tim để cảm nhận"? Hãy đưa ra bằng chứng cho câu trả lời của em.

9. Nêu và lí giải về một điểm tương đồng trong cách trình bày của phần (2) và phần (3).

10. Trong hai bài học được nói đến của truyện *Hoàng tử bé*, bài học nào em thấy hữu ích hơn với bản thân? Vì sao?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm 2 - 3 văn bản nghị luận về những tác phẩm văn học đã học ở lớp 8; ghi lại một số lí lẽ được sử dụng trong văn bản và cho biết những lí lẽ đó dựa trên suy luận hoặc căn cứ nào.

2. Chọn một đoạn văn phân tích bằng chứng mà em thấy thú vị trong số các văn bản nghị luận đã đọc và cho biết em có thể học được điều gì thú vị từ cách phân tích bằng chứng đó.

Bài 10 VĂN BẢN THÔNG TIN

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

• Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản, phân tích được thông tin cơ bản và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản.

• Nhận biết và sử dụng được câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể trong hoạt động giao tiếp; biết sử dụng thành phần biệt lập trong câu.

• Viết được bài văn giới thiệu một cuốn sách đã đọc.

• Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (theo sự lựa chọn cá nhân) có sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ.

• Yêu thích đọc sách, xem phim và khám phá, chia sẻ giá trị của các sản phẩm tinh thần trong cuộc sống.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Văn bản thông tin: giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim

– Văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim là loại văn bản thông tin có mục đích trình bày cho người đọc biết các thông tin cơ bản, nổi bật về nội dung, hình thức, giá trị,... của cuốn sách hoặc bộ phim đó.

– Thông tin trong văn bản giới thiệu một cuốn sách hay một bộ phim thường được trình bày theo trình tự: từ thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm đến thông tin cụ thể về nội dung, hình thức của cuốn sách, bộ phim; từ thông tin khách quan về cuốn sách, bộ phim đến những ý kiến chủ quan của người đọc, người xem hoặc người giới thiệu về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của cuốn sách, bộ phim đó. Để tăng hiệu quả của việc cung cấp thông tin, người viết có thể sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, sơ đồ,... trong bài giới thiệu.

2. Câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể

– Câu hỏi là câu dùng để hỏi thông tin. Về hình thức, câu hỏi thường có các từ nghi vấn: *ai, gì, nào, sao, đâu, bao giờ, mấy, bao nhiêu, à, ư, hả, chứ, có... không,*

đã... chưa, hoặc từ *hay* (nối các vế có quan hệ lựa chọn). Khi viết, câu hỏi được kết thúc bằng dấu chấm hỏi. Trong một số trường hợp, câu có đặc điểm hình thức của câu hỏi không được dùng để hỏi mà để cầu khiến, cảm thán hay khẳng định, phủ định. Ví dụ, câu "San chả làm nội trợ mãi rồi đấy **ư**?" (Nam Cao) không được dùng để hỏi mà được dùng để khẳng định. Câu "Các bạn **có** thể nói nhỏ hơn một chút được **không**?" được dùng với mục đích cầu khiến.

– Câu khiến là câu dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo, ngăn cấm. Ví dụ: "**Đừng** có đi đâu đấy." (Kim Lân), "Con nín **đi**!" (Nguyên Hồng). Khi viết, câu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than nhưng cũng có thể kết thúc bằng dấu chấm (nếu ý cầu khiến không được nhấn mạnh).

– Câu cảm là câu dùng để biểu lộ trực tiếp cảm xúc của người nói. Câu cảm thường có các từ ngữ cảm thán như: *a*, *ôi*, *than ôi*, *hỡi ơi*, *trời ơi*, *chao ôi*, *thay*, *biết bao*, *biết chừng nào*,... Khi viết, câu cảm thường kết thúc bằng dấu chấm than. Ví dụ: "Lo thay! Nguy thay! (Khúc đê này hỏng mất.)" (Phạm Duy Tốn).

– Câu kể là câu được dùng để trình bày (trần thuật, miêu tả, nhận định,...) về sự vật, sự việc. Câu kể không có đặc điểm hình thức của câu hỏi, câu khiến, câu cảm. Khi viết, câu kể thường được kết thúc bằng dấu chấm hoặc đôi khi bằng dấu chấm than, dấu chấm lửng. Trong một số trường hợp, câu có đặc điểm hình thức của câu kể không được dùng để kể mà chủ yếu để cầu khiến. Ví dụ, câu: "Trời sắp mưa đấy!" được dùng để nhắc nhở, yêu cầu (cất quần áo hoặc các thứ phơi bên ngoài vào nhà).

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1 *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* – tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.(*)

– Khi đọc văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim, các em cần chú ý:(**)

+ Đọc lướt tên bài, các đề mục lớn nhỏ,... để xác định:

• Văn bản giới thiệu cuốn sách hoặc bộ phim nào?

• Em đã biết gì về cuốn sách hay bộ phim đó?

(*), (**) Khi đọc hiểu các văn bản khác trong Bài 10, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

• Người viết có sử dụng thêm các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, sơ đồ,... để chuyển tải thông tin không?

+ Đọc kĩ văn bản để xác định:

• Bố cục của văn bản gồm mấy phần? Mỗi phần giới thiệu những thông tin chính nào? Thông tin trong văn bản được giới thiệu theo trình tự ra sao?

• Cách trình bày của văn bản (nhan đề, sa pô, các tiểu mục, sự kết hợp kênh chữ và kênh hình,...) có tác dụng gì?

• Văn bản giúp em biết thêm điều gì? Thông tin từ văn bản có ý nghĩa như thế nào với em?

– Dựa vào phần *Kiến thức ngữ văn* và nhan đề văn bản, hãy dự đoán xem văn bản sẽ cung cấp cho người đọc những thông tin gì.

– Đọc trước văn bản giới thiệu *"Lá cờ thêu sáu chữ vàng" – tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi.*

2 Đọc hiểu

① *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* viết về anh hùng thiếu niên Trần Quốc Toản được xem là tác phẩm văn học kinh điển[1] dành cho thiếu nhi của tác giả Nguyễn Huy Tưởng. Tên tuổi của ông gắn liền với các tác phẩm lấy cảm hứng từ lịch sử dân tộc như *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (kịch), *Đêm hội Long Trì*, *An Tư công chúa* (tiểu thuyết),...

Phần ① cho em biết điều gì?

Lá cờ thêu sáu chữ vàng là một thiên truyện giáo dục nhân cách, nâng cao hiểu biết của trẻ em về lịch sử nước nhà, góp phần bồi đắp lòng yêu nước cho các em.

② Câu chuyện mở đầu bằng giấc mơ bắt sống được Sài Thung – một tên sứ nhà Nguyên hống hách – của Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản. Quốc Toản tuy tuổi còn nhỏ nhưng đã ý thức được bổn phận của một đấng nam nhi thời loạn, ngay trong cả giấc mơ cũng mong được giết giặc giúp nước. Chính vì thế, khi chú chàng là Chiêu Thành Vương đến họp bàn việc đánh giặc cùng với vua Trần Nhân Tông và các vị vương hầu[2] khác mà không cho Hoài Văn theo, chàng đã một mình phi ngựa để đến kịp. Đến nơi, dù lòng như lửa đốt, chàng vẫn nhẫn nại đứng chờ. Dưới bến là phấp phới những lá cờ hiệu của các vương hầu. Hoài Văn đăm đăm nhìn thuyền của Hưng Võ Vương, Hưng Trí Vương, Hưng Hiếu Vương,... là các con trai của Hưng Đạo Vương cũng có mặt. Chính việc "những người em họ" chỉ "hơn Hoài Văn dăm sáu tuổi" mà được tham dự họp bàn việc nước với nhà vua càng làm chàng thêm nôn nóng. Trong thoáng qua, chàng có suy nghĩ muốn xô ngã mấy người lính Thánh Dực để chạy xuống nơi quan quân

Phần ② giới thiệu nội dung gì?

(1) *Kinh điển*: có giá trị mẫu mực, tiêu biểu.
(2) *Vương hầu*: tầng lớp quý tộc của nhà Trần.

đang bàn bạc nhưng lại sợ tội chém đầu. Càng nghĩ, tâm can Quốc Toản càng như có lửa đang thiêu đốt. Cuối cùng, không nhẫn nhịn được nữa, chàng quyết định "thôi thì liều một chết vậy" và xô mấy người lính, xăm xăm xuống bến, liều mình để được nói một câu xin đánh với nhà vua. Lời Quốc Toản rất hợp ý vua và Hưng Đạo Vương nhưng vua vẫn xem chàng như một đứa trẻ, có lòng song chưa đủ sức, chưa thể làm nên đại sự. Vua ban cho Hoài Văn quả cam quý, bảo chàng về phụng dưỡng mẹ già. Lệnh vua khó cãi song trong lòng Hoài Văn không khỏi thất vọng, chàng đã bóp nát quả cam trong tay từ lúc nào. Từ thất vọng, Hoài Văn quyết tâm tự mình rèn luyện, chiêu binh đánh giặc để thể hiện lòng yêu nước, cũng để chứng minh chàng không phải là một đứa trẻ con hữu dũng vô mưu[1]. Chàng hạ quyết tâm trên chính bến Bình Than rằng: "Rồi xem ai giết được giặc, ai báo được ơn vua, xem ai hơn, ai kém. Rồi triều đình sẽ biết tay ta.".

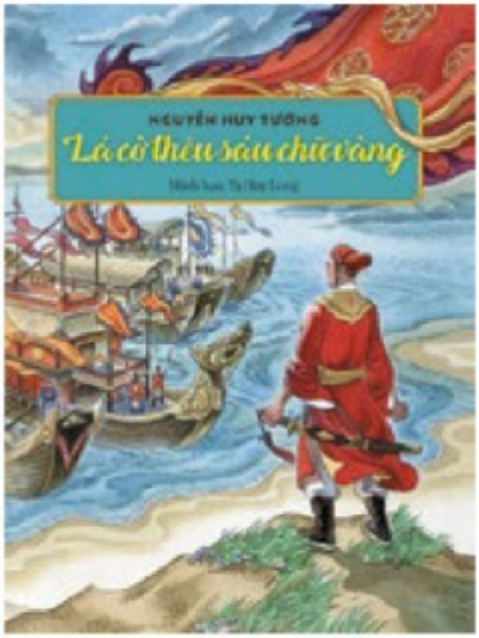

Quyển *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* của tác giả Nguyễn Huy Tưởng

Nói là làm, Trần Quốc Toản trở về quê hỏi ý mẹ và khi được mẹ chấp thuận, ngay lập tức chàng bắt tay vào rèn luyện. Người chú là Chiêu Thành Vương khi biết được lòng quyết tâm của cháu cũng ủng hộ, lại được sự giúp sức của người tướng già, đội binh của Hoài Văn không lâu sau đó đã có được hơn sáu trăm người trẻ tuổi cùng trang lứa với chàng, nhanh nhẹn, không bận lòng việc vợ con và vô cùng thiện chiến.

Chú ý các sự kiện của tác phẩm được giới thiệu.

Khi đã có đội quân của riêng mình, Quốc Toản thẳng tiến truy tìm quân giặc. Chàng cùng sáu trăm chiến sĩ giương cao lá cờ thắm mang sáu chữ vàng "Phá cường địch báo hoàng ân" do chính tay mẹ chàng thêu. Đó là những nét chữ "quang minh chính đại như ban ngày", như "lời thề quyết liệt", "làm cho quân sĩ phấn khởi", "kẻ địch kinh hồn". [...]

Các thông tin trong ngoặc kép được trích dẫn từ nguồn nào?

Sau khi kết nghĩa anh em với Nguyễn Lộc ở trại Ma Lục, đội quân của Trần Quốc Toản đã có trận chiến đấu đầu tiên với quân Nguyên. Tiếng tăm về chàng tướng trẻ tài giỏi với lá cờ thêu sáu chữ vàng ngày càng vang xa. Khi Chiêu Thành Vương vì đuổi theo tên phản quốc Trần Ích Tắc mà vô tình rơi vào vòng vây của quân địch, Trần Quốc Toản đã xuất hiện ứng cứu. Chiêu Thành Vương không thể ngờ chàng tướng trẻ vang danh kia là cháu ruột của mình, trong sự bất ngờ ấy còn xen lẫn cả niềm tự hào.

(1) *Hữu dũng vô mưu*: chỉ có sức mạnh, không có mưu trí.

Được triều đình công nhận, Quốc Toản về dưới trướng của Hưng Đạo Vương, chờ thời cơ phản công quân địch. Tuổi trẻ nóng nảy, chàng nhiều lần vì không thể nhẫn nại, muốn bỏ lên Ma Lục hợp quân cùng Nguyễn Lộc, đánh một trận kinh hoàng. May mắn là bên Quốc Toản luôn có vị tướng già trung thành khuyên ngăn. Cùng với lời dạy dỗ của Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật, Quốc Toản tiếp tục nghiên cứu binh pháp, rèn luyện võ thuật. Cũng trong thời gian này, hai chữ "Sát Thát" được chàng khắc trên cánh tay, xé da thịt mà in sâu vào tận xương cốt, nung nấu chí căm hờn từng ngày.

Cuối cùng thời cơ cũng đến, Hưng Đạo Vương quyết định cử Chiêu Văn Vương lãnh binh xuất quân, Hoài Văn xin theo và sau khi thử lòng chàng, Hưng Đạo Vương đồng ý. Đây là trận đánh lớn đầu tiên trong cuộc đời Hoài Văn, không giống trận chiến trước đó, lần này tên giặc mà chàng phải đối đầu là Toa Đô – tên tướng giỏi nhất của quân Nguyên.

Quốc Toản được Chiêu Văn Vương cử làm tướng tiên phong, dụ quân địch vào bẫy. Khi quân giặc mất cảnh giác xuôi thuyền trên con sông không một bóng người thì quân Hoài Văn tiến lên, cả đoàn thuyền chỉ chừng bốn, năm chục chiếc giăng hàng ngang, dũng mãnh xông thẳng về phía đoàn thuyền chiến của quân địch. Trước một Toa Đô cao lớn, mặt mày hung hãn, Hoài Văn không hề nao núng. Khi Toa Đô dùng chuỳ sắt giáng xuống đầu chàng, "Hoài Văn choáng váng, hai chân loạng choạng, và cả cái thuyền suýt nữa lật nhào" nhưng chàng quyết không lùi bước. Lần thứ hai chạm trán với Toa Đô, chàng đã dùng hết sức nhưng vẫn không giết được hắn. Lần thứ ba, khi Toa Đô vẫn mải đánh đằng mũi, chàng nhảy lên thuyền giặc, xông tới, đá phốc vào cánh tay cầm chuỳ của hắn khiến vũ khí lợi hại nhất của tên tướng giặc rơi xuống sông. Nhưng sau khi tung cú đá vào tay Toa Đô, Hoài Văn mất thăng bằng ngã xuống. Tên tướng giặc vung gươm định giết chàng, may mà có viên tướng già xả thân đỡ kịp. Toa Đô bỏ chạy. Sau đó, nghe theo lời viên tướng già, chàng nhờ người chăm sóc cho ông, còn mình thì dẫn đội quân sáu trăm trai tráng hào kiệt đi đuổi bắt Toa Đô. "Qua rừng, qua núi, qua đèo, qua sông, lá cờ thêu sáu chữ dẫn Hoài Văn và sáu trăm gã hào kiệt đi mãi, đi mãi tới những nơi nào còn bóng quân Nguyên...". [...]

Phần ③ giới thiệu thông tin gì?

③ Bằng sức tưởng tượng phong phú và sự sáng tạo dồi dào, nhà văn Nguyễn Huy Tưởng đã xây dựng được một cốt truyện chặt chẽ, hấp dẫn với các sự kiện, chi tiết đặc sắc, ấn tượng. Tác phẩm đã khắc hoạ số lượng nhân vật đông đảo, trong đó nổi bật là nhân vật trung tâm Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản với lá cờ thêu sáu chữ vàng. Từ những chi tiết rất ít ỏi còn để lại trong tư liệu lịch sử, bằng tài năng và tâm huyết, nhà văn Nguyễn Huy Tưởng đã khắc hoạ chân thực, sinh động chân dung của Trần Quốc Toản, một thiếu niên tuổi trẻ, chí cao, giàu lòng yêu nước, mang tinh thần, hào khí của Thánh Gióng đánh giặc Ân xưa. Ngôn ngữ trong tác phẩm vừa cổ kính, trang nhã, vừa giản dị, tự nhiên. Giọng văn hào sảng, tưng bừng, nhiệt huyết. Tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* đã thể hiện một bức tranh lịch sử hoành tráng, tái hiện bối cảnh

và khí thế hào hùng của quân dân nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên lần thứ hai để bảo vệ nền độc lập dân tộc, thể hiện tinh thần yêu nước quật cường của nhân dân ta.

(Theo sachhaynendoc.net, 23-05-2019)

1. Văn bản *"Lá cờ thêu sáu chữ vàng" – tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi* được viết nhằm mục đích gì?

2. Hãy vẽ sơ đồ tư duy để thể hiện ý chính và thông tin cụ thể làm rõ cho ý chính đó của mỗi phần trong văn bản.

3. Theo em, có thể đảo trật tự trình bày nội dung của các phần trong văn bản được không? Vì sao?

4. Hãy chỉ ra những nội dung nào trong sơ đồ tư duy em vừa thực hiện ở câu 2 là thông tin khách quan về tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*, những nội dung nào là ý kiến chủ quan về tác phẩm của người giới thiệu hoặc người đọc.

5. Hình ảnh bìa sách trong bài viết thể hiện chi tiết nào trong văn bản? Theo em, vì sao người giới thiệu lại chọn hình ảnh này?

6. Ngoài các thông tin được giới thiệu trong văn bản, em còn muốn biết thêm điều gì nữa về tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*? Em làm thế nào để biết được các thông tin đó?

2 Bộ phim *Người cha và con gái*(*)

1 Chuẩn bị

– Hãy kể tên một vài bộ phim về tình cảm gia đình mà em đã xem và chia sẻ ấn tượng của em về một trong số những bộ phim đó.

– Đọc nhan đề, em đoán văn bản sẽ cho người đọc biết những thông tin gì? Vì sao?

– Đọc trước văn bản *Bộ phim "Người cha và con gái"*.

2 Đọc hiểu

Bạn sẽ không thể kìm được nước mắt khi xem những hình ảnh đen trắng và nhạc nền buồn đầy ám ảnh của bộ phim xúc động về tình phụ tử này.

Sa pô có mục đích gì?

① *Người cha và con gái* (*Father and Daughter*) là một bộ phim hoạt hình ngắn không lời của đạo diễn người Hà Lan Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt (Michael Dudok de Wit)

Phần ① cho em biết các thông tin nào về bộ phim?

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

thực hiện năm 2000. Bộ phim chỉ gói gọn trong thời lượng 8 phút 30 giây nhưng đã giành giải Ô-xca[1] (Oscar) cho phim hoạt hình ngắn xuất sắc nhất năm 2001 cùng rất nhiều giải thưởng khác. Bộ phim là câu chuyện sâu sắc, cảm động về tình cha con.

② Phim bắt đầu bằng hình ảnh hai cha con cùng đạp xe trên con đường đồi. Họ dừng lại bên hai gốc cây to đổ bóng, người cha chia tay cô con gái bé nhỏ trong lưu luyến rồi bước xuống con thuyền đậu sẵn dưới bến và chèo đi. Cô con gái đứng mãi trên bờ dốc nhìn theo hút bóng chiếc thuyền. Khi phía trước chỉ còn là mặt nước mênh mông, cô bé lặng lẽ đạp xe ngược trở lại con đường.

Ngày ngày, cô bé vẫn kiên trì đạp xe một mình trở lại nơi bến cũ, mòn mỏi chờ đợi người cha. Con đường ngược dốc, ngược gió. Những vòng xe quay đều, quay đều như năm tháng trôi đi.

Chú ý các thông tin về nội dung của bộ phim.

Mùa nọ nối mùa kia, cô bé xưa nay đã trở thành thiếu nữ, cô lập gia đình, rồi có con... Vẫn con đường ra bến sông, vẫn những vòng xe quay đều, bất chấp thời gian và thời tiết, cô đều đặn đạp xe cùng bạn bè, cùng người yêu, rồi cùng chồng, con,... trở lại tìm cha. Cô vẫn đến hai gốc cây ấy, bờ dốc và bến sông ấy, lại trông ngóng, đợi chờ, rồi lặng lẽ trở về.

Cô gái đã thành bà cụ già. Ngọn đồi nhỏ, con đường dài, hai hàng cây qua bao mùa thay lá, không còn đủ sức để đạp xe, bà lão dắt chiếc xe đạp cũ vượt dốc đồi.

Cái bến nhỏ ngày nào giờ đã lùi xa trở thành một vùng lau lách um tùm. Bà lão loay hoay dựng mãi chiếc xe đạp rồi men theo bờ dốc, bước xuống lòng bến cạn. Ở đó, bà đã nhìn thấy con thuyền của người cha năm xưa. Chiếc thuyền cũ kĩ, nằm im trong cát. Bà lão nhẹ nhàng nằm xuống lòng thuyền như muốn tìm lại hơi ấm của người cha.

Và người cha bỗng hiện ra như thuở nào. Bà lão chạy về phía trước để đón cha. Thời gian bỗng như quay ngược trở lại. Bã lão trở thành cô thiếu nữ. Hai cha con giang rộng vòng tay, ôm chặt lấy nhau trong ấm áp, yêu thương, xúc động...

③ Bộ phim hoạt hình sử dụng hai tông màu chủ đạo là trắng và đen. Đó là màu của thời gian nghiệt ngã, màu của quên lãng. Cảnh vẽ trong phim đơn giản, gợi khung cảnh thời thơ ấu ở một vùng quê của Hà Lan, quê hương của đạo diễn Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt. Bộ phim có những hình ảnh mang ý nghĩa ẩn dụ: con đường, bến sông, bánh xe

Phần này cho biết thông tin gì về bộ phim?

(1) *Ô-xca*: giải thưởng điện ảnh hằng năm của Viện Hàn lâm Khoa học và Nghệ thuật Điện ảnh Hoa Kỳ vinh danh các tác phẩm điện ảnh, đạo diễn, diễn viên,... xuất sắc nhất.

đạp đều đặn quay tròn,... Phim không sử dụng lời thoại, chỉ thông qua động tác, cử chỉ, âm nhạc nền, hình ảnh để biểu đạt thông điệp. Bản nhạc *Sóng sông Đa-nuýp* (Danube) của nhà soạn nhạc người Ru-ma-ni (Roumanie) I-ô-xíp I-va-nô-vích (Iosif Ivanovici) được chọn làm nhạc nền của phim. Âm nhạc cùng với hình ảnh đã thay lời thoại, biểu đạt thành công tâm trạng của nhân vật: cảm xúc lưu luyến khi chia tay của hai cha con, tâm trạng phơi phới của cô con gái ngày ngày ngược gió đạp xe đi đón cha, bà lão đạp xe trong mệt mỏi với những hi vọng, đợi chờ không tắt, khoảng lặng chùng xuống khi người con nhìn thấy chiếc thuyền xưa... Và bản nhạc *Sóng sông Đa-nuýp* trào lên với giai điệu tươi vui, rộn ràng như sống lại tuổi thơ khi người con gái được gặp lại cha mình trong tưởng tượng.

④ Chỉ trong hơn 8 phút ngắn ngủi, người xem như được sống lại những kỉ niệm thời thơ ấu, được quấn quýt bên cha và được cha bế ẵm. Kí ức giản đơn nhưng cũng đủ cho một đời khao khát chờ đợi...

Dù trong phim hay trong đời thực, người cha vẫn luôn là tượng đài vĩnh cửu, là bến bờ yêu thương của mọi đứa con. Qua bộ phim, chúng ta càng thêm thấm thía sự quý giá vô cùng của tình phụ tử.

Hãy trân trọng người cha, người mẹ đang bên bạn, bởi vì có họ ở bên là một niềm hạnh phúc vô giá!

(Theo vtc.vn, 30-09-2017)

1. Hãy hoàn thành sơ đồ tư duy dưới đây để thể hiện ý chính của mỗi phần trong văn bản *Bộ phim "Người cha và con gái"* và thông tin cụ thể làm rõ cho mỗi ý chính đó:

2. Mỗi trích dẫn sau thể hiện thông tin khách quan về bộ phim hay nhận xét, ý kiến chủ quan của người giới thiệu về bộ phim?

a) *Người cha và con gái* (*Father and Daughter*) là một bộ phim hoạt hình ngắn không lời của đạo diễn người Hà Lan Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt thực hiện năm 2000.

b) Âm nhạc cùng với hình ảnh đã thay lời thoại, biểu đạt thành công tâm trạng của nhân vật: cảm xúc lưu luyến khi chia tay của hai cha con, tâm trạng phơi phới của cô con gái ngày ngày ngược gió đạp xe đi đón cha, bà lão đạp xe trong mệt mỏi với những hi vọng, đợi chờ không tắt, khoảng lặng chùng xuống khi người con nhìn thấy chiếc thuyền xưa...

c) Phim bắt đầu bằng hình ảnh hai cha con cùng đạp xe trên con đường đồi.

d) Hai cha con giang rộng vòng tay, ôm chặt lấy nhau trong ấm áp, yêu thương, xúc động...

e) Hãy trân trọng người cha, người mẹ đang bên bạn, bởi vì có họ ở bên là một niềm hạnh phúc vô giá!

3. Các hình ảnh trong văn bản được lấy từ nguồn nào và có tác dụng gì? Em ấn tượng nhất với hình ảnh nào? Vì sao?

4. Ngoài các thông tin được giới thiệu trong bài viết, em còn muốn biết thêm thông tin nào về bộ phim *Người cha và con gái*? Hãy tìm hiểu và chia sẻ các thông tin đó.

5. Sau khi đọc bài giới thiệu, em có muốn xem bộ phim *Người cha và con gái* không? Vì sao?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Xác định câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm trong những câu dưới đây (trích truyện *Lão Hạc* của Nam Cao). Chỉ ra đặc điểm giúp nhận biết mỗi kiểu câu đó.

a) *Ông giáo hút trước đi.*

b) *Lão hút xong, đặt xe điếu xuống, quay ra ngoài, thở khói.*

c) *Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi.*

d) *Hỡi ơi lão Hạc!*

e) *Thế nó cho bắt à?*

g) *Chao ôi!*

h) *Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão.*

2. Trong những câu dưới đây (trích truyện *Lão Hạc* của Nam Cao), câu nào được dùng để hỏi, câu nào được dùng để biểu thị ý phủ định? Vì sao?

a) *Việc gì còn phải chờ khi khác?*

b) *Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?*

c) *Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu?*

d) *Có đồng nào, cụ nhặt nhạnh đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn?*

3. Ghép các thành phần tình thái (in đậm) với nghĩa phù hợp:

Thành phần tình thái	Nghĩa
a) ***Chả nhẽ*** *cái bọn ở làng lại đốn đến thế được.* (Kim Lân)	1) biểu thị ý phỏng đoán, dè dặt về điều nêu sau đó
b) *Cuộc đời* ***quả thật*** *cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...* (Nam Cao)	2) biểu thị ý: điều sắp nêu ra mới là sự thật và có phần trái với điều nói trước đó
c) ***Thật ra*** *thì trong lòng tôi rất dửng dưng.* (Nam Cao)	3) biểu thị ý không khẳng định chắc chắn điều nêu sau đó
d) ***Có lẽ*** *tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ!* (Nam Cao)	4) biểu thị ý xác nhận: sự việc quả đúng như vậy
e) *Chị Dậu* ***dường như*** *tủi thân, cúi xuống gạt thầm nước mắt.* (Ngô Tất Tố)	5) biểu thị ý băn khoăn, nghi ngờ về tính chân thực của điều nêu sau đó

M a) – 5)

4. Tìm thành phần phụ chú trong các câu dưới đây. Chỉ ra dấu hiệu hình thức để nhận biết và tác dụng của thành phần đó trong mỗi câu.

a) *Trên cơ sở một không gian nghệ thuật đầy thi vị – làng Mỹ Lý – ông vẽ những bức tranh thuỷ mặc về những đêm trăng và mùa gặt; cái nhà ga nhỏ và con đường sắt quạnh hiu thỉnh thoảng vọng lên tiếng còi tàu đêm cô đơn, mơ hồ ngoài quãng đồng xa vắng ...* (Trần Hữu Tá)

b) *Bộ phim có những hình ảnh mang ý nghĩa ẩn dụ: con đường, bến sông, bánh xe đạp đều đặn xoay tròn,...* (*Bộ phim "Người cha và con gái"*)

c) *Cảnh vẽ trong phim đơn giản, gợi khung cảnh thời thơ ấu ở một vùng quê của Hà Lan, quê hương của đạo diễn Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt.* (*Bộ phim "Người cha và con gái"*)

d) *"Người cha và con gái" (Father and Daughter) là một bộ phim hoạt hình ngắn không lời của đạo diễn người Hà Lan Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt thực hiện năm 2000.* (*Bộ phim "Người cha và con gái"*)

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Cuốn sách *Chìa khoá vũ trụ của Gioóc-giơ* (*)

1 Chuẩn bị

– Nhan đề văn bản và hình ảnh bìa sách minh hoạ (trang 113) cho em dự đoán cuốn sách được giới thiệu viết về đề tài, chủ đề nào? Hãy chia sẻ ngắn gọn điều em đã biết về đề tài, chủ đề này.

(*) Nguyên văn: *Chìa khoá vũ trụ của Gioóc-giơ.*

– Đọc trước văn bản *Cuốn sách "Chìa khoá vũ trụ của Gioóc-giơ"* và tìm hiểu thêm các thông tin em muốn biết có liên quan đến cuốn sách.

2 Đọc hiểu

Có nhiều điều kì lạ đang đợi bạn trong cuốn sách này, mà điều đầu tiên, đó là tên tuổi của Xti-vân Ho-king (Stephen Hawking), nhà vật lí lí thuyết lỗi lạc với những công trình lớn, đặc biệt là những công bố về "hố đen".

Sa pô của bài báo có tác dụng gì?

① Cuốn sách *Chìa khoá vũ trụ của Gioóc-giơ* (George) có tên gốc tiếng Anh là *George's Secret Key to the Universe*, xuất bản lần đầu năm 2007 tại Anh. Đây là cuốn sách khoa học được viết dưới dạng tiểu thuyết phiêu lưu hấp dẫn dành cho thiếu nhi mang chủ đề khám phá vũ trụ.

Chú ý các thông tin giới thiệu chung về cuốn sách.

Tác giả của *Chìa khoá vũ trụ của Gioóc-giơ* là hai cha con, Xti-vân Ho-king và Lu-xi (Lucy) – con gái ông. Xti-vân Ho-king là nhà vật lí lí thuyết, nhà vũ trụ học người Anh, người đã dành phần lớn cuộc đời để khám phá vũ trụ, kể cả khi mắc chứng bệnh không cử động được toàn thân suốt mấy chục năm. Ông được coi là một trong những nhà nghiên cứu vật lí lí thuyết xuất sắc thế giới sau Anh-xtanh (Einstein). Không ngần ngại về giới hạn của một tác phẩm viết cho thiếu nhi, nhà khoa học tài năng này gửi gắm khá nhiều thông tin mới trong các công trình khoa học đã được công bố trên thế giới của ông vào nội dung cuốn sách.

Cùng Xti-vân Ho-king bắt tay vào thực hiện cuốn sách còn có một số người khác, trước hết là con gái của ông – Lu-xi. Bà đã có hai tiểu thuyết xuất bản và hiện cộng tác cho một số tờ báo của Anh. Trong lời cảm ơn khi tác phẩm hoàn thành, Lu-xi có nhắc đến Crít-xtốp Gan-phớt (Christophe Galfard) với những đóng góp to lớn trong việc xây dựng cốt truyện, hình ảnh và chi tiết khoa học, sáng tạo. Ông cũng là tiến sĩ vật lí lí thuyết, học trò cũ của Xti-vân Ho-king, hiện sống tại Pháp và giảng dạy khoa học theo phương pháp trò chơi. Phần minh hoạ hấp dẫn là của Ge-ri Pa-xơn (Garry Parsons), hoạ sĩ vẽ tranh minh hoạ cho sách thiếu nhi từng đạt nhiều giải thưởng.

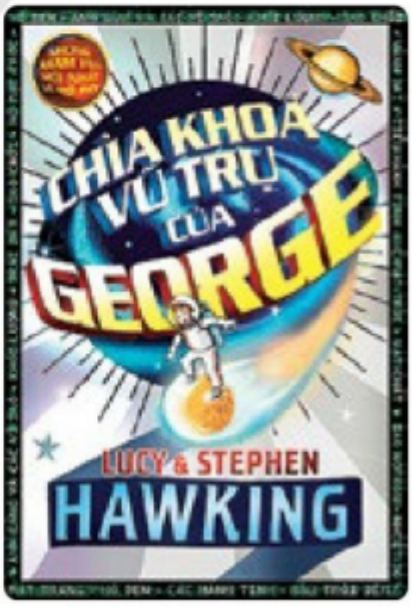

Trang bìa cuốn sách

Chìa khoá vũ trụ của Gioóc-giơ được phát hành tại Việt Nam từ năm 2008 qua bản dịch của dịch giả Lê Minh Đức, do Nhà xuất bản Văn học ấn hành.

② Cuốn sách bắt đầu bằng câu chuyện của cậu bé Giooc-giơ hiền lành và rất đỗi khổ sở vì bố mẹ gần như triệt tiêu những gì liên quan đến khoa học trong nhà. Với mong muốn có được một cuộc sống đơn giản, thanh sạch hơn, họ tự giặt quần áo bằng tay, không sở hữu xe ô tô và thắp sáng ngôi nhà bằng nến để khỏi phải dùng điện,... Thứ mà Giooc-giơ ước ao hơn hết thảy mọi thứ trên toàn vũ trụ này là một chiếc máy vi tính, nhưng cậu chắc chắn bố mẹ sẽ chẳng bao giờ mua cho mình. Giooc-giơ chỉ có thể làm bạn với chú lợn Fre-đi (Freddy) – một món quà bất ngờ được gửi đến vào dịp Giáng sinh.

Câu văn mở đầu phần ② cho người đọc dự đoán nội dung giới thiệu trong phần này là gì?

Khi phát hiện Fre-đi đã trốn sang vườn nhà hàng xóm, Giooc-giơ chui rào sang khu vườn rậm rạp có ngôi nhà bí ẩn. Tại đây, cậu đã làm quen với cô bạn gái tóc vàng En-ni (Annie), gặp cha của cô bé là E-ríc (Eric), một nhà khoa học, và Cốt-mốt (Cosmos), chiếc máy tính thông minh nhất thế giới. Cốt-mốt có thể vẽ ra những cánh cửa cho phép mọi người nhìn vào không gian bên ngoài vũ trụ. Kì diệu hơn, chỉ bằng việc nhấn phím "Enter", Cốt-mốt còn có thể đưa con người du hành vào không gian đó. Giooc-giơ đã được E-ríc yêu cầu Cốt-mốt cho ngắm nhìn vũ trụ lần đầu tiên sau khi đọc lời tuyên thệ: "Tôi xin thề sẽ sử dụng những tri thức khoa học của mình để phục vụ cho lợi ích của nhân loại. Tôi xin hứa sẽ không bao giờ làm hại bất kì ai trong quá trình tìm kiếm hiểu biết của mình. Tôi sẽ can đảm và cẩn thận trong công cuộc tìm kiếm những tri thức vĩ đại hơn nữa về mọi bí ẩn xung quanh chúng ta. Tôi sẽ không sử dụng những tri thức khoa học cho lợi ích của cá nhân mình hay trao nó cho những kẻ mưu toan phá hoại hành tinh tươi đẹp nơi chúng ta đang sống. Nếu phá bỏ lời tuyên thệ này thì cầu cho vẻ đẹp và sự kì diệu của vũ trụ mãi mãi lánh xa tôi...".

Ngày hôm sau, khi Giooc-giơ bị một số bạn trong lớp săn đuổi về tận nhà để gây sự, En-ni đã xuất hiện đúng lúc trong bộ quần áo du hành vũ trụ và giải cứu cho người bạn mới. Nhờ Cốt-mốt, En-ni và Giooc-giơ đã có một cuộc du hành vào không gian trên một ngôi sao chổi. Trong khi bay vùn vụt giữa vũ trụ, chúng say sưa ngắm Sao Thổ, Sao Mộc cùng các Mặt Trăng của nó, bay qua một cơn bão tiểu hành tinh,... và may mắn được chú E-ríc xuất hiện đúng lúc, cứu thoát khỏi vụ mắc kẹt trên sao chổi để trở về Trái Đất.

Giooc-giơ đăng kí tham gia cuộc thi thuyết trình khoa học do nhà trường tổ chức. Giữa lúc đó, Cốt-mốt bị tiến sĩ Ri-pơ (Reeper) đánh cắp để vụ lợi. Hắn lập mưu đẩy chú E-ríc vào nguy hiểm khôn lường. Và trong không gian vũ trụ không có gì nguy hiểm hơn một cái hố đen... Bằng sự thông minh, Giooc-giơ đã tìm lại được Cốt-mốt, nhờ sự trợ giúp của chiếc máy tính siêu đẳng, cậu đã bước vào vũ trụ và tìm cách cứu được chú E-ríc.

Giooc-giơ kịp quay về trường, là người thuyết trình cuối cùng trong cuộc thi về đề tài "Chìa khoá bí mật dẫn tới vũ trụ". Bài dự thi của cậu đã được ban giám khảo

trao giải Nhất với phần thưởng là một chiếc máy tính tuyệt vời do nhà tài trợ trao tặng. Đêm ấy, Gioóc-giơ đi ngủ nhưng không kéo rèm cửa. Cậu ngắm nhìn bầu trời đêm được dát đầy những ngôi sao lấp lánh, rực rỡ, một ngôi sao băng rơi vút qua nền trời đen thẳm, cái đuôi dài sáng chói của nó rực lên mấy giây trước khi biến vào hư vô...

Cùng với câu chuyện du hành vào vũ trụ của Gioóc-giơ, cuốn sách cung cấp các thông tin khoa học. Bạn đọc sẽ lần lượt tìm hiểu về sự ra đời của ngôi sao, khám phá hệ Mặt Trời với mọi vật thể bị hút bởi lực hấp dẫn của nó, và không thể không kể về chuyến du hành tới "hố đen". "Hố đen" là gì? "Hố đen" được hình thành thế nào? Làm sao để chúng ta có thể nhìn thấy "hố đen"? Có cách nào thoát khỏi "hố đen" hay không? Một vấn đề thật lớn và chắc chắn đầy rắc rối, khó hiểu đã được giải mã bằng sự biến mất của nhà khoa học E-ríc. Và chính cậu bé Gioóc-giơ chưa hề có nhiều kiến thức về vũ trụ đã tự lần mò theo tư liệu về hố đen để đưa chú E-ríc thoát ra một cách ngoạn mục.

Chú ý các thông tin khoa học được giới thiệu trong cuốn sách.

③ Là một cuốn sách khoa học nhưng *Chìa khoá vũ trụ của Gioóc-giơ* không khô khan. Kiến thức khoa học được thể hiện qua một cốt truyện phiêu lưu mà đầy gợi mở về những ý tưởng thực tế. Nội dung tri thức được thể hiện ngắn gọn, mạch lạc, ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, hấp dẫn. Cuốn sách còn có bộ sưu tập ảnh vũ trụ đủ chinh phục những ai đang nuôi giữ khát khao tìm hiểu thế giới bao la này. Tác phẩm gieo vào tâm hồn thế hệ trẻ niềm khát khao chinh phục khoa học. Trong bài thuyết trình của mình, Gioóc-giơ đã phát biểu: "Tôi muốn nói với các bạn về những điều này bởi vì khoa học là hết sức quan trọng. Không có khoa học, chúng ta sẽ không thể hiểu được bất kì điều gì, và như vậy thì làm sao chúng ta có thể làm bất kì việc gì đúng hay đưa ra bất kì quyết định gì đúng được? Một số người nghĩ khoa học thật là nhàm chán, một số khác lại nghĩ nó thật là nguy hiểm – và nếu chúng ta không say mê khoa học, học để biết nó và vận dụng nó một cách đúng đắn, thì có lẽ đúng là nhàm chán và nguy hiểm thật. Nhưng nếu các bạn thử tìm hiểu nó, các bạn sẽ thấy nó vô cùng lôi cuốn và nó quan trọng đối với chúng ta cũng như tương lai của hành tinh chúng ta...". Đó phải chăng cũng là điều các tác giả muốn gửi gắm qua cuốn sách? *Chìa khoá vũ trụ của Gioóc-giơ* còn nhắn gửi thông điệp về mục tiêu tìm một hành tinh khác có sự sống chuẩn bị cho loài người mai sau, về mong muốn bảo vệ môi trường của Trái Đất,... Lời nhắn đó như gieo một ước mơ, một hoài bão cho bất cứ đứa trẻ nào muốn làm nên điều kì diệu cho Trái Đất này.

Phần này cho người đọc biết thêm thông tin gì?

(Theo PHÚC YÊN, vnexpress.net, 24-03-2008)

1. a) Ghép mỗi phần văn bản được nêu ở cột A với ý chính phần đó ở cột B:

A	B
Phần ①	Giới thiệu các đánh giá của bạn đọc về cuốn sách
Phần ②	Giới thiệu nội dung của cuốn sách
Phần ③	Giới thiệu chung về cuốn sách
	Giới thiệu hình thức thể hiện và thông điệp của cuốn sách

b) Nêu các thông tin cụ thể làm rõ cho ý chính của mỗi phần văn bản.

2. Văn bản *Cuốn sách "Chìa khoá vũ trụ của Giooc-giơ"* được viết nhằm mục đích gì? Để đạt được mục đích đó, người viết đã sắp xếp các thông tin chính theo trật tự như thế nào? Có thể đảo ngược trật tự trình bày không? Vì sao?

3. Phần nào trong văn bản chủ yếu nêu thông tin khách quan về cuốn sách? Phần nào trong văn bản chủ yếu nêu ý kiến chủ quan của người giới thiệu về cuốn sách?

4. Ngoài các thông tin mà văn bản đã cung cấp, em còn tìm hiểu thêm được điều gì về cuốn sách *Chìa khoá vũ trụ của Giooc-giơ*? Hãy chia sẻ những thông tin đó và cách mà em đã thực hiện để biết được các thông tin này.

5. Giả sử có bạn cho rằng sách khoa học thường khô khan và khó đọc. Theo em, nếu được đọc bài giới thiệu sách này, bạn đó có thay đổi suy nghĩ ban đầu không? Vì sao?

6. Em hãy tìm hiểu và giới thiệu tên một vài cuốn sách khoa học phù hợp cho các bạn trong lớp tìm đọc. Nêu ngắn gọn lí do vì sao nên đọc các cuốn sách đó.

VIẾT

Viết bài giới thiệu một cuốn sách

1 Định hướng

1.1. Viết bài giới thiệu một cuốn sách là trình bày cho người đọc biết các thông tin cơ bản về cuốn sách đó như: nhan đề, thể loại, tác giả, hoàn cảnh ra đời, nội dung, hình thức, nghệ thuật và giá trị, ý nghĩa,... của cuốn sách. Ví dụ: Hai văn bản *"Lá cờ thêu sáu chữ vàng" – tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi*, *Cuốn sách "Chìa khoá vũ trụ của Giooc-giơ"* là những văn bản giới thiệu một cuốn sách và có một số đặc điểm chung sau đây:

– Nêu nhan đề cuốn sách được giới thiệu ở tiêu đề và phần đầu của văn bản.

– Nêu các thông tin chung về cuốn sách như: tác giả, hoàn cảnh ra đời, thông tin xuất bản,... trong phần đầu của văn bản.

– Nêu các thông tin về nội dung và hình thức, nghệ thuật thể hiện của cuốn sách ở phần tiếp sau của văn bản.

– Nêu ý kiến của người giới thiệu (hoặc người đọc) về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của cuốn sách.

– Sử dụng hình ảnh minh hoạ để bổ sung, làm rõ thông tin, tăng sức hấp dẫn cho bài giới thiệu.

1.2. Để viết bài giới thiệu một cuốn sách, các em cần chú ý:

– Lựa chọn cuốn sách muốn giới thiệu phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

– Đọc kĩ cuốn sách cần giới thiệu để xác định các thông tin về nội dung và hình thức, nghệ thuật, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách.

– Tìm hiểu thêm các thông tin có liên quan đến cuốn sách; ví dụ: tác giả, hoàn cảnh ra đời, đánh giá của bạn đọc về cuốn sách,...

– Lựa chọn trật tự sắp xếp, trình bày các thông tin trong bài giới thiệu.

– Lựa chọn sử dụng hình ảnh, sơ đồ,... kết hợp với chữ viết để giới thiệu thông tin; có thể viết tay hoặc trình bày trên máy vi tính.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Đề bài: *Nhà trường tổ chức cuộc thi giới thiệu "Bầu trời trong trang sách". Em hãy viết một bài giới thiệu cuốn sách mà em yêu thích.*

a) Chuẩn bị

– Xác định các yêu cầu cần thực hiện: mục đích viết, người đọc,...

– Lựa chọn cuốn sách em yêu thích để giới thiệu.

– Đọc kĩ lại cuốn sách để xác định thông tin về nội dung, hình thức, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách.

– Tìm hiểu, lựa chọn, thu thập thông tin, hình ảnh liên quan đến cuốn sách từ các nguồn khác nhau như sách, báo, Internet,...

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết bằng cách hoàn thành sơ đồ dưới đây:

– Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được ở trên, lựa chọn và sắp xếp lại theo bố cục ba phần của bài viết.

Chú ý: Tuỳ vào mục đích và cuốn sách định giới thiệu, người viết có thể thay đổi trật tự các ý giới thiệu nội dung và hình thức của cuốn sách.

c) Viết

– Dựa vào dàn ý đã lập để viết bài.

– Một ý có thể được thể hiện bằng một đoạn văn hoặc nhiều đoạn văn.

– Có thể lựa chọn sử dụng một số trích dẫn từ cuốn sách trong phần giới thiệu nội dung và hình thức, hoặc trích dẫn nhận định của bạn đọc tin cậy trong phần giới thiệu giá trị, ý nghĩa của cuốn sách.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Viết*, mục d (trang 28); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kĩ năng tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết

a) Cách thức

– Tóm tắt nội dung cuốn sách:

+ Để giới thiệu cuốn sách, người viết cần tóm tắt được nội dung cuốn sách đó.

+ Tóm tắt nội dung cuốn sách là nêu ngắn gọn, chính xác nội dung chính của cuốn sách.

– Cách xưng hô trong bài viết:

+ Để thể hiện mối quan hệ với người đọc, người viết có thể lựa chọn sử dụng hoặc không sử dụng các từ ngữ để xưng hô.

+ Từ ngữ xưng hô là những từ ngữ người viết sử dụng để tự xưng mình (ví dụ: *tôi*, *ta*, *chúng tôi*,...) và gọi người đọc mà mình định hướng đến là ai (ví dụ: *bạn*, *các bạn*, *mọi người*,...). Ngoài ra, còn phải sử dụng các từ ngữ khác nhau để gọi tên tác giả. Ví dụ, với tác giả Hồ Xuân Hương, có thể dùng các từ ngữ: *nhà thơ*, *nữ thi sĩ*, *"Bà chúa thơ Nôm"*, *tác giả bài "Mời trầu"*,..., tránh việc chỉ dùng lặp lại một từ để chỉ tác giả.

b) Bài tập

Luyện viết tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết cho một trong hai đề văn sau:

(1) *Hãy viết bài giới thiệu một cuốn sách văn học hoặc khoa học mà em thấy có ý nghĩa với bản thân.*

(2) *Trang web trường em có chuyên mục "Mỗi tháng một cuốn sách hay". Giả sử là người viết bài cho chuyên mục này, em hãy lựa chọn và giới thiệu một cuốn sách hay đến thầy cô và bạn bè trong trường.*

NÓI VÀ NGHE

Giới thiệu một cuốn sách

1 Định hướng

Các em đã được học về cách thức giới thiệu một cuốn sách ở phần *Viết*. Trong phần *Nói và nghe*, cần chuyển nội dung bài viết đó thành bài nói với các lưu ý sau:

– Trình bày nội dung giới thiệu về một cuốn sách bằng văn nói, không đọc bài viết.

– Chọn cách nói phù hợp với đối tượng người nghe.

– Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như ánh mắt, nét mặt, cử chỉ,... và các phương tiện minh hoạ, hỗ trợ để hoạt động trình bày thêm rõ ràng, thú vị, hấp dẫn.

2 Thực hành

Bài tập: *Hãy giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích với thầy (cô) và các bạn trong lớp.*

a) Chuẩn bị

– Xem lại mục a) *Chuẩn bị* trong phần *Viết* để vận dụng thực hiện bài tập này.

– Xác định thời lượng thuyết trình, đối tượng nghe bài thuyết trình. Ví dụ: thời gian trình bày từ 10 - 15 phút, đối tượng nghe bài thuyết trình là các bạn trong nhóm.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý: Tham khảo mục b) *Tìm ý và lập dàn ý* trong phần *Viết* để vận dụng thực hiện bài tập này.

– Lập dàn ý:

+ Mở đầu: Chào hỏi, giới thiệu cuốn sách yêu thích.

+ Nội dung chính: Lần lượt trình bày thông tin chung về cuốn sách; nội dung, hình thức, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách. Sử dụng các hình ảnh, nội dung minh hoạ tương ứng.

+ Kết thúc: Cảm ơn và bày tỏ mong muốn nhận được phản hồi từ người nghe.

c) Nói và nghe

Tiến hành giới thiệu và nghe giới thiệu về cuốn sách. Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 31); nội dung nói và nghe đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 32); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

TẬP TRUYỆN *QUÊ MẸ* CỦA NHÀ VĂN THANH TỊNH

(1) *Quê mẹ* là tập truyện ngắn của nhà văn Việt Nam Thanh Tịnh, xuất bản lần đầu năm 1941, gồm 13 truyện, có lời *Tựa* của Thạch Lam. Trong lần tái bản năm 1983, tác phẩm được bổ sung thêm năm truyện: *Am culi xe*, *Con so về nhà mẹ*, *Ngậm ngải tìm trầm*, *Một đêm xuân*, *Làng*. [...]

Thạch Lam đã nhận xét khá tinh tế trong bài *Tựa*: "Thanh Tịnh đã muốn làm người mục đồng ngồi dưới bóng tre để ca hát những đám mây và những làn gió lướt bay trên cánh đồng, ca hát những vẻ đẹp của đời thôn quê... Thanh Tịnh đã cho chúng ta nghe cái tiếng sáo nhỏ và thanh của ông, khẽ nổi lên lẫn với tiếng hò của bạn gặt trên sông để ca ngợi cái tình và cái thi vị của một vùng.".

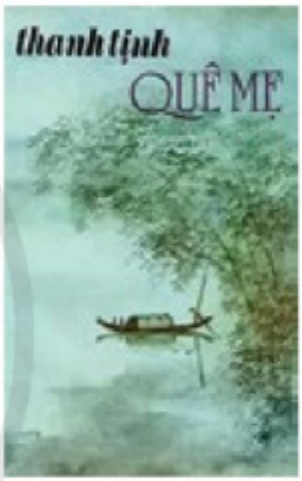

Trang bìa
tập truyện *Quê mẹ*

(2) Trong tập truyện, tác giả tập trung viết về nông thôn xứ Huế quê ông. Trên cơ sở một không gian nghệ thuật đầy thi vị – làng Mỹ Lý – ông vẽ những bức tranh thuỷ mặc về những đêm trăng và mùa gặt; cái nhà ga nhỏ và con đường sắt quạnh hiu thỉnh thoảng vọng lên tiếng còi tàu đêm cô đơn, mơ hồ ngoài quãng đồng xa vắng; dòng sông vắng và những con đò mỏng mảnh ngược xuôi tưởng như lúc nào cũng chở đầy những câu hò tha thiết, gợi nhớ. Trên bối cảnh thơ mộng và phảng phất vị buồn ấy, tác giả đi sâu vào đời sống tình cảm của những người nông dân nghèo miền Trung. Tình yêu đằm thắm của những cô Sương (*Tình thư*), cô Duyên (*Bên con đường sắt*), tình yêu trong sáng nhưng thoảng qua như một ảo ảnh của Phương, người gái goá chèo đò (*Bến Nứa*). Tình yêu làng quê lặng lẽ, sâu kín nhưng lúc nào cũng da diết đến quặn lòng của những cô Thảo, cô Hoa lấy chồng xa (*Quê mẹ*, *Con so về nhà mẹ*), của những người như Tâm phải sống tha phương cầu thực (*Chuyến xe lửa cuối năm*), thậm chí của cả vị sư già tưởng như đã đứt lòng trần "giữa một trái núi bốn mùa mây phủ" trong "một mái

am tranh nương nhẹ mình trên một toà đá cheo leo" (*Một đêm xuân*). Những nhân vật trong truyện của ông người nào cũng ánh lên vẻ đẹp của tâm hồn: hiền lành, chất phác, đôn hậu,... nhưng hầu như ai cũng có nỗi khổ đau riêng. Có khi vì phải xa quê. Có khi gặp trắc trở trong tình yêu. Hầu hết vì nghèo, phải hai sương một nắng nhưng chẳng đủ sống. Vì thế, có chỗ cả làng phải suốt đời sống trên phá rộng sông dài và chết hết trong một trận bão khủng khiếp (*Làng*). Có người liều mạng ngậm ngải tìm trầm để tính chuyện mưu sinh cho vợ con, cuối cùng hoá thành hổ, vĩnh viễn phải sống sinh li (*Ngậm ngải tìm trầm*). Tiêu biểu hơn cả là truyện ngắn *Am culi xe*. Ông gợi lên hình ảnh thật tội nghiệp: một cháu bé mười tuổi, rách rưới, gầy còm, đêm đêm dắt người ông mù già yếu, kéo một chiếc xe tay cũ nát, bánh nhồi rơm, lủi thủi đi dưới trời mưa. Một đêm kia, ông già chết gục vì đói rét và buồn khổ, để lại đứa cháu côi cút.

(3) Nhìn chung, Thanh Tịnh thuộc một phong cách nghệ thuật gần với Thạch Lam, Hồ Dzếnh, Xuân Diệu (*Phấn thông vàng*) nhưng có sắc thái riêng: Ông thích những cái nhẹ nhàng, dịu ngọt, bâng khuâng, man mác. Mỗi truyện ngắn như một bài thơ vịnh gọn và có dư vị trữ tình lắng sâu. Chính với phong vị trữ tình thấm thía này, ngòi bút của ông chinh phục được người đọc.

(Theo TRẦN HỮU TÁ, *Từ điển văn học bộ mới*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2003)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Nội dung văn bản được trình bày theo trật tự nào?

A. Giới thiệu khái quát về tập *Quê mẹ*; giới thiệu nội dung tập truyện; nhận xét, đánh giá về tập truyện

B. Nhận xét, đánh giá về tập truyện; giới thiệu khái quát về tập *Quê mẹ*; giới thiệu nội dung tập truyện

C. Giới thiệu nội dung tập truyện; giới thiệu khái quát về tập *Quê mẹ*; nhận xét, đánh giá về tập truyện

D. Giới thiệu nội dung tập truyện; nhận xét, đánh giá về tập truyện; giới thiệu khái quát về tập *Quê mẹ*

2. Trong các ý kiến sau, những ý kiến nào đúng?

A. Tập *Quê mẹ* xuất bản lần đầu năm 1941, có lời *Tựa* của Thế Lữ.

B. Trong lần tái bản năm 1983, tập truyện gồm 18 truyện ngắn.

C. Không gian nghệ thuật trong tập truyện là làng Mỹ Lý, xứ Huế, quê hương của Thanh Tịnh.

D. Các truyện ngắn được bổ sung trong lần tái bản được Thanh Tịnh viết vào sau năm 1945.

E. Tập truyện viết về đời sống tình cảm của những người nông dân nghèo xứ Huế.

3. Điểm chung của các nhân vật trong tập truyện *Quê mẹ* là gì?

A. Luôn gặp bất hạnh, trắc trở trong cuộc sống

B. Luôn lạc quan, yêu đời, chất phác, hồn hậu

C. Luôn ánh lên vẻ đẹp của tâm hồn và ai cũng có nỗi đau khổ riêng

D. Luôn mong muốn khẳng định bản thân, sống một cuộc đời thực sự có ý nghĩa

4. Truyện nào được người viết đánh giá là tiêu biểu hơn cả trong tập *Quê mẹ*?

A. *Ngậm ngải tìm trầm* B. *Am culi xe*

C. *Tôi đi học* D. *Quê mẹ*

5. Phương án nào nêu trực tiếp ý kiến nhận xét của người viết về tập *Quê mẹ*?

A. *Quê mẹ* là tập truyện ngắn của nhà văn Việt Nam Thanh Tịnh, xuất bản lần đầu năm 1941, gồm 13 truyện, có lời *Tựa* của Thạch Lam.

B. Trong lần tái bản năm 1983, tác phẩm được bổ sung thêm năm truyện: *Am culi xe*, *Con so về nhà mẹ*, *Ngậm ngải tìm trầm*, *Một đêm xuân*, *Làng*.

C. ... Ông thích những cái nhẹ nhàng, dịu ngọt, bâng khuâng, man mác. Mỗi truyện ngắn như một bài thơ vịnh gọn và có dư vị trữ tình lắng sâu.

D. "Thanh Tịnh đã muốn làm người mục đồng ngồi dưới bóng tre để ca hát những đám mây và những làn gió lướt bay trên cánh đồng, ca hát những vẻ đẹp của đời thôn quê..."

6. Chỉ ra thông tin chính được giới thiệu và các chi tiết làm rõ thông tin chính trong phần (2) của văn bản.

7. Em đã được đọc truyện ngắn nào trong tập *Quê mẹ*? Từ hiểu biết về truyện ngắn đó, em thấy ý kiến sau có chính xác không: "Nhìn chung, Thanh Tịnh thuộc một phong cách nghệ thuật gần với Thạch Lam, Hồ Dzếnh, Xuân Diệu (*Phấn thông vàng*) nhưng có sắc thái riêng: ông thích những cái nhẹ nhàng, dịu ngọt, bâng khuâng, man mác."? Hãy giải thích rõ ý kiến của em.

8. Em biết thêm thông tin nào khác về tập *Quê mẹ*? Hãy trình bày ngắn gọn các thông tin đó.

9. Hãy chuyển văn bản trên thành một bản đồ hoạ (infographic) để giới thiệu về tập truyện *Quê mẹ* của nhà văn Thanh Tịnh.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc một số cuốn sách hay về văn học hoặc về khoa học, kĩ thuật. Tóm tắt lại nội dung của các cuốn sách đó.

2. Giới thiệu với bạn bè và người thân một số cuốn sách văn học, khoa học,... thú vị để mọi người cùng tìm đọc.